

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TẬP II
(1975 - 2002)**

THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN NĂM 2002

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

Ban Chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn:

- **LÊ XUÂN HÙNG**, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Bí thư thành ủy Thái Nguyên: Trưởng ban
- **MAI ĐÔNG KINH**, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng
ban Tuyên giáo Thành ủy: Phó ban Thường trực
- **NGUYỄN ĐỨC HÂN**, Ủy viên Ban Thường vụ
Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành
phố: Phó ban
- **DƯƠNG CÔNG NHUẬN**, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh
ủy: Ủy viên
- **DƯƠNG THẮNG**, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng
ban Tổ chức Thành ủy: Ủy viên
- **VŨ MINH TUẤN**, Thành ủy viên, Chánh Văn
phòng Thành ủy: Ủy viên
- **ĐẶNG TRẦN THỌ**, Phó ban Tuyên giáo Thành ủy:
Ủy viên

Biên soạn:

- **TS NGUYỄN XUÂN MINH** (Chủ biên): Chương III
và Kết luận
- **PHẠM TẮT QUYNH**: Chương IV và Chương V
- **NGUYỄN VĂN THẮNG**: Chương I
- **VŨ THANH KHÔI**: Chương II

Hoàn chỉnh bản thảo:

- **TS NGUYỄN XUÂN MINH**

Sửa bản in:

- **NGUYỄN VĂN THẮNG**
- **VŨ THANH KHÔI**

Bìa:

KHẮC THIÊN

Ảnh:

- **PHÒNG VĂN HÓA - THÔNG TIN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**
- **BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN**

TỶ LỆ 1:10.000

ĐÔNG HỖ

PHU BINH

LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930 - 1975" được biên soạn, xuất bản và phát hành năm 1991, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập thành phố Thái Nguyên (19-10-1962 - 19-10-2002), được sự đồng ý của Ban Thường vụ tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố quyết định tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn "Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2002)".

Trong quá trình chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Thành ủy đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, tận tình và hết sức quý báu của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, thành phố và của nhiều đồng chí, đồng bào; đặc biệt là sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng nội dung cuốn sách với tinh thần thẳng thắn, đầy nhiệt tình và trách nhiệm của các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh và thành phố trong các thời kỳ.

Thay mặt Thành ủy, tôi chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, của các đồng chí và đồng bào.

Cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2002)" đã dựng lại quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Thành phố trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ghi lại những thành tựu to

lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa - xã hội mà Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang Thành phố đạt được từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hòa bình, thống nhất đến nay. Cuốn sách cũng phản ánh những mặt chưa thành công của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn; rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, tập thể Ban Thường vụ Thành ủy, trực tiếp là Ban Chỉ đạo đã có những ý kiến chỉ đạo kịp thời; Tổ biên soạn đã làm việc nghiêm túc, công phu và hết sức khẩn trương. Nhờ đó, cuốn sách đã được xuất bản, phát hành đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập thành phố Thái Nguyên.

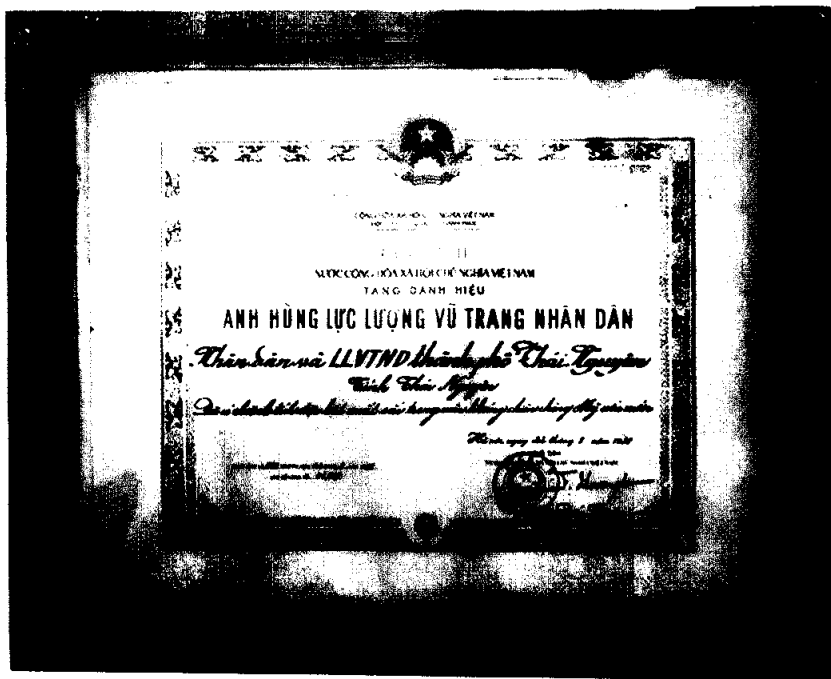
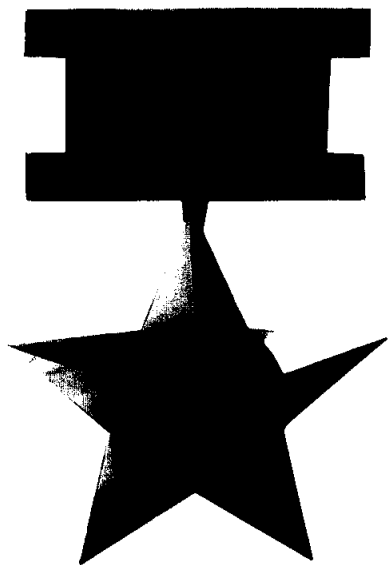
Tuy nhiên, do điều kiện và thời gian hạn chế, nên cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí, đồng bào và bạn đọc góp ý kiến phê bình, bổ sung.

Thay mặt Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Tập II (1975 - 2002)" với cán bộ, nhân dân và chiến sĩ các lực lượng vũ trang Thành phố cùng đồng đảo bạn đọc.

LÊ XUÂN HÙNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bí thư thành ủy Thái Nguyên



Ngày 22-8-1998, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký Quyết định số 424 KT/CTN tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên.

CHƯƠNG I

LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH - QUỐC PHÒNG, CHI VIỆN BẢO VỆ BIÊN GIỚI (5-1975 - 12-1979)

Dại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn và triệt để cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm. Nhân dân cả nước ta được sống trong hòa bình, thống nhất, độc lập và cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hòa chung với niềm vui lớn của cả nước, Đảng bộ, quân và dân thành phố Thái Nguyên phấn khởi, tự hào bước vào thời kỳ mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, thành phố Thái Nguyên - trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh, Thủ phủ của Khu tự trị Việt Bắc - cơ bản đã được xây



dựng và phát triển thành một thành phố công nghiệp luyện kim và cơ khí chế tạo, có Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên là con chim đầu đàn của ngành Luyện kim Việt Nam. Thành phố là nơi có nhiều trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học với đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật lành nghề khá đông đảo.

Những đặc điểm cơ bản đó đã quy định vị trí, tầm vóc và nhiệm vụ của Thành phố trong thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ mới, thành phố Thái Nguyên có 18 đơn vị hành chính gồm 6 xã, 2 thị trấn và 10 tiểu khu¹, với số dân là 163.223 người (có 16.000 người ở khu vực nông nghiệp, 76.666 người ở khu vực Nhà nước, 2.203 người là lao động thủ công và 68.364 người ở khu vực phi sản xuất). Đảng bộ Thành phố có 85 tổ chức cơ sở Đảng, với 2.534 đảng viên, phân bố không đều ở các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

1. 6 xã: Cam Giá, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh, Gia Sàng và Đồng Bẩm.

2 thị trấn: Núi Voi và Trại Cau.

10 tiểu khu: Tân Long, Quan Triều, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Chiến Thắng, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Hương Sơn, Trưng Vương.



Trong số 2.534 đảng viên của Đảng bộ, có 8,86% đảng viên trẻ (từ 18 đến 30 tuổi). Ở các chi bộ, đảng bộ xã, tiểu khu và các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, đảng viên ở độ tuổi từ 51 trở lên chiếm tỷ lệ rất cao¹ và hầu hết có trình độ văn hóa cấp I².

Bên cạnh nhược điểm phân bố không đều về số lượng, tuổi đời cao và trình độ văn hóa thấp, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, năng lực lãnh đạo, tổ chức và chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ còn nhiều hạn chế; nhiều đảng viên còn chưa đề cao ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Thành ủy do Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI (năm 1974) bầu gồm 25 ủy viên, do đồng chí Trần Tường làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Đình Hình và Nguyễn Đức Tân làm Phó Bí thư - cơ bản là ổn định nhiệm vụ và vị trí công tác. Đây cũng là một trong những thuận lợi của Đảng bộ trong việc lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

1. Số đảng viên ở độ tuổi từ 51 trở lên ở: xã Quang Vinh: 76%, tiểu khu Trưng Vương 50%, hợp tác xã vận tải Cờ Hồng: 53%, hợp tác xã cơ khí Bắc Nam 30%.

2. Số đảng viên văn hóa cấp I ở: Xã Quang Vinh: 76%, hợp tác xã vận tải Cờ Hồng 80%, Xí nghiệp Cơ khí 3-2: 28,9%.



Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, chấp hành các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy tập trung lãnh đạo quân và dân Thành phố tổ chức ngày lễ mừng chiến thắng. Hầu hết các cơ sở xã, thị trấn, tiểu khu, cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn Thành phố đều tổ chức rầm rộ các cuộc mít tinh, nói chuyện thời sự, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tạo nên khí thế phấn khởi thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, tiếp tục hoàn thành trách nhiệm đối với đồng bào miền Nam.

Ngày 23-5-1975, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị số 284 yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, đoàn thể Thành phố phải làm tốt việc quán triệt tinh thần Nghị quyết 40 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về việc ủng hộ nông cụ" cho đồng bào miền Nam tới mọi đảng viên, quần chúng. Ban vận động ủng hộ đồng bào miền Nam Thành phố giúp Thành ủy vận động cán bộ, công nhân và nhân dân Thành phố lao động ngoài giờ được 11.516 công, thu 17.252 đồng mua trâu, bò ủng hộ đồng bào miền Nam (trong đó riêng khối nông nghiệp thu được 10.200 đồng, trị giá bằng 24 con trâu).

Xuất phát từ đặc điểm là một thành phố công nghiệp, Thủ phủ của Khu tự trị Việt Bắc và của tỉnh, có nhiều cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp,



công trường, bệnh viện, trường học của Trung ương và địa phương, Đảng bộ Thành phố xác định nhiệm vụ chính là lãnh đạo nhân dân sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, cung cấp cho khu công nghiệp, đảm bảo đời sống cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Đảng bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo phương hướng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VI đã đề ra: "Phát triển cây lúa, trồng rau màu, chăn nuôi lợn". Trước tình hình 261,9 mẫu ruộng, đất ở nhiều nơi trong Thành phố bị cây cối có tán rộng che khuất ánh sáng, ảnh hưởng xấu tới năng suất lúa, rau và hoa màu, cuối tháng 5-1975, Ủy ban hành chính Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện chống cỏm theo Nghị quyết 10 của Thành ủy. Kết quả toàn Thành phố chặt được 4.376 bụi tre, 5.784 cây có tán rộng, giải phóng 248 mẫu ruộng, đất bị cỏm.

Thực hiện Nghị quyết ngày 12-7-1975 của Ban Thường vụ Thành ủy về "Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp vì đồng bào thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) kết nghĩa", Ủy ban hành chính Thành phố cử 20 cán bộ xuống các hợp tác xã nông nghiệp chỉ đạo nhân dân chống hạn và gieo trồng được 79,5 ha rau xanh, 72,3 ha mạ, 940 ha lúa mùa (vượt chỉ tiêu diện tích 0,17%).



Đoàn viên, thanh niên trong các hợp tác xã nông nghiệp xung kích làm được 5.553,6 tấn phân bón. Các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn Thành phố đã tổ chức kết nghĩa với các hợp tác xã nông nghiệp, giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh sản xuất, thâm canh, tăng vụ nhằm đạt được mục tiêu 5 tấn thóc/ha. Năm 1975, sản lượng lúa của Thành phố đạt 3.569 tấn (vượt kế hoạch 5,76%), sản lượng lương thực (bao gồm cả lúa và hoa màu) tăng 14% so với năm 1974, đời sống nhân dân Thành phố được ổn định và có phần được cải thiện.

Về thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, tính đến ngày 20-8-1975, nhân dân Thành phố đã nhập kho 225 tấn thóc (vượt kế hoạch 13,6%), 30.000kg lợn hơi, 556kg thịt lợn mót hàm, 3.380kg thịt trâu, 357kg cá, gà, vịt và 405.887kg rau xanh các loại. Cuối tháng 11-1975, các hợp tác xã Đại Đồng, Tân Long, Xuân Thịnh và các tiểu khu Phan Đình Phùng, Tân Long đã hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước, (riêng hợp tác xã Xuân Thịnh và tiểu khu Tân Long hoàn thành vượt mức chỉ tiêu).

Tuy nhiên, một số cơ sở (các hợp tác xã Quan Triều, Lương Thành và tiểu khu Chiến Thắng) thực hiện nghĩa vụ thực phẩm so với chỉ tiêu được giao



còn thấp. Trước tình hình đó, Thành ủy kịp thời đề ra chủ trương, biện pháp chỉ đạo cụ thể và kiên quyết điều bớt số thóc dành cho chăn nuôi của những tập thể không đạt chỉ tiêu cho các tập thể vượt chỉ tiêu; đối với những hộ gia đình xã viên cứ thiếu 1kg lợn hơi thì giữ lại 4kg thóc; tạm thời không bán lương thực tháng 1-1976 đối với những hộ gia đình đường phố không hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm. Nhờ đó, đến cuối tháng 12-1975, nhân dân ở các khu vực tập thể, hộ gia đình xã viên và đường phố đã bán cho Nhà nước được 422.830kg thịt các loại, chủ yếu là thịt lợn hơi (tăng 38% so với năm 1974), 3.161.149kg rau xanh các loại (tăng 16,6% so với năm 1974).

Năm 1976, cả nước bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) với những nhiệm vụ mới và yêu cầu cao hơn. Ngay từ đầu năm 1976, thực hiện chủ trương của Thành ủy về việc đẩy mạnh công tác thủy lợi, đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, trong 2 ngày 10 và 11-1, Ủy ban hành chính Thành phố đã huy động hơn 14.000 cán bộ, công nhân, thợ thủ công, nhân dân đường phố, giáo viên, học sinh các trường phổ thông cấp II, cấp III và xã viên các hợp tác xã nông nghiệp nạo vét, tu sửa đào, đắp được 18.635 mét kênh, mương dẫn nước với tổng khối lượng 11.308m³ đất, đá (riêng 2 hợp tác xã Đông Xuân thuộc Gia Sàng và Tân Ninh thuộc xã Cam Giá đào, đắp được 2 mương dẫn nước dài 700 mét).



Vụ đông - xuân năm 1976 thời tiết khắc nghiệt, giá rét, hạn hán kéo dài, có nhiều sương muối làm chết nhiều mạ, các hợp tác xã nông nghiệp của Thành phố thiếu mạ cấy trên 100 ha ruộng. Đến trung tuần tháng 2-1976, toàn Thành phố mới cấy được 408 ha lúa chiêm xuân (đạt 79% kế hoạch trên giao). Với quyết tâm lãnh đạo cấy hết diện tích, đúng kỹ thuật và kịp thời vụ, ngày 11-2-1976, Ban Thường vụ Thành ủy, quyết định huy động cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố thành lập 3 đoàn cán bộ, do các ủy viên Thường trực và Thường vụ Thành ủy phụ trách, trực tiếp xuống cơ sở chỉ đạo và vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp.

Các đoàn cán bộ chỉ đạo và vận động sản xuất của Thành phố "có nhiều cố gắng cùng cơ sở bàn bạc, phân công, đôn đốc chăm sóc mạ, làm thủy lợi, phân bón và gieo thẳng, nên khí thế thi đua lao động trong sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tốt..."¹. Các hợp tác xã nông nghiệp chuẩn bị đầy đủ giống, giải quyết tốt nguồn phân bón, nước tưới và áp dụng các biện pháp gieo thẳng thêm được 132 ha lúa xuân.

Hết tháng 2-1976, toàn Thành phố đã gieo, cấy được trên 540 ha lúa chiêm xuân (đạt 98,2% kế

1. Báo cáo kết quả lãnh đạo công tác tháng 2-1976 của Thành ủy.



hoạch), trồng được 130 ha, thu gần 1.058 tấn rau xanh (tăng 53% so với cùng kỳ năm 1975). Thành phố có 12 trại chăn nuôi tập thể với trên 1.700 đầu lợn. Trại chăn nuôi lợn của các hợp tác xã Đồng Bẩm, Đại Đồng dự trữ đủ thức ăn tinh, đảm bảo chăm sóc tốt, nên đàn lợn tăng trọng nhanh. Việc chăn nuôi lợn trong các hộ gia đình cũng được duy trì và phát triển tốt. Trong quý I/1976, Thành phố đã bán cho Nhà nước được trên 90 tấn lợn hơi.

Thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị 208 của Trung ương, Đảng bộ Thành phố tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất. Ủy ban Nông nghiệp Thành phố quy hoạch các vùng trồng rau chuyên canh, xen canh; hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp nhỏ thành hợp tác xã toàn xã. Đến giữa năm 1976, toàn Thành phố có 24 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có các hợp tác xã chuyên trồng rau, có hợp tác xã chuyên trồng lúa và có các hợp tác xã vừa trồng rau, vừa trồng lúa với 3.021 hộ gia đình xã viên. Sáu tháng đầu năm 1976, 9 đội thủy lợi với gần 200 đội viên của các hợp tác xã trồng rau đã đào, đắp gần 6.400m³ đất, xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất. Đội thủy lợi hợp tác xã Đồng Bẩm đào 9.298 mét nương, dẫn nước tưới 15 ha ruộng từ cấy lúa chuyển sang chuyên trồng rau. Đội thủy lợi hợp tác xã Quang Vinh xây



430 mét nương và 7 bể chìm theo lòng nương để dẫn nước và dự trữ nước tưới cho rau v.v... Nhờ có những biện pháp tích cực đó nên so với năm 1975, sản xuất rau của Thành phố năm 1976 diện tích tăng 15,8%, năng suất tăng 7%, sản lượng tăng 24%. Thành phố đã bán cho Nhà nước 4.700 tấn rau xanh (tăng 1.538 tấn so với năm 1975).

Cùng với sản xuất rau, các hợp tác xã mạnh dạn đưa giống lúa mới, có năng suất cao vào cấy trên 40% diện tích lúa chiêm xuân và 80% diện tích lúa mùa. Hợp tác xã Tân Long gieo cấy chủ yếu 2 giống lúa mới IR22 và bao thai lùn, áp dụng các biện pháp kỹ thuật cấy dầy, bón phân, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, nên năng suất bình quân 2 vụ đạt 6,3 tấn/ha (cao nhất Thành phố). Các hợp tác xã Tân Ninh đạt 5,6 tấn/ha, Quang Vinh 5,39 tấn/ha, Tiến Ninh 5,34 tấn/ha, Đồng Bẩm 5,09 tấn/ha, Minh Hòa 5,02 tấn/ha. Toàn Thành phố có 48% số hợp tác xã khá và tiên tiến; tổng sản lượng lúa đạt 3.791 tấn (vượt 6,5% so với kế hoạch), năng suất lúa bình quân đạt 4,81 tấn/ha (vượt 0,11 tấn 1 ha so với chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VI đề ra); so với năm 1975, diện tích trồng hoa màu (ngô, khoai, sắn) tăng 23,4%, sản lượng tăng 10%; chăn nuôi lợn trong 2 khu vực tập thể và gia đình tăng 13% (vượt kế hoạch 3,3%).



Cùng với những thành tựu đạt được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Thành phố cũng hoàn thành trước thời gian các chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, trong đó lợn hơi vượt 190 tấn, đạt 121,65% kế hoạch; nhập kho lương thực vượt 9,4% kế hoạch. Năm 1976, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho thành phố Thái Nguyên và các xã: Cam Giá, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh về thành tích phát triển sản xuất, hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Năm 1976, Đảng bộ Thành phố còn chỉ đạo tốt việc điều tra ruộng đất ở 4 xã, 1 thị trấn, 4 tiểu khu và 52 cơ quan, đơn vị, phát hiện được 1.021 hộ mua bán 56,9 ha ruộng, đất trái phép, 115 hộ làm nhà trên diện tích 8,7 ha đất canh tác, 143 hộ lấn chiếm 23,7 ha ruộng đất công; các cơ quan, xí nghiệp sử dụng 211,3 ha ruộng, đất không có giấy tờ hợp lệ. Thành ủy chỉ đạo các hợp tác xã thu hồi được 41,84 ha ruộng, đất sử dụng sai chính sách.

Về sản xuất tiểu, thủ công nghiệp trong những tháng cuối năm 1975, đầu năm 1976 gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu và khách hàng (hợp tác xã cơ khí Hồng Hà có 45 lao động không có việc làm vì không có nơi tiêu thụ sản phẩm, 20 thợ gò không có tôn, thiếc sản xuất). Sau khi đoàn cán bộ của Thành phố do các đồng chí Trần Tường (Bí thư Thành ủy)



và Trần Sinh (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy) dẫn đầu xuống làm việc với lãnh đạo các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (giữa tháng 2-1976), Thành ủy, Ủy ban hành chính Thành phố đã có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở tháo gỡ khó khăn; các cấp ủy, chi bộ, Ban quản trị các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp có nhiều biện pháp tìm kiếm nguyên vật liệu, tìm kiếm khách hàng, nên cơ bản đã đảm bảo được việc làm, giữ vững và ổn định được đời sống cho 2.300 xã viên. Hợp tác xã Cộng Lực - một hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, hợp nhất từ hai hợp tác xã nhỏ Tiến Thành và Vận tải thuyền - chuyên sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng bằng bê tông đúc sẵn (cột nhà, cột điện, gạch ngói không nung, ống cống thủy lợi và khai thác cát, sỏi trên sông Cầu), với quy mô trên 160 xã viên và gần 400.000 đồng tiền vốn, do chi ủy và Ban quản trị tích cực khai thác nguyên, vật liệu và tìm kiếm khách hàng, nên năm 1976 đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 10 ngày, sản xuất thêm ngoài kế hoạch 130 vỉ kèo sắt, 50 giường sắt các loại, làm toàn bộ hệ thống hàng rào sắt của Tỉnh ủy và cổng chào bằng sắt của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên. Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà khôi phục và lắp đặt hoàn chỉnh máy đột dập 55 tấn, đưa vào sản xuất thành công chậu thau, khay đựng ẩm chén, chao đèn... Toàn Thành phố có 6 cơ sở tiểu, thủ công



nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 1976, đó là các hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ đạt 100,34%, giấy da Đại Thắng đạt 135%, bồ cốt Thái Hà đạt 104%, các hợp tác xã mành cọ xuất khẩu Chiến Thắng, Thống Nhất, Tiên Phong hoàn thành vượt mức kế hoạch thời gian từ 50 ngày đến 60 ngày. Ngành tiểu, thủ công nghiệp Thành phố đạt giá trị tổng sản lượng 5.715.000 đồng (vượt kế hoạch 3,9%), tăng 6,6% so với năm 1975. Các hợp tác xã Hồng Hà, Cộng Lực và Chiến Thắng được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Tuy nhiên, năm 1976 vẫn còn một số hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp "chấn chỉnh lại sản xuất theo chủ trương của Tỉnh ủy và Thành ủy còn chậm; còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ, thiếu chủ động khắc phục khó khăn"¹.

Đối với công tác văn hóa, xã hội, Đảng bộ tập trung lãnh đạo tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ động bầu cử Quốc hội, xây dựng nếp sống mới trong ma chay, cưới xin và chống mê tín dị đoan. Phòng Văn hóa - Thông tin phối hợp với phòng Y tế tổ chức 28 buổi tuyên truyền về sinh đẻ có kế hoạch. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh ở

1. Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ 7 (vòng 2).



khắp các xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị. Hội diễn văn nghệ năm 1976 đã có nhiều tiến bộ so với những năm trước, thu hút hàng vạn lượt người xem, phản ánh được những gương người tốt trong lao động sản xuất, công tác và học tập theo phong cách mới, đồng thời đã mạnh dạn phê phán những hiện tượng tiêu cực, lạc hậu còn tồn tại trong đời sống xã hội. Cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa mới đã đạt được kết quả bước đầu; nhiều đám cưới, đám tang được tổ chức theo đúng quy ước nếp sống mới; nhiều tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan đã được ngăn ngừa và giảm đi rõ rệt.

Ngành Giáo dục Thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 1975 - 1976 với chất lượng cao và toàn diện nhất so với các năm học trước. Thành phố có 33 lớp học mẫu giáo với 825 cháu (tăng 60% so với năm học 1974 - 1975); số học sinh vỡ lòng tăng 19% so với năm học trước, tỷ lệ học sinh vỡ lòng lên lớp một đạt 95%, vượt 15% so với chỉ tiêu đề ra. Các trường phổ thông cấp I, II có 85% số học sinh đạt tiêu chuẩn "Cháu ngoan Bác Hồ", thi tốt nghiệp cấp I đạt 98%, vượt chỉ tiêu 16%, thi tốt nghiệp cấp II đạt 93,9%, vượt chỉ tiêu 3%, thi tốt nghiệp cấp III đạt 86,3%, vượt chỉ tiêu 10,8%; tỷ lệ học sinh lên lớp ở các cấp I, II, III đều đạt từ 90% đến 95%, vượt chỉ tiêu kế hoạch từ 1% đến 5%. Tổ giáo viên bộ môn xã hội



Trường cấp II Nha Trang và tổ giáo viên bộ môn tự nhiên Trường cấp II Gia Sàng đạt danh hiệu "Tổ lao động xã hội chủ nghĩa". Các trường cấp II Gia Sàng, cấp I - II Nha Trang, cấp I Đội Cấn đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến xuất sắc".

Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, phòng Giáo dục Thành phố đã chỉ đạo đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa ở tất cả các khu vực nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, đường phố. Trong năm học 1975 - 1976, Thành phố có trên 2.000 học viên theo học các lớp bổ túc văn hóa ban đêm, trong đó có trên 1.000 học viên học cấp III. Trường bổ túc văn hóa cấp II Trưng Vương mở thêm 2 phân hiệu Nha Trang và Đội Cấn. Các đồng chí lãnh đạo Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố vừa quan tâm động viên phong trào, vừa gương mẫu theo học các lớp bổ túc văn hóa. Phòng Giáo dục Thành phố thường xuyên theo sát chỉ đạo rút kinh nghiệm, nên phong trào phát triển mạnh, số học viên tăng 400 người so với năm học trước, tỷ lệ thi tốt nghiệp bổ túc cấp II đạt 96% (vượt chỉ tiêu trên 26%), tỷ lệ lên lớp đạt 75% (vượt chỉ tiêu trên 5%).

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được Đảng bộ Thành phố quan tâm lãnh đạo. Ngành Y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh, phòng bệnh;



xây dựng được 14 trạm xá (trong đó 1 phần 3 số trạm xá được xây dựng kiên cố và bán kiên cố); mỗi trạm xá có từ 2 đến 5 giường bệnh, có y sĩ phụ trách, làm được nhiệm vụ khám, chữa các bệnh thông thường. Phòng khám bệnh đa khoa Thành phố có nhiều cố gắng khám, chữa bệnh cho nhân dân và khám tuyển nghĩa vụ quân sự, khám tuyển lao động. Trong 6 tháng đầu năm 1976, ngoài việc khám, chữa bệnh thường xuyên, Phòng khám bệnh đa khoa Thành phố tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cho 3.200 trẻ sơ sinh và học sinh, điều trị cho 169 bệnh nhân lao với 1.535 lần khám, bồi dưỡng cách tiêm phòng lao cho 17 vệ sinh viên.

Đến năm 1976, toàn Thành phố có gần 50 nhà trẻ với trên 600 cháu, trong đó riêng khối nông nghiệp có 29 nhà trẻ, số cháu được gửi trẻ tăng gấp 1,5 lần so với năm 1975, đạt tỷ lệ 13% so với tổng số cháu trong độ tuổi gửi nhà trẻ. Chất lượng nuôi, dạy trẻ đã được nâng lên một bước, tạo điều kiện cho các bà mẹ yên tâm công tác và sản xuất. Công tác tuyên truyền vận động sinh đẻ có kế hoạch đã được Đảng bộ đẩy mạnh hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, trong các nhà máy, cơ quan, tỷ lệ nữ cán bộ, công nhân, viên chức sinh đẻ còn chiếm tới 15,9% (quá chỉ tiêu 3,9%); tỷ lệ sinh đẻ so với dân số Thành phố vượt chỉ tiêu 0,14%.



Công tác thể dục, thể thao được Đảng bộ Thành phố lãnh đạo chuyển hướng kịp thời, nên phong trào phát triển mạnh và tương đối toàn diện so với những năm trước. "Trong các năm 1975, 1976, Thành phố liên tục giữ vững danh hiệu lá cờ đầu của tỉnh về thể dục, thể thao; 15 đơn vị, cơ quan, trường học đã được tỉnh công nhận là đơn vị thể dục, thể thao tiên tiến"¹.

Công tác quân sự địa phương luôn luôn được Đảng bộ và chính quyền Thành phố coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1976, Thành phố có 65 đơn vị dân quân, tự vệ đăng ký thi đua quyết thắng (gấp 3 lần năm 1974); tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số lên tới 26,68%; số đảng viên tham gia dân quân, tự vệ khối xã đạt tỷ lệ 8,75%; khối cơ quan, xí nghiệp, đường phố đạt 16,6%. Chính sách hậu phương quân đội được Đảng bộ lãnh đạo thi hành đúng đắn, đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ, đạt kết quả tốt về nhiều mặt, động viên được các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội phấn khởi tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các đợt tuyển quân trong hai năm 1975, 1976, Thành phố đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, bảo đảm giao quân chất lượng tốt, đúng thời gian.

1. Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ 7.



Thực hiện các Nghị quyết 23, 24 của Trung ương Đảng và Nghị quyết 45 của Tỉnh ủy, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức nhiều đợt giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ nội dung của bước chuyển biến giai đoạn cách mạng, để từ đó chuyển hành động cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Các chi, đảng bộ: gỗ Thág Tám, mì sợi Bắc Hải, tiểu khu Hoàng Văn Thụ và các xã Quang Vinh, Cam Giá... tổ chức học tập nghiêm túc, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nên đã nâng cao được nhận thức và hành động cụ thể cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, thiết thực góp phần thúc đẩy việc lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Toàn Đảng bộ đã có 1.761 đảng viên học xong phần II chương trình lý luận cơ sở, 5/7 chi bộ yếu kém có chuyển biến tích cực, số đảng bộ, chi bộ cơ sở phân đấu tốt tăng từ 38 cơ sở lên 45 cơ sở, đạt tỷ lệ 50,3%. Từ tháng 5-1975 đến hết tháng 8-1976, Đảng bộ đã xét và thi hành kỷ luật 217 đảng viên, trong đó có 82 đảng viên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Ngày 17-9-1976, Thành ủy mở Hội nghị kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ từ sau ngày thống nhất đất nước. Sau khi phân tích, đánh giá, khẳng định những ưu điểm, Hội nghị chỉ rõ một số thiếu sót, khuyết điểm cần phải nhanh chóng khắc phục. Đó là việc lãnh đạo, chỉ đạo áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, quy



hoạch thủy lợi còn chậm, quản lý lao động, quản lý tài sản của hợp tác xã chưa chặt chẽ, việc phân phối trong một số hợp tác xã chưa công bằng... Công tác trật tự, trị an chưa tốt, còn dễ xảy ra nhiều vụ trộm cắp, tuy không lớn nhưng làm cho nhân dân lo lắng, không an tâm khi đi ra khỏi nhà hoặc đi trên các đường phố vắng. Công tác phát triển Đảng còn chậm (mới kết nạp được 28 đảng viên).

Hội nghị ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ quý IV năm 1976 và năm 1977 "Ra sức phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1976, tạo khí thế thi đua sôi nổi bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1977 và lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII".

Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy và lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên nỗ lực phấn đấu, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Thành phố trở thành lá cờ đầu của tỉnh Bắc Thái trong việc thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước năm 1976.

Từ ngày 14 đến 20-12-1976, tại thủ đô Hà Nội đã diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Đây là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nói chung, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên nói riêng.



Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, đầu năm 1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết 40 chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh "phải ra sức phát triển lương thực, thực phẩm một cách toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc để đến năm 1980 có thể trang trải được phần lớn mọi nhu cầu lương thực trong địa phương, đáp ứng cho quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trong đó tỷ trọng sản xuất lúa chiêm 50%, màu 50%".

Tiếp đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II (họp từ ngày 19 đến ngày 24-4-1977) đã quyết định "Tập trung lãnh đạo sản xuất lương thực, thực phẩm để làm tròn nhiệm vụ hậu cần tại chỗ cho công nghiệp phát triển và cải thiện đời sống nhân dân". Đại hội Đảng bộ tỉnh xác định thành phố Thái Nguyên cùng với các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ



nằm trong tiểu vùng thực phẩm cung cấp cho khu công nghiệp.

Tình hình sản xuất nông nghiệp vụ đông - xuân 1976 - 1977 của Thành phố gặp nhiều khó khăn do hạn hán và rét đậm kéo dài. Đến giữa tháng 2-1977, toàn Thành phố mới cấy được gần 400 ha lúa chiêm xuân (bằng gần 45% kế hoạch). Lương Sơn¹ là xã cấy được nhiều nhất cũng chỉ được gần 177 ha (đạt trên 70% kế hoạch); rét đậm làm chết lụi 6 ha lúa mới cấy. Toàn Thành phố thiếu tới 8.000kg thóc giống.

Nhằm khắc phục khó khăn do thời tiết gây ra, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Nông nghiệp Thành phố quyết định hoãn tất cả các cuộc họp chưa cần thiết, huy động trên 50 cán bộ trưởng, phó các phòng, ban và cán bộ khoa học kỹ thuật xuống cơ sở chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Các cấp ủy, chi bộ, Ban quản trị các hợp tác xã nông nghiệp chủ động tìm mọi biện pháp để giải quyết khó khăn về thóc giống, khẩn trương cấy hết diện tích, kịp thời vụ. Ủy ban nhân dân các xã và Ban quản trị các hợp tác xã đã điều mạ từ nơi thừa đến nơi thiếu và chỉ đạo tận

1. Cuối năm 1976 xã Lương Sơn được tách khỏi huyện Phú Bình, sáp nhập về thành phố Thái Nguyên, làm nhiệm vụ sản xuất lương thực, thực phẩm (trồng rau và chăn nuôi lợn), cung cấp cho khu công nghiệp Thái Nguyên.



dụng mạ để cấy. Các đoàn cán bộ của Thành phố xuống cơ sở chỉ đạo các hợp tác xã tổ chức gieo mạ trên sân và gieo thẳng lúa xuân. Các hợp tác xã thuộc các xã Cam Giá và Gia Sàng gieo thẳng được 55 ha lúa xuân. Đối với các khu ruộng không cấy và gieo thẳng được, Thành phố cung cấp giống và vận động nhân dân trồng ngô, lạc, đỗ và rau, màu...

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, cán bộ, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp đã "nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, trở ngại do giá rét, hạn hán, sâu bệnh và vật tư sản xuất, đảm bảo cấy được 86% kế hoạch diện tích lúa chiêm xuân, sản xuất rau, màu và phát triển chăn nuôi có nhiều cố gắng"¹. Tuy nhiên, so với kế hoạch, vụ xuân 1977 chưa đạt được một số chỉ tiêu về diện tích cấy lúa, trồng rau và hoa màu. Hạn chế đó là do "Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số cơ sở chưa chặt chẽ, nhậy bén, linh hoạt, tổ chức quản lý và sử dụng lao động chưa cân đối với yêu cầu sản xuất; các ngành quản lý vật tư và kỹ thuật phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức sản xuất"².

1, 2. Nghị quyết 18 ngày 1-6-1977 của Ban Thường vụ Thành ủy, trang 16.



Ngày 29-3-1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị mở "Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp". Ban Thường vụ quyết định chọn xã Cam Giá làm thí điểm tổ chức lại sản xuất thực phẩm (trồng rau, đỗ tương, chăn nuôi gà, lợn) để cung cấp cho Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy, Đại hội đại biểu xã viên 3 hợp tác xã nhỏ Đại Đồng, Túc Tiến, Tiến Ninh thuộc xã Túc Duyên đã quyết định hợp nhất lại thành hợp tác xã Túc Duyên, với 151 ha ruộng, đất canh tác, 658 hộ xã viên (gồm 3.166 nhân khẩu, trong đó có 1.107 lao động). Cùng với Túc Duyên, các xã Cam Giá, Đồng Bẩm, Gia Sàng, Quang Vinh cũng hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã quy mô toàn xã. Sau khi hợp nhất, các hợp tác xã quy mô toàn xã bước đầu phát huy được tính ưu việt, sản xuất phát triển, đời sống xã viên được cải thiện, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sản xuất được tăng cường.

Ngày 15-4-1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra chỉ thị "Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo cho Đại hội nông dân tập thể ở các hợp tác xã đạt kết quả tốt". Chỉ thị nêu rõ: "Các cấp ủy Đảng, chi bộ phải coi đây là một đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa lớn. Các



ngành, các giới phải phục vụ tốt và phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nông dân tập thể phát triển sản xuất, chấp hành điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, không gây phiền hà cho nông dân tập thể".

Quán triệt Nghị quyết 01 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết 18 "Phát động chiến dịch vụ mùa thắng lớn", nêu lên 2 yêu cầu chủ yếu:

1. Bảo đảm sản xuất vụ mùa gieo, cấy vượt kế hoạch diện tích 1.438 ha, năng suất 27,6 tạ/1 ha, sản lượng thóc đạt 3.969 tấn, sản lượng rau đạt kế hoạch 7.764 tấn, chăn nuôi lợn đạt kế hoạch 13.420 con, nuôi cá đạt sản lượng 11 tấn.

2. Thực hiện nghĩa vụ lương thực; thực phẩm đối với Nhà nước vượt các chỉ tiêu 709 tấn thóc, 6.500 tấn rau và 307 tấn thịt.

Thực hiện Nghị quyết 18 của Ban Thường vụ Thành ủy, từ ngày 2 đến ngày 6-6-1977, Ủy ban nhân dân Thành phố mở Hội nghị quán triệt mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn" cho trên 200 cán bộ là Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, Chủ nhiệm các hợp tác xã và lãnh đạo các ban, ngành, cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp, đường phố. Ban chỉ đạo chiến dịch "Vụ mùa thắng lớn" được thành lập gồm 12 thành viên, do đồng chí Nguyễn Đức Tân (Phó Bí thư Thành ủy,



Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) làm Trưởng ban.

Mở đầu "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn", ngày 5-6-1977, Thành phố huy động hàng nghìn lao động ra đồng làm thủy lợi chống hạn cho lúa, rau, màu và gieo mạ. Tại xã Đồng Bẩm, gần 200 đoàn viên, thanh niên ra quân làm được hàng trăm tấn phân các loại. Tại xã Quang Vinh, 25 thanh niên trong đội chuyên làm phân bón cùng với bà con xã viên lấy được 1.116m³ phù sa, hàng trăm tấn phân xanh, bùn ao ủ với phân chuồng chuẩn bị cho "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn".

Tại các hợp tác xã thủ công nghiệp, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, phong trào mỗi người làm 50kg phân bón các loại ủng hộ các hợp tác xã nông nghiệp cũng diễn ra rất sôi nổi và đều khắp.

Hưởng ứng "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn", ngành Bảo vệ bà mẹ và trẻ em Thành phố chỉ đạo củng cố được 58 nhà trẻ (trong đó có 40 nhà trẻ nông thôn), thu nhận trên 500 cháu vào nuôi dạy, đảm bảo cho bố mẹ các cháu yên tâm ra đồng sản xuất. Các hợp tác xã Đồng Quang, Quan Triều, Thống Nhất, Lương Sơn, Trung Thành cũng lập thêm nhà trẻ. Nhà trẻ các hợp tác xã Tân Hương (xã Cam Giá), Túc Tiến (xã Túc Duyên) đã thu nhận và nuôi dạy tốt các



cháu, đóng góp tích cực vào thắng lợi của "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn" ở cơ sở.

Phòng Thủy lợi Thành phố ngoài việc xây dựng 8 trạm bơm điện, còn giúp Ban chỉ đạo chiến dịch huy động hàng nghìn cán bộ, công nhân, nhân dân các tiểu khu, xã viên các hợp tác xã thủ công nghiệp và học sinh các trường tham gia xây dựng hệ thống mương, máng tưới tiêu, đảm bảo cung cấp nước cho cấy lúa và trồng rau. Thành phố đầu tư kinh phí 423.277 đồng, các hợp tác xã đầu tư 124.146 công, đào đắp 164.857 mét khối đất, đá, hoàn thành xây dựng 11 công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố và sự ủng hộ to lớn của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể, trong đợt I "Chiến dịch vụ mùa thắng lớn", thành phố Thái Nguyên đã gieo cấy được 1.463,2 ha lúa mùa (vượt kế hoạch 25,2 ha), trong đó 90% diện tích được cấy vào thời vụ tốt nhất, nên lúa tốt hơn so với các vụ trước. Đến ngày 6-9-1977, 2/3 diện tích lúa mùa đã được làm cỏ đợt 2, nhiều hợp tác xã đã làm cỏ đợt 3.

Thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, đến ngày 5-9-1977, trung bình mỗi tháng các hợp tác xã đã giao nộp từ 450 tấn đến 600 tấn



rau. Riêng hợp tác xã Đồng Bầm đã giao nộp được 1.100 tấn rau, đạt 70% kế hoạch cả năm.

Cùng với việc hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm, sau khi thu hoạch xong lúa chiêm xuân, các hợp tác xã tổ chức phơi khô, quạt sạch, dành thóc tốt làm nghĩa vụ lương thực. Toàn Thành phố nhập kho được 127 tấn thóc, căn bản hoàn thành nghĩa vụ lương thực. Đặc biệt, hợp tác xã Tân Long ngoài giao nộp vượt mức chỉ tiêu lương thực vụ hạ, còn bán thêm cho Nhà nước 2 tấn thóc, dẫn đầu các hợp tác xã trong Thành phố. Các hợp tác xã Tiến Thành, Minh Hòa (xã Đồng Quang), Quang Vinh, Phú Xá cũng đều hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực vụ hạ.

Năm 1977, do thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, nên chăn nuôi cá gặp nhiều khó khăn. Cơn bão số 3 kèm theo mưa lớn (tháng 8-1977) không những gây ngập úng 218 ha lúa, 53 ha rau, 31 ha màu, mà còn làm ngập một số ao, hồ thả cá. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố, các hợp tác xã nuôi thả cá được trên 34,6 ha mặt nước (tăng 10% so với năm 1976), sản xuất 10 vạn con cá giống (bằng 200% năm 1976), thu 9,4 tấn cá thịt (trong đó có 3 tấn làm nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước). Tuy không đạt được chỉ tiêu 11 tấn cá thịt của "Chiến dịch vụ mùa thắng



lớn", nhưng đây là một thành tích vượt xa so với các năm trước.

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 1977, ngành Tiểu, thủ công nghiệp Thành phố gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguyên, nhiên, vật liệu: Hai hợp tác xã cơ khí Hồng Hà và Bắc Nam thiếu nguyên, nhiên, vật liệu gay gắt, nên đến hết tháng 9-1977 mới thực hiện được khoảng 60% kế hoạch. Trước tình hình đó, Chi bộ và Ban quản lý hợp tác xã Cộng Lực cử người về Hải Phòng liên hệ mua xi măng, điều động công nhân mang thuyền về tận nơi vận chuyển, kịp thời đảm bảo nguyên, vật liệu cho sản xuất. Các hợp tác xã mạnh cọ Chiến Thắng, Tân Thành, Thống Nhất, vận tải Thái Nguyên, sản xuất đồ gỗ 1 - 5, cốt Đông Thái, Thái Hà... vừa tận dụng nguyên liệu được cung cấp, vừa tích cực tự liên hệ, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu khác, tổ chức làm thêm ca kíp, tận dụng lao động đưa vào sản xuất. Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam tự mua được 10 tấn gang, hợp tác xã cơ khí Hồng Hà tự khai thác, mua được 10 tấn tôn lá. Nhờ đó, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của Thành phố năm 1977 đạt giá trị tổng sản lượng hơn 7 triệu đồng, vượt 3,15% so với kế hoạch, tăng 17,26% so với năm 1976, trong đó các ngành phục vụ công nghiệp kiến thiết cơ bản vượt 9,9%, phục vụ nông nghiệp vượt 21,9%.



Năm 1977, ngành Tiểu, thủ công nghiệp Thành phố bước đầu tổ chức lại sản xuất, phân theo nhóm sản phẩm, giảm đầu mỗi từ 33 hợp tác xã xuống còn 25 hợp tác xã và 2 tổ sản xuất. Qua sắp xếp, cải tạo người buôn bán nhỏ, số xã viên hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp tăng 30% (trong đó có 10% số người đã làm ra sản phẩm). Được Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố đầu tư trên 100.000 đồng, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đã làm thêm được 1.900m² nhà xưởng bán kiên cố, mua sắm thêm 18 máy công cụ, sản xuất được 377 mặt hàng, trong đó có 37 mặt hàng mới. Các chế độ, chính sách thuế, tích lũy, phân phối có nhiều tiến bộ, hạn chế và loại trừ được nhiều thiếu sót, khuyết điểm trong việc chấp hành chính sách, đặc biệt là chính sách lương thực. Toàn Thành phố có 12 hợp tác xã tiểu thủ, công nghiệp đạt tiên tiến, trong đó hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Cộng Lực tiếp tục giữ vững danh hiệu lá cờ đầu.

Do nhu cầu khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, dân số Thành phố ngày càng tăng, nên sự nghiệp giáo dục cũng phát triển nhanh, nhất là ở các khu công nghiệp. Năm học 1976 - 1977, Thành phố có 34.857 học sinh, tăng 3.403 học sinh so với năm học trước, trong đó tỷ lệ học sinh phổ thông tăng 11,1%, học sinh bổ túc văn hóa tăng 60%. Trước tình



hình đó, việc lãnh đạo xây dựng trường sở, đảm bảo trang thiết bị dạy và học, đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân là nhiệm vụ nặng nề và cấp thiết của Đảng bộ Thành phố. Vì vậy, ngày 8-9-1976, Thành ủy ra Nghị quyết số 15/NQ-TP "Tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục, phát động cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở", thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động do đồng chí Trần Tường - Bí thư Thành ủy - làm Trưởng ban. Tiếp đó, ngày 26-3-1977, Thành ủy ra nghị quyết "Đẩy mạnh lãnh đạo thực hiện cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở".

Thực hiện Nghị quyết 15 của Thành ủy, các đơn vị Công ty gang thép Thái Nguyên, Mỏ sắt Trại Cau, Công ty xây dựng số 10 đã đỡ đầu giúp đỡ thi công các nhà 2 tầng làm phòng học cho các trường Độc Lập, Nha Trang, Trại Cau. Công ty xây dựng số 1 đóng góp vật liệu giúp trường Đồng Quang xây dựng 15 phòng học. Các cơ quan Công ty xây dựng dân dụng Gang thép, Nhà máy điện Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp đá Núi Voi... đều nhiệt tình đóng góp công sức, vật liệu xây dựng trường, lớp. Kết quả các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đóng góp công, vốn, vật tư trị giá trên 400.000 đồng; các đoàn thể Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ ủng hộ 1.000m³ cát, 1 vạn cây tre; nhân dân và phụ huynh



học sinh đóng góp trên 800.000 đồng; cán bộ, giáo viên, học sinh các trường cấp I và II lao động san nền; giáo viên và học sinh các trường cấp I Phú Xá, cấp II Đồng Bẩm lao động tự xây dựng được 2 phòng học trị giá 6.000 đồng; học sinh trường cấp II Đồng Quang làm được 1.500 viên gạch xi, đủ xây 1 phòng học v.v...

Ngày 22-10-1977, Thành ủy tổ chức Hội nghị tổng kết "Cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng trường sở". Tại Hội nghị, đồng chí Trần Tường (Bí thư Thành ủy - Trưởng ban chỉ đạo cuộc vận động) đọc báo cáo tổng kết chỉ rõ "Trong cuộc vận động này, toàn Thành phố đã xây dựng và đưa vào sử dụng 171 phòng học kiên cố và bán kiên cố, vượt 23 phòng học so với kế hoạch đề ra (trong số 171 phòng học, có 2 nhà 2 tầng, với 22 phòng); đã phân phối tới các trường 3.527 bộ bàn ghế, chấm dứt tình trạng một số nơi phải học 3 ca trong ngày; chấm dứt tình trạng học sinh các cấp phải ngồi học bàn tròn". Hội nghị rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát động tư tưởng quần chúng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tham gia vào sự nghiệp giáo dục.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV "Phải kết hợp đúng đắn kinh tế với



quốc phòng, xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước, xây dựng đất nước về mọi mặt phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng đảm bảo cho đất nước sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công của bọn xâm lược", năm 1977, Đảng bộ Thành phố đã lãnh đạo cơ quan quân sự các cấp xây dựng hoàn chỉnh hệ thống sổ sách, thống kê, biểu đồ theo dõi, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng bán vũ trang địa phương, các đảng bộ, chi bộ cơ sở đã cử 716 đồng chí cấp ủy viên trực tiếp làm cán bộ lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ, đưa số đơn vị dân quân, tự vệ có cấp ủy viên trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy lên 96,7%; 100% xã đội trưởng, 91,2% xã đội phó, 85,6% cán bộ chỉ huy đại đội tự vệ, 68,5% cán bộ chỉ huy trung đội và 21,54% cán bộ chỉ huy tiểu đội dân quân, tự vệ là đảng viên; 100% đơn vị, 85% cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã được huấn luyện quân sự đảm bảo đủ thời gian, hết nội dung; kết quả kiểm tra đạt 87% khá, giỏi.

Phát huy truyền thống đơn vị 12 năm liên tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, chỉ 2 ngày sau khi nhận được chỉ tiêu tuyển



quân năm 1977 do Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh giao, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nghĩa vụ quân sự Thành phố đã họp bàn chủ trương, biện pháp triển khai xuống cơ sở. Hội đồng nghĩa vụ quân sự Thành phố giao chỉ tiêu tuyển quân cho 7 xã, 2 thị trấn và 10 tiểu khu. Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự Thành phố cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở nắm tình hình và chỉ đạo sát sao tất cả các bước khám sức khỏe, xây dựng hồ sơ, xét duyệt chính trị. Nhờ đó, ngày 12-7-1977, Thành phố giao quân vượt chỉ tiêu 1%, đảm bảo nhanh, gọn, quân số đến đơn vị mới không bị hao hụt. Riêng xã Đồng Bẩm giao quân vượt chỉ tiêu 35%, Quang Vinh vượt 12%; các tiểu khu Tân Thành, Hương Sơn, Hoàng Văn Thụ, Tân Long, Trung Thành, Trưng Vương, Chiến Thắng giao quân vượt chỉ tiêu từ 1% đến 5%.

Tuy nhiên, Thành phố cũng còn 7 đơn vị, gồm 2 xã (Đồng Quang, Lương Sơn), 2 thị trấn (Trại Cau, Núi Voi) và 3 tiểu khu (Quan Triều, Phú Xá, Phan Đình Phùng) giao quân không đạt chỉ tiêu (trong đó xã Lương Sơn giao quân chỉ đạt 60,28%).

Năm 1977, Đảng bộ Thành phố còn lãnh đạo tốt 2 đợt huy động dân quân, tự vệ và nhân dân tham gia chiến dịch thủy lợi xây dựng kênh, mương hồ Núi Cốc.



Quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy đã ra Nghị quyết yêu cầu các cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp từ Thành phố xuống cơ sở phải lãnh đạo, chỉ đạo và động viên tốt việc huy động lực lượng lao động, vật tư, kỹ thuật phục vụ cho công trường xây dựng kênh mương hồ Núi Cốc. Nghị quyết của Thành ủy chỉ rõ "Nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết 49 của Tỉnh ủy về phong trào đồng khởi thi đua, ra quân làm kênh mương hồ Núi Cốc".

Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, đầu năm 1977, Thành phố huy động 356 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và đoàn viên, thanh niên đường phố có sức khỏe tốt, có nhiệt tình cao, biên chế thành 1 tiểu đoàn, làm nhiệm vụ thi công hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc. Với khối lượng được giao đào, đắp 7.150m³ đất, đá (bằng 25.000 công), tiểu đoàn đã hạ quyết tâm hoàn thành khối lượng trên với 20.000 công, còn 5.000 công sẽ chuyển sang nhận thêm công việc khác. Trong 20 ngày lao động đầu tiên, năng suất của tiểu đoàn tăng từ 23% lên 36%. Hưởng ứng phong trào "Giành cờ đỏ, bỏ cờ xanh" do Ban chỉ huy tiểu đoàn phát động, các trung đội Gia Sàng, Đồng Quang, tiểu khu Trung Thành quản lý lao động chặt chẽ, phát huy dân chủ bàn bạc, nên năng suất lao động tăng từ 35% lên 95%.



Nhờ tổ chức sinh hoạt và làm việc theo nếp sống quân sự hóa, nên cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thi công kênh Tây trong hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc huy động một vạn lao động tham gia "Chiến dịch làm thủy lợi phục vụ sản xuất Đông Xuân 1977 - 1978", trong thời gian 3 tháng, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định huy động lực lượng thành lập 1 trung đoàn dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ thi công hệ thống kênh, mương Núi Cốc do các đồng chí Nguyễn Đức Tân - Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố - trực tiếp làm Trung đoàn trưởng kiêm Chính trị viên, Đỗ Thắng (Đại úy - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố) làm Trung đoàn phó.

Đầu tháng 10-1977, 817 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn dân quân, tự vệ Thành phố ra quân tham gia "Chiến dịch làm thủy lợi phục vụ sản xuất Đông Xuân 1977 - 1978" (trong đó đại đội dân quân xã Túc Duyên ra quân vượt chỉ tiêu quân số 97 người; đại đội dân quân, tự vệ tiểu khu Tân Long ra quân vượt gần 100% chỉ tiêu quân số).



Sau một tháng lao động, chiều 30-10-1977, tại công trường kênh mương Núi Cốc, Ban chỉ huy Trung đoàn dân quân, tự vệ Thành phố tổ chức sơ kết 6 đợt công tác, mỗi đợt 5 ngày. Báo cáo sơ kết chỉ rõ năng suất lao động bình quân của Trung đoàn đều tăng qua từng đợt, đợt 1 tăng 6%, đợt 2 tăng 25%, đợt 3 tăng 40,7%. Qua 1 tháng lao động, Trung đoàn đã đạt được 72,35% khối lượng công việc.

Ngày 15-11-1977, Trung đoàn đã hoàn thành chỉ tiêu đào, đắp và trồng cỏ 3km kênh Tây và kênh Giữa, về đích trước thời gian 45 ngày. Năng suất lao động bình quân toàn Trung đoàn đạt 126,3%. Riêng đại đội tiểu khu Tân Long đạt năng suất bình quân 220%, dẫn đầu các đại đội trên công trường. Các đại đội Gia Sàng, Cam Giá, Trung Thành đạt năng suất bình quân từ 180% đến 200%.

Qua 2 đợt huy động lực lượng tham gia xây dựng kênh, mương Núi Cốc năm 1977, Thành phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá là đơn vị đạt năng suất lao động cao nhất toàn công trường và là đơn vị hoàn thành khối lượng được giao sớm nhất, có quân số lên công trường cao nhất¹. Với thành tích đó,

1. Báo cáo của UBND tỉnh Bắc Thái tại Hội nghị Tổng kết chiến dịch thủy lợi hệ thống kênh mương Núi Cốc ngày 7-1-1978.



Thành phố đã vinh dự được nhận cờ "Đơn vị khá nhất" và tiền thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội an ninh - quốc phòng, năm 1977, Đảng bộ Thành phố rất coi trọng công tác xây dựng Đảng. Trong năm, Đảng bộ đã tổ chức học tập chương trình lý luận cơ sở cho 1.671 đảng viên (đạt tỷ lệ 98,7% số đảng viên đăng ký theo học); 95% số chi bộ, đảng bộ cơ sở học xong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết II của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua học tập, nhận thức của đảng viên về lý luận và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được nâng lên.

Thành ủy lãnh đạo chặt chẽ việc sắp xếp tổ chức, chỉ đạo đưa vào cấp ủy cơ sở một số cán bộ trẻ, hăng hái, nhiệt tình, nhạy bén với cái mới, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước quần chúng, được chi bộ, đảng bộ tin cậy và nhân dân yêu mến, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sau khi học tập Nghị quyết 23-NQTW, chế độ sinh hoạt của các cấp ủy, chi bộ đã đi vào nền nếp, nội dung sinh hoạt được cấp ủy chuẩn bị kỹ, phát huy được trí tuệ của tập thể; tinh thần đoàn kết nhất



trí trong các đảng bộ, chi bộ được tăng cường, vai trò chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Sự chuyển biến đó đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ Thành phố lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ do các Nghị quyết 24 và 254 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 61CP của Hội đồng Chính phủ đề ra.

Cuối năm 1977, Đảng bộ Thành phố có 70% chi bộ, đảng bộ cơ sở làm tốt công tác cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, tiêu biểu là các Đảng bộ gỗ Tháng Tám, mì sợi Bắc Hải, tiểu khu Hoàng Văn Thụ và các xã Quang Vinh, Cam Giá.

Song song với công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, Đảng bộ Thành phố chú trọng công tác rèn luyện, giáo dục đội ngũ đảng viên. Thông qua việc thực hiện các Nghị quyết 11, 12 của Thành ủy, việc tự phê bình và phê bình trong các chi bộ, đảng bộ được tiến hành một cách nghiêm túc. Các hiện tượng thiếu tự giác, che giấu sai lầm, khuyết điểm của bản thân, nể nang với khuyết điểm của đồng chí hoặc thiếu tinh thần xây dựng đã giảm so với trước. Số đông đảng viên trong Đảng bộ phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu. Số đảng viên tích cực đạt tỷ lệ 77,1% (tăng 19,1% so với năm 1976).

Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ đảng viên chưa đều, số đảng viên trung bình và kém còn chiếm



22,9%. Biểu hiện của số đảng viên này là không nhận nhiệm vụ do chi bộ phân công, không gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tự tư tự lợi, thu vén cá nhân, chưa thực sự gương mẫu trong lao động, công tác.

Công tác phát triển đảng viên mới được Đảng bộ chú trọng hơn so với những năm trước. Số đảng viên mới được kết nạp trong năm 1977 tăng 20% so với năm 1975 và tăng 70% so với năm 1976, hầu hết là trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình, có trình độ văn hóa và kỹ thuật, có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Cuối năm 1977, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và theo sự phân cấp quản lý của Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái và Trung ương từng bước phân cấp và bàn giao các tổ chức cơ sở Đảng trên địa bàn về sinh hoạt với Đảng bộ Thành phố. Đảng bộ Thành phố từ 85 tổ chức cơ sở Đảng, với 2.534 đảng viên (năm 1976) tăng lên đến gần 150 tổ chức cơ sở Đảng và 9.960 đảng viên¹. Địa bàn lãnh đạo của Đảng bộ rộng vì nhiều tổ chức cơ sở Đảng của Thành phố xen kẽ với các huyện Đồng Hỷ, Phố

1. Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII.



Yên, Phú Bình, Đại Từ. Đảng bộ Thành phố bao gồm nhiều tổ chức cơ sở Đảng có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, số đảng viên phân bổ không đều (Đảng bộ Công ty gang thép Thái Nguyên có 2.944 đảng viên, Đảng bộ Công ty Xây lắp Luyện kim có 1.456 đảng viên; ngược lại, có chi bộ chỉ có 4 hoặc 5 đảng viên).

Đặc điểm quan trọng đó đã chi phối đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, trực tiếp là chi phối sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

Tuy có những biến động về tổ chức Đảng và nội dung lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng Thành ủy đã có nhiều cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tổng sản lượng sản phẩm thủ công nghiệp vượt chỉ tiêu 1,65%, tăng 15,6% so với năm 1976. Sản xuất nông nghiệp vụ mùa vượt 16,5% kế hoạch, tăng 3,97% so với vụ mùa năm 1976; năng suất rau xanh vượt 11,28% so với kế hoạch và tăng 5,69% so với năm 1976.

Trong bối cảnh lịch sử đó, từ ngày 27-1 đến 31-1-1978, tại Hội trường Công ty gang thép Thái Nguyên, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ VII (vòng 2) được tổ chức với sự có mặt của 291 đại



biểu chính thức, 18 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 9.960 đảng viên trong toàn Đảng bộ¹.

Đại hội đã tập trung đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả các mặt khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng; quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu lãnh đạo của Đảng bộ trong 2 năm 1978, 1979 và các năm tiếp theo.

Đánh giá các mặt công tác trong nhiệm kỳ vừa qua, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa VI tại Đại hội khẳng định: "Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao sức chiến đấu, phát huy tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, từng bước khai thác được khả năng tiềm tàng về kinh tế, lãnh đạo sản xuất và đời sống được tốt hơn". "Trong điều kiện có nhiều khó khăn về sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, Đảng bộ đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân Thành phố tích cực chủ động khắc phục khó khăn để giành

1. Trong số 309 đại biểu chính thức và dự khuyết có 260 nam, 49 nữ, 49 đại biểu là đảng viên, 260 đại biểu là cấp ủy viên từ Chi ủy đến Tỉnh ủy; 74 đại biểu nông nghiệp, 62 đại biểu công nghiệp; 41 đại biểu trường học - bệnh viện - cơ quan, còn lại là đại biểu hoạt động chuyên trách công tác Đảng và chính quyền; 52 đại biểu có trình độ đại học và sau đại học; 115 đại biểu là đảng viên từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp; 5 đại biểu theo đạo Thiên chúa; 91,4% đại biểu là dân tộc Kinh, 16% Sán Dìu, 1,2% Nùng, 5,8% Tày.



thắng lợi, đưa giá trị tổng sản lượng năm sau cao hơn năm trước, nhất là sản xuất rau và thủ công nghiệp. Năm 1976 là năm Thành phố hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cao nhất. Năm 1977, mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch.

Trong nông nghiệp đã đẩy mạnh việc lãnh đạo đưa quy mô hợp tác xã ngày càng lớn, gắn với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ; đã tổ chức được 5 hợp tác xã quy mô toàn xã; đã tiến hành sắp xếp các hợp tác xã thủ công nghiệp theo ngành nghề, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật từng bước được chú ý. Về đời sống của xã viên hàng năm đều được cải thiện tốt hơn".

Về sự nghiệp văn hóa giáo dục, báo cáo chỉ rõ "Đảng bộ lãnh đạo hoàn thành xuất sắc việc xây dựng trường sở kiên cố, nửa kiên cố, đảm bảo đủ chỗ ngồi học cho con em nhân dân, chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên, các chỉ tiêu cơ bản trong 3 năm học đều vượt kế hoạch. Y tế được phát triển đảm bảo chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng từng bước được xây dựng; cuộc vận động thực hiện nếp sống mới được đẩy mạnh và phát triển



ngày càng tiến bộ. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thành phố được đảm bảo".

Báo cáo cũng thẳng thắn vạch ra các thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ là "Lãnh đạo sản xuất chưa toàn diện, tính toán chưa kỹ, xây dựng kế hoạch chưa đầy đủ và chưa sát thực tế; quy hoạch, khoanh vùng sản xuất nông nghiệp còn chậm. Đầu tư trang, thiết bị kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp còn chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Lãnh đạo quản lý vật tư, tiền vốn còn yếu, chưa đẩy mạnh được tăng năng suất, sản xuất thủ công nghiệp làm ra sản phẩm giá thành còn cao, quy cách một số mặt hàng chưa tốt. Công tác quản lý thị trường, sắp xếp cải tạo công thương nghiệp làm chưa dứt điểm. Công tác xây dựng và giáo dục chính trị chưa đi vào bề sâu, chưa kịp thời phê phán và ngăn chặn các tiêu cực mới xuất hiện... Công tác quản lý đảng viên có mặt còn buông lỏng; ý thức tổ chức kỷ luật của một số đảng viên ở cơ sở còn lỏng lẻo, gây nên sự mất đoàn kết nội bộ, giảm uy tín của chi bộ...".

Nguyên nhân dẫn đến các thiếu sót, khuyết điểm đó là do "trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố còn hạn chế, thậm chí có việc chưa hiểu biết hết; việc phân cấp quản lý còn nhiều việc chưa



rõ, chưa cụ thể,... dẫn đến công tác lãnh đạo gặp khó khăn, lúng túng, bị động. Cơ sở vật chất đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp còn thiếu thốn; thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán, lũ lụt kéo dài gây trở ngại cho sản xuất... Số cơ sở Đảng trung bình vẫn còn nhiều; một số đảng viên còn thiếu tính tiên phong, gương mẫu; trong số đảng viên yếu, kém có tới 50% là tham ô, mất đoàn kết. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách chưa tốt;... sơ, tổng kết rút kinh nghiệm chưa kịp thời; có việc, có mặt chỉ đạo chưa chặt chẽ, đồng bộ. Một số tổ chức, cơ sở Đảng thiếu chủ động, sáng tạo, còn trông chờ, ỷ lại. Năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng của một số cán bộ chủ chốt từ Thành phố xuống cơ sở còn hạn chế, trong khi đó việc tổ chức học tập nâng cao năng lực, trình độ còn yếu, một số cán bộ, đảng viên ngại học tập".

Trên cơ sở đánh giá, phân tích tìm ra những nguyên nhân ưu, khuyết điểm của Đảng bộ trong nhiệm kỳ vừa qua; căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ của Trung ương, của tỉnh giao, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2 năm 1978 - 1979 và những năm tiếp theo: "Nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh tổng hợp, xây



dựng thành phố Thái Nguyên nhanh chóng trở thành Thành phố công nghiệp, gắn liền với quá trình xây dựng công nghiệp Trung ương, đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương và tiểu, thủ công nghiệp, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp để đảm bảo cung cấp được phần lớn nhu cầu về thực phẩm của Thành phố; đẩy mạnh xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của công nhân và nhân dân Thành phố".

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa VII gồm 31 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết.

Ngày 4-2-1978, tại phiên họp lần thứ 1, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa VII bầu và phân công các đồng chí: Nguyễn Duy An (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy) làm Bí thư, phụ trách chung; Nguyễn Đình Hình Phó Bí thư Thường trực, phụ trách khối đoàn thể; Dương Kim Uyên (Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) Phó Bí thư, trực tiếp làm Bí thư Đảng đoàn chính quyền; Hoàng Từ (Bí thư Đảng ủy Công ty gang thép Thái Nguyên), Phó Bí thư, phụ trách khối công nghiệp Trung ương. Ban Thường vụ Thành ủy gồm 7 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII, Thành ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh



sản xuất lương thực và thực phẩm nhằm đảm bảo đời sống nhân dân và cung cấp cho công nghiệp. Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã Cam Giá theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa kết hợp xây dựng nông thôn mới, gồm 12 thành viên do đồng chí Nguyễn Quốc Tuấn (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách nông nghiệp) làm Trưởng ban. Tiếp đó, Thành ủy phát động phong trào "Đồng khởi thi đua, đẩy mạnh lao động sản xuất nông nghiệp" nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu năm 1978: 9.500 tấn; lợn 17.500 con, sản lượng 700 tấn thịt lợn hơi; cải tạo 50 ha mặt nước ao, hồ nuôi cá thịt; lương thực 8.300 tấn (có 5.400 tấn thóc, 2.900 tấn mầu quy ra thóc); năng suất lúa bình quân 5,3 tấn/1 ha, mức ăn bình quân 24kg thóc một người/một tháng.

Hưởng ứng phong trào "Đồng khởi thi đua đẩy mạnh lao động sản xuất nông nghiệp" do Thành phố phát động, các cấp ủy Đảng và Ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp các xã Cam Giá, Gia Sàng, Đồng Bẩm, Túc Duyên, Đồng Quang, Quang Vinh, Lương Sơn tập trung nuôi lợn tập thể, mỗi xã nuôi từ 400 đến 700 đầu lợn. Số ruộng đất các xã trên dành cho



chăn nuôi tập thể là 245 ha, hầu hết là ruộng tốt. Mỗi hợp tác xã lập một "phân xưởng chăn nuôi" do 1 ủy viên Ban quản trị có kỹ thuật, có kinh nghiệm chăn nuôi làm Phân xưởng trưởng.

Ủy ban Nông nghiệp Thành phố cử cán bộ kỹ thuật về giúp các hợp tác xã chấn chỉnh, bổ sung bộ máy điều hành phát triển chăn nuôi. Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Thành phố trực tiếp xuống từng cơ sở kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch, giải quyết tại chỗ những khó khăn, vướng mắc.

Để hoàn thành được kế hoạch trồng 204 ha rau xanh, Phòng Thủy lợi Thành phố đã cử nhiều cán bộ xuống chỉ đạo các hợp tác xã tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi, cung cấp nước cho các vùng chuyên canh và xen canh rau. Các hợp tác xã đã huy động 2.000 công, tu sửa được 80km mương dẫn nước tưới (tăng 4km so với vụ trước). Hợp tác xã Đồng Bẩm hoàn thành hệ thống mương dẫn nước cho 40 ha rau; hợp tác xã Đại Đồng hoàn thành hệ thống mương, máng đảm bảo dẫn nước tưới tiêu cho 36 ha rau. Cán bộ, công nhân Phòng Thủy lợi Thành phố đã hoàn thành việc tu sửa 22 trạm bơm cung cấp nước cho sản xuất rau, trong đó có các trạm bơm lớn



đảm bảo nước tưới cho 21 ha rau ở Gia Sàng, 15 ha rau ở Túc Duyên, 20 ha rau ở Lương Sơn.

Đánh giá kết quả lãnh đạo sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 1978, Hội nghị Thành ủy họp từ ngày 27 đến ngày 29-7-1978 khẳng định: "Tuy thời tiết không thuận lợi, tổ chức lại sản xuất chưa kịp thời, nhưng diện tích gieo cấy lúa chiêm xuân vượt kế hoạch, trồng rau màu và quản lý rau, màu đã được phát triển".

Sản xuất nông nghiệp 6 tháng cuối năm 1978 của Thành phố cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường. Từ ngày 3 đến ngày 6-10-1978, bão và mưa lớn trên diện rộng đã gây ngập lụt ở nhiều nơi trong tỉnh, trong đó thành phố Thái Nguyên bị ngập trên 950 ha lúa, 100% diện tích rau các loại bị mất trắng, 84% diện tích hoa mầu bị ngập lụt; một số hợp tác xã bị nước tràn vào ao, mất cá; hàng chục vạn viên gạch, ngói bị hư hại. Để nhanh chóng khắc phục hậu quả do bão, lụt gây ra, ngày 7-10-1978, Ban Thường vụ Thành ủy họp ra Nghị quyết số 152/NQ-TP phát động phong trào "Thi đua nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục hậu quả của lũ lụt nhằm hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1978".



Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy, ngay sau khi nước rút, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có kế hoạch chỉ đạo cụ thể việc khắc phục hậu quả. Lãnh đạo Thành phố đã huy động cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, thành lập các đoàn xuống chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở khắc phục hậu quả lũ lụt. Tại các hợp tác xã Quang Vinh, Đồng Bẩm, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá, Lương Sơn - nơi có diện tích lúa, rau, màu bị ngập lụt, thiệt hại nhiều - ngay sau khi nước vừa rút, cấp ủy Đảng, Chính quyền và Ban quản trị hợp tác xã đã huy động xã viên ra đồng rửa lúa, thu hoạch lúa sớm, làm đất gieo trồng vụ đông, mở rộng diện tích trồng rau, màu, ngăn ngày, giải quyết khó khăn về lương thực cho người và cho chăn nuôi. Các hợp tác xã còn huy động lực lượng tu sửa hàng chục km đường dẫn nước bị đất, cát bồi lấp; tu sửa các trạm bơm điện, máy bơm dầu để phục vụ sản xuất vụ đông.

Các chuồng, trại chăn nuôi, nhà kho, sân phơi cũng như nhà trẻ, trường học cũng được nhanh chóng tu sửa...

Nhằm đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, rau màu, các Chi hội phụ nữ các xã Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Bẩm, Đồng Quang phát động chị em làm trên 9.600 tấn phân, mỗi Chi hội nuôi thêm từ 70



đến 80 con lợn, phấn đấu hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Thành Đoàn thanh niên phát động phong trào thi đua giải quyết hậu quả lũ lụt, góp phần ổn định đời sống nhân dân, thực hiện vụ Đông Xuân thắng lợi. Thành Đoàn động viên đoàn viên đi đầu trong việc khắc phục khó khăn, đảm nhận những việc khó, đột xuất, làm đất trồng màu, chăm bón và thu hoạch lúa mùa, gây giống rau các loại, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi. Mỗi đoàn viên, thanh niên các hợp tác xã nông nghiệp làm 3 tấn phân, nhận chăm bón những khu đồng tăng sản, mỗi đoàn viên ở khu vực phi nông nghiệp làm 100kg phân bón cho sản xuất Đông Xuân.

Năm 1978, nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể, nên các hợp tác xã nông nghiệp của Thành phố đã khắc phục tốt hậu quả lũ lụt, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân và làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, giao nộp được 559 tấn thóc, vượt chỉ tiêu kế hoạch trên giao 29 tấn. Hợp tác xã toàn xã Lương Sơn đã hoàn thành 100% chỉ tiêu giao nộp 215 tấn thóc (cao nhất trong các hợp tác xã nông nghiệp của Thành phố).



Về thực phẩm, Thành phố cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao. Hợp tác xã Quang Vinh bán 21.528 kg lợn hơi (vượt chỉ tiêu 1.009kg), hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm năm 1978 trước 78 ngày, dẫn đầu Thành phố về thời gian, được Quốc hội và Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Hợp tác xã Đồng Bẩm - một hợp tác xã chuyên sản xuất rau - đã bán được 43.569kg thịt lợn hơi, vượt kế hoạch 2.033kg, vượt thời gian 36 ngày. Tại hợp tác xã Lương Sơn, chỉ trong một ngày mở Hội chợ thu mua, nhân dân đã bán cho Nhà nước vượt kế hoạch 1.200kg thịt lợn hơi. Hợp tác xã toàn xã Túc Duyên chuyển sản xuất rau, mặc dù bị trận lụt tháng 10-1978 gây thiệt hại nặng, nhưng vẫn đảm bảo sản xuất đạt 45 tấn rau 1 ha, tăng 3 tấn 1 ha so với năm 1977.

Trên mặt trận sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, Thành phố đã thu hút thêm 200 lao động là những người buôn bán nhỏ ở các khu phố, thị trấn vào làm ở các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đúc gang, kim khí, đồ gỗ, giả da và sản xuất tạp phẩm theo phương pháp vừa học, vừa làm. Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà, sau khi được bổ sung thêm 60 lao động, đã đưa 50 người trẻ, khỏe về Hải Phòng học nghề dập hàng sắt và tráng men. Thành phố mở lớp dạy nghề dệt thảm



cho trên 100 lao động (hầu hết là phụ nữ), cung cấp lao động cho các hợp tác xã dệt thảm xuất khẩu.

Trong 6 tháng đầu năm 1978, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp Thành phố đã sản xuất hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch được giao. Giá trị tổng sản lượng đạt gấp 1,5 lần cùng kỳ năm 1977, tạo tiền đề hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 1978 và phát triển sản xuất trong những năm sau. Các cơ sở đã mở thêm các nghề đúc nồi, chảo, kiềng gang; tận dụng sắt phế phẩm của Nhà máy cán thép Gia Sàng sản xuất các loại giường, ghế, giá sách cho thư viện, trường học. Hợp tác xã Cộng Lực (lá cờ đầu của Ngành tiểu, thủ công nghiệp Thành phố) đã khai thác được 4.800m³ cát sỏi; sản xuất 1.900 cột nhà bê tông đúc sẵn, 106 vò kèo thép, 950 ống cống các loại, mua sắm thêm 1 máy hàn, 2 máy trộn bê tông, mua và vận chuyển 150 tấn sắt phế phẩm.

Hưởng ứng phong trào thi đua "3 nhất", "5 tốt", do Liên hiệp xã tiểu, thủ công nghiệp Thành phố phát động, trong 6 tháng cuối năm 1978, cán bộ, xã viên các hợp tác xã đã cố gắng khắc phục khó khăn, thiếu thốn về vật tư, lao động; tận dụng phế liệu, phế phẩm của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, sản xuất được nhiều mặt hàng phục vụ quốc phòng, giao thông, thủy lợi, nông nghiệp và tiêu dùng. Trong



chiến dịch sản xuất tháng 12-1978, 14 trên tổng số 24 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 1978 từ 0,1% đến 7,5% giá trị tổng sản phẩm, về trước thời gian từ 1 ngày đến 10 ngày. Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà hoàn thành kế hoạch năm 1978 trước 15 ngày, vượt chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng 8% v.v...

Từ cuối năm 1977, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, các đảng bộ, chi bộ cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học, bệnh viện của Trung ương, khu và tỉnh đóng trên địa bàn về sinh hoạt ở Đảng bộ Thành phố. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, Thành ủy đã có nhiều cố gắng phối hợp với các Bộ của Trung ương, Ty, Ban, Ngành của tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo các nhà máy, xí nghiệp khắc phục khó khăn, đưa sản xuất phát triển.

Được sự phối hợp lãnh đạo của Thành ủy, Công ty gang thép Thái Nguyên sớm vượt qua khó khăn do Trung Quốc cắt viện trợ và rút chuyên gia về nước, giữ vững nhịp độ sản xuất. Năm 1978, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng trước thời hạn một tháng. Xưởng Luyện cốc hoàn thành kế hoạch trước thời hạn 47 ngày, giá trị tổng sản lượng vượt 0,46%; xưởng Vật liệu chịu lửa hoàn thành trước 41 ngày, giá trị tổng sản lượng vượt 0,95%; xưởng Hợp kim sắt



hoàn thành kế hoạch trước ngày 36 ngày, giá trị tổng sản lượng vượt 0,64%, v.v... Cán bộ, công nhân Công ty đã nghiên cứu, đúc thành công trục cán thép đường kính 840mm, sản xuất thành công thép dẹt 10mm $\times$ 200mm..., gạch chịu lửa Samốt A đạt chất lượng cao hoàn toàn bằng nguyên liệu trong nước, thiết kế và chế tạo thành công hệ thống phun dầu nặng vào lò cao số I.

Ngoài ra, Công ty gang thép Thái Nguyên đã dành một phần sản phẩm gạch tráng men, xi măng, đá vôi, gang thép... giúp các ngành xây dựng cơ bản, cơ khí của địa phương khắc phục khó khăn, thiếu thốn về nguyên, vật liệu để duy trì sản xuất và xây dựng. Xưởng Cơ khí của Công ty đã cử cán bộ, công nhân kỹ thuật xuống giúp Xí nghiệp Cơ khí 3-2 bố trí lại dây chuyền sản xuất hợp lý, phát huy năng lực sản xuất.

Công ty Xây lắp cơ khí mở chiến dịch sản xuất 20 vạn cuốc bàn phục vụ sản xuất nông nghiệp; huy động trên 3.000 công nhân tham gia xây dựng kênh, mương Núi Cốc. Xí nghiệp Cơ khí 3-2 hoàn thành vượt mức 4,44% kế hoạch Nhà nước năm 1978: trong đó các sản phẩm chủ yếu phục vụ nông nghiệp gồm máy xát màu, máy tuốt lúa, cuốc, xẻng... đều đạt từ 100% đến 124%, năng suất lao động tăng 4,5%.



Công ty Xây lắp luyện kim đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, làm lợi gần 350.000 đồng, trong đó có 50 sáng kiến được xét thưởng. Năm 1978, lãnh đạo Công ty tập trung chỉ đạo thi công hoàn thành 14 công trình trọng điểm, vượt kế hoạch 3%.

Cán bộ, công nhân Nhà máy mì sợi Bắc Hải ngày, đêm bám máy, bám lò, rút ngắn thời gian sửa chữa máy móc, sản xuất được 8.014 tấn bột mì thành mì sợi (vượt kế hoạch 14 tấn), v.v...

Ngành Giáo dục Thành phố cũng có bước tiến mới. Trong năm học 1978 - 1979, tổng số học sinh các cấp lên tới 41.000 em, tăng hơn 3.000 học sinh so với năm học trước. Các trường đã khắc phục khó khăn, xây dựng được 90 phòng học bán kiên cố và kiên cố. Các trường cấp I + II Tân Long, Quan Triều, Hoàng Văn Thụ, Nha Trang, Hương Sơn, Núi Voi, Trại Cau, Gia Sàng, Túc Duyên tổ chức cho học sinh lao động sửa chữa trường, lớp, bàn, ghế hư hỏng. Phòng Giáo dục Thành phố trang bị thêm cho các trường trên 2.000 bộ bàn, ghế, cử 350 giáo viên theo học các hệ tại chức. Chất lượng dạy và học trong các trường được nâng lên: số giờ dạy có chất lượng khá và giỏi tăng 50% so với năm học trước; có 3 học sinh đạt giải nhất, 1 học sinh đạt giải nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi toán và văn lớp 4 và lớp 7 của tỉnh...



Thành phố Thái Nguyên là một trong hai đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ và tiền thưởng vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng trường (1976 - 1978). Trong số 18 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, thành phố Thái Nguyên có 4 đơn vị (gồm các xã Túc Duyên, Đồng Bẩm, tiểu khu Tân Long và hợp tác xã Cộng Lực).

"Công tác văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát huy, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động được đẩy mạnh, sự nghiệp y tế được phát triển tốt và đúng hướng, mạng lưới y tế từ Thành phố xuống cơ sở được tăng cường, có nhiều cố gắng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; phong trào thể dục, thể thao được phát triển mạnh trong thanh niên ở các khu vực trường học, nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang; công tác bảo vệ Bà mẹ - trẻ em đang được phát triển"¹.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đảng bộ coi trọng. Sau khi phía Trung Quốc dựng lên cái gọi là "Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa" trong số 103 hộ (440 nhân khẩu) người Hoa ở Thành phố đã có 31 hộ (gồm 198 nhân khẩu, có cả

1. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 8.



cán bộ, đảng viên) nhẹ dạ, cả tin, nghe theo kẻ xấu tuyên truyền, bỏ đi Trung Quốc, Đảng bộ tăng cường lãnh đạo, kịp thời ổn định tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nói chung, người Hoa nói riêng hiểu, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc tổ chức tọa đàm bản Tuyên bố ngày 24-5-1978 của Trung Quốc về việc "Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa". Hơn 30 đại biểu người Hoa là cán bộ, bác sĩ, công nhân, thợ thủ công, học sinh, sinh viên và nhân dân đường phố sinh sống ở Thành phố Thái Nguyên nhiều năm (có người gần 50 năm) đã đến dự tọa đàm. Tại cuộc tọa đàm, các đại biểu đã khẳng định: "Hoàn toàn không có chuyện Việt Nam bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa" và nhiệt liệt ủng hộ các bản Tuyên bố các ngày 27-5 và 5-6-1978 của Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về trật tự, trị an xã hội, Đảng bộ Thành phố tiếp tục lãnh đạo tốt việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị "Về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động khôi



phục và phát triển kinh tế, phục vụ tốt đời sống nhân dân". Thành phố xây dựng được hơn 100 tổ, đội, trung đội, đại đội dân phòng, với 1.193 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an.

Công an Thành phố gọi 50 đối tượng hình sự lên giáo dục, đưa 2 đối tượng ra kiểm điểm trước dân, tổ chức 3 lớp cải huấn giáo dục 158 đối tượng vi phạm pháp luật, góp phần hạn chế và ngăn chặn được nhiều vụ phạm pháp hình sự.

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể, ngay từ đầu năm 1978, Thành ủy ra Nghị quyết chỉ rõ "Tăng cường giáo dục nền quốc phòng toàn dân cho các dân tộc thành phố Thái Nguyên, nhất là trong thanh niên, học sinh và trong các cơ quan Nhà nước; lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, thường xuyên quản lý nắm chắc quân dự bị các hạng một và hai, phục vụ tốt cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Tiếp tục lãnh đạo làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội. Đẩy mạnh phong trào "Thi đua Quyết thắng", hoàn thành vượt mức kế hoạch các nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1978".

Từ khi tình hình biên giới căng thẳng (5-1978), Thành ủy chủ trương xây dựng lực lượng dân quân,



du kích, tự vệ của Thành phố với "chất lượng tốt, số lượng đông", mỗi xã xây dựng từ 1 đến 3 đại đội dân quân, du kích; mỗi tiểu khu xây dựng 1 đại đội tự vệ; các nhà máy, xí nghiệp tổ chức quy mô từ tiểu đoàn đến trung đoàn tự vệ. Bí thư các đảng bộ, chi bộ trực tiếp làm chính trị viên đơn vị dân quân, tự vệ cùng cấp.

Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, các đảng bộ, chi bộ cơ sở lãnh đạo củng cố được 60% cơ sở dân quân, tự vệ; 90% cơ sở dân quân, tự vệ có cấp ủy viên phụ trách (trong đó có 49% là Bí thư các chi bộ, đảng bộ), 47% đảng viên của Đảng bộ tham gia dân quân, du kích và tự vệ. Công tác huấn luyện cán bộ dân quân, du kích vượt kế hoạch 3%, huấn luyện cán bộ tự vệ vượt 10%; 98,7% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành tốt chương trình, nội dung huấn luyện quân sự. Dân quân, tự vệ khối Dân - Đảng của Thành phố huấn luyện quân sự 7 ngày đạt chất lượng cao, trong đó bắn súng 100% đạt yêu cầu, 71,5% khá giỏi; mang súng, ném lựu đạn 100% đạt yêu cầu, có 87,7% khá. Công tác tuyển quân của Thành phố trong năm 1978 "đảm bảo đủ số lượng, chất lượng tốt và đúng chính sách", giao quân vượt chỉ tiêu 0,95%.

Từ ngày 27-2 đến ngày 31-5-1978, Thành phố huy động 1 tiểu đoàn dân quân, du kích, tự vệ ở 6 xã (Quang Vinh, Đồng Quang, Đồng Bẩm, Túc Duyên,



Gia Sàng, Cam Giá) và 3 tiểu khu (Tân Long, Phú Xá, Trung Thành) tham gia "Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã" đảm bảo vượt các chỉ tiêu về quân số, năng suất, thời gian và khối lượng công việc. Kết thúc chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn Thành phố và Đại đội dân quân xã Đồng Bẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng giấy khen; 71% cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn được khen thưởng.

Để đáp ứng sự đòi hỏi cấp thiết của tình hình an ninh lãnh thổ của đất nước, theo Quyết định số 21/QĐ-TW của Bộ Chính trị và thực hiện Quyết định ngày 5-8-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy Thái Nguyên thành lập Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố và Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị... làm nhiệm vụ thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, huy động sức người, sức của chi viện biên giới.

Nhằm phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31-7-1978, Thành ủy ra Nghị quyết số 90/NQ-TN thành lập Tổng đội thanh niên xung kích, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thành phố, làm nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện, động viên và



tổ chức đoàn viên, thanh niên xung kích lao động và bảo vệ Tổ quốc.

Trước tình hình địch tăng cường các hoạt động xâm lấn biên giới, Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân Thành phố sản xuất được hàng chục vạn chông tre, chông sắt (trong đó Công ty Xây lắp luyện kim, Cơ khí 3-2, Hợp tác xã Cộng Lực đã sản xuất hàng ngàn bàn chông sắt, 100 chông quả dưa) giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chuyển lên chi viện cho 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Phòng Thương binh - Xã hội phối hợp với Phòng Y tế tổ chức khám sức khỏe cho thương binh và thân nhân liệt sĩ; phối hợp với Phòng Thương nghiệp giải quyết tốt việc phân phối hàng tiêu dùng cho thương binh, gia đình liệt sĩ; phối hợp với Ty và phòng Lương thực giải quyết việc nâng mức ăn cho bố, mẹ liệt sĩ già yếu ở khu vực phi nông nghiệp, vùng sản xuất rau, cho vợ liệt sĩ đông con gặp khó khăn.

Xã Quang Vinh là một trong những đơn vị làm tốt công tác hậu phương quân đội. Hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ trong xã đều có mức sống từ trung bình (so với mức sống của người dân trong xã) trở lên; mức sống của bố, mẹ liệt sĩ đạt bình quân 20kg thóc 1 tháng, con liệt sĩ đạt từ 10kg đến 13kg thóc 1 tháng. Các thầy, cô giáo trường cấp I - II của



xã đã chăm lo kèm cặp đảm bảo 100% con em liệt sĩ, thương binh được lên lớp hoặc thi đỗ tốt nghiệp. Với thành tích đó, cán bộ và nhân dân xã Quang Vinh được Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam bằng Bằng khen.

Đầu năm 1978, Đảng bộ Thành phố tiếp nhận thêm một số cơ sở Đảng của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp của Trung ương và tỉnh về sinh hoạt, nâng số đảng viên của đảng bộ lên tới 15.301 đồng chí, sinh hoạt trong 186 Đảng bộ, chi bộ cơ sở. Trước tình hình số lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng tăng nhanh, Thành ủy chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ sở giữ vững các chế độ, nền nếp sinh hoạt, học tập, công tác. Nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng kết hợp với nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên được Thành ủy đặc biệt chú trọng. Sáu tháng đầu năm 1978, 100% tổ chức cơ sở Đảng và trên 90% cán bộ, đảng viên được học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII một cách triệt để và nghiêm túc. Đợt học tập đã góp phần "nâng cao được nhận thức, củng cố được lập trường, quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên; kịp thời uốn nắn được những lệch lạc trong nhận thức tư tưởng về bản chất của kẻ thù mới, mài sắc được ý chí chiến đấu, nâng cao được năng lực, trình độ lãnh đạo cho cán bộ, đảng



viên và do đó các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đã được thực hiện thắng lợi"¹.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Trung ương, Tỉnh ủy giao, trực tiếp là các nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII đề ra, Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục một số khuyết điểm, tồn tại trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đó là "Nhận thức và hành động của một số không ít cán bộ, đảng viên chưa có chuyển biến thật sự về tính chất, vị trí và nhiệm vụ của Thành phố đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII. Chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ còn nhiều hạn chế. Ngoài số đảng viên tích cực thì bên cạnh những đảng viên yếu, kém, còn một số khá đông đảng viên ở loại trung bình (thực chất là kém). Biểu hiện tập trung của số đảng viên này là công tác không hăng say, kém nhiệt tình, thiếu ý chí cách mạng tiến công; không mạnh dạn đấu tranh với những sai trái trong nội bộ và những tiêu cực trong cơ quan cũng như ngoài xã hội, ngại

1. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 8, trang 13.



va chạm, ngại khó khăn, lười học tập và học tập qua loa, chiếu lệ"¹.

Thực hiện Kế hoạch 63 của Thành ủy về thi hành Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cùng với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên, từ đầu năm 1978 đến hết năm 1979, Đảng bộ đã đưa 169 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, xóa tên 96 đảng viên. Công tác phát triển Đảng cũng được chú ý. Trong 9 tháng đầu năm 1978, Thành ủy và một số Đảng bộ cơ sở đã mở các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng cho hơn 700 quần chúng ưu tú, (riêng Thành ủy mở được 3 lớp, bồi dưỡng được 358 quần chúng ưu tú), có tác dụng thúc đẩy công tác phát triển Đảng trong toàn Đảng bộ. Mặc dù vậy, nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở chưa nhận thức đầy đủ vị trí công tác phát triển Đảng trong công tác xây dựng Đảng. Trong nhiều năm, một số đảng bộ, chi bộ không kết nạp được đảng viên mới, thậm chí Chi bộ Công ty xây dựng Lâm nghiệp và Đảng bộ tiểu khu Trưng Vương trong suốt 10 năm không kết nạp được thêm một đảng viên mới nào.

Tình trạng yếu, kém, trì trệ trong công tác phát triển Đảng của các đảng bộ, chi bộ cơ sở đã hạn chế

1. Kế hoạch thi hành Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng của thành ủy Thái Nguyên ngày 8-6-1978.



đến sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, làm trở ngại cho công tác xây dựng, quy hoạch cán bộ và đội ngũ đảng viên của Đảng bộ.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 8-10-1978, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết về công tác phát triển Đảng. Trên cơ sở phân tích, đánh giá sự yếu kém, trì trệ trong công tác phát triển Đảng của Đảng bộ trong những năm vừa qua, Nghị quyết chỉ rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy, chi bộ đối với công tác phát triển Đảng; giao nhiệm vụ cho Đoàn Thanh niên giáo dục, lựa chọn, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng, để Đảng xem xét kết nạp.

Sau gần 3 tháng thực hiện Nghị quyết 153 của Ban Thường vụ Thành ủy, Thành Đoàn đã tích cực, chủ động tổ chức bồi dưỡng, rèn luyện đoàn viên, giới thiệu cho Đảng được gần 1.800 đoàn viên ưu tú (trong đó có 285 đoàn viên ưu tú đã được các cơ sở Đảng xem xét, cử đi học các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng). Các tổ chức cơ sở Đảng đã xây dựng kế hoạch phát triển Đảng một cách cụ thể, tỷ mỷ; phân công trách nhiệm làm công tác phát triển Đảng cho từng tổ Đảng, đảng viên; giao nhiệm vụ để thử thách, giáo dục, rèn luyện quần chúng, Đảng bộ Thành phố đã kết nạp được 68 đảng viên mới, nâng số đảng viên mới được kết nạp năm 1978 lên 171 đồng chí (trong đó có 68% là đoàn viên).



Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng. Năm 1978, Thành ủy quyết định tách một số chi bộ tiểu khu và một số chi bộ các cơ quan thành các chi bộ nhỏ để thành lập các chi bộ, đảng bộ cơ sở mới¹; củng cố, kiện toàn các

1. Ngày 12-1-1978, Thành ủy quyết định tách chi bộ tiểu khu Hương Sơn thành 4 chi bộ, thành lập Đảng bộ tiểu khu Hương Sơn, chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 9 đồng chí do các đồng chí Nguyễn Đông làm Bí thư, Nguyễn Xuân Bảng làm Phó Bí thư, Nguyễn Văn Long làm Ủy viên Thường vụ.

Ngày 23-2-1978, Thành ủy quyết định tách chi bộ khối Dân - Đảng (Mặt trận) thành 8 chi bộ, thành lập Đảng bộ Dân Đảng, chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 9 đồng chí, do các đồng chí Cao Huy Dĩnh làm Bí thư, Dương Văn Bẩy làm Phó Bí thư, Lương Chấn Hải làm Ủy viên Thường vụ.

- Ngày 16-6-1978, Thành ủy quyết định tách chi bộ Công ty xây dựng thành 6 chi bộ, thành lập Đảng bộ Công ty xây dựng dân dụng, chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 7 đồng chí do các đồng chí: Nguyễn Văn Đức làm Bí thư, Nguyễn Điện làm Phó Bí thư.

- Ngày 19-8-1978, Thành ủy quyết định tách chi bộ Liên hiệp Công đoàn tỉnh thành 3 chi bộ, thành lập Đảng bộ Văn phòng Liên hiệp Công đoàn tỉnh.

- Ngày 28-9-1978, Thành ủy ra Nghị quyết số 151/NQ-TP tách chi bộ tiểu khu Quán Triều thành 7 chi bộ, thành lập Đảng bộ tiểu khu Quán Triều, chỉ định Đảng ủy lâm thời gồm 7 đồng chí, do các đồng chí Đặng Bá Phụ làm Bí thư, Nguyễn Ngọc Thanh làm Phó Bí thư.



cấp ủy đảm bảo đủ số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng.

Ngoài ra, Thành ủy còn tập trung lãnh đạo kiện toàn các phòng, ban các cơ quan Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố¹, đặc biệt là các cơ quan kinh tế, quản lý xã hội có đủ cán bộ cần thiết theo cơ chế đã được xác định. Nhờ vậy, các mặt công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố được triển khai kịp thời và thực hiện có hiệu quả hơn so với năm 1977.

Bước sang năm 1979, tình hình biên giới phía Bắc có nhiều diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, ngày 6-1-1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc", chỉ rõ "Phải khẩn trương nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động lấn chiếm, xâm phạm biên giới của địch".

Ngày 8-1-1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh họp bất thường, quyết định:

1. Đầu năm 1978, Thành ủy quyết định thành lập thêm các cơ quan: Ban Kiến thiết, Công ty Xây dựng, Công ty Vật tư, Phòng Công nghiệp, Trạm rau, Trạm thú y và giống lợn trực thuộc UBND Thành phố, tách phòng Giao thông - Thị chính thành 2 phòng: Quản lý nhà đất + công trình công cộng và phòng Giao thông.



1. Chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.
2. Chuẩn bị tuyển quân xây dựng 2 trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập 3 trung đoàn dự nhiệm.
3. Sẵn sàng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh phía trước.

Ngày 12-1-1979, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh "phải triển khai ngay công tác chuẩn bị, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương và các lực lượng cơ động chiến đấu của Quân khu và Bộ trên địa bàn Thành phố. Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, sẵn sàng chi viện phía trước khi có lệnh".

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quyết định của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy họp quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, bàn phương hướng, nội dung, biện pháp thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của trên.

Sáng 17-2-1979, địch nổ súng tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc của Tổ quốc ta. Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, tối 17-2-1979, Ban Thường



vụ Thành ủy, Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố họp và quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của Thành phố vào chiến đấu; đồng thời chỉ thị cho các xã, tiểu khu, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp sẵn sàng phục vụ chiến đấu; mỗi đơn vị chuẩn bị lực lượng từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước.

Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân và các lực lượng vũ trang Thành phố thực hiện tốt bản Tuyên bố ngày 17-2-1979 của Chính phủ và Thông báo ngày 18-2-1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh: "Hãy bình tĩnh, sẵn sàng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, đảm bảo công tác, sản xuất bình thường. Nhanh chóng triển khai các lực lượng trực chiến, sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía trước chiến đấu thắng lợi".

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nên Đảng bộ đã động viên được cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân Thành phố quyết tâm sẵn sàng lên đường chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược. Chỉ một ngày sau khi địch phát động chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên



giới phía Bắc nước ta, nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, giáo viên và học sinh đã viết đơn tình nguyện đi chiến đấu chống quân xâm lược. Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã xây dựng được 1 đại đội dân quân, du kích gồm 70 cán bộ, chiến sĩ, trang bị đầy đủ vũ khí, bổ sung cho Tiểu đoàn 736 dân quân, du kích của tỉnh¹ đi làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở phía bắc huyện Ngân Sơn (tỉnh Cao Bằng).

Từ ngày 18 đến ngày 28-2-1979, Đảng bộ Thành phố lãnh đạo các Công ty: Gang thép Thái Nguyên, Xây lắp luyện kim, Xây lắp Cơ khí xây dựng xong các tiểu đoàn tự vệ 734, 735, 737.

Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, từ ngày 26-2 đến ngày 3-3-1979, các tiểu đoàn tự vệ 734, 735, 737 lần lượt cơ động lên Mặt trận Cao Bằng

1. Tiểu đoàn dân quân, du kích của tỉnh gồm:

- Đại đội 1 (Đồng Hỷ): 98 cán bộ, chiến sĩ.
- Đại đội 2 (Phổ Yên): 84 cán bộ, chiến sĩ.
- Đại đội 3 (Thành phố): 70 cán bộ, chiến sĩ.
- Đại đội 4 (Phú Bình): 104 cán bộ, chiến sĩ.

Trung đội Vận tải (Đồng Hỷ) 10 cán bộ, chiến sĩ, Trung đội Thông tin và Tiểu đội Trinh sát (Phú Bình): 29 cán bộ, chiến sĩ, Đoàn bộ (Phú Bình): 17 cán bộ, chiến sĩ, chỉ huy tiểu đoàn: 4 cán bộ.



tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong số đó, Tiểu đoàn 735 (tự vệ Công ty Xây lắp luyện kim) đã trực tiếp chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Tiểu đoàn 735 (tự vệ Công ty Xây lắp luyện kim) được thành lập ngày 23-2-1979, gồm 473 cán bộ, chiến sĩ. Ngày 7-3-1979, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 735 được lệnh đưa đơn vị lên chặn địch từ thị xã Cao Bằng theo đường Nguyên Bình về Tà Sa, Tỉnh Túc. Sáng 8-3-1979, Đại đội 6 (Tiểu đoàn 735) hành quân bằng xe cơ giới về đến bản Nà Pao, xã Minh Tâm (huyện Nguyên Bình - Cao Bằng) thì gặp địch, cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng dàn đội hình, triển khai trận địa chiến đấu. Từ khoảng 9 giờ 30 phút ngày 8-3-1979, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 6 đã đánh lui nhiều đợt tấn công ô ạt của địch vào trận địa. Càng về trưa, cuộc chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 6 càng trở nên ác liệt, nhiều cán bộ và chiến sĩ đã bị hy sinh.

Ngày 9-3-1979, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 735 tiếp tục điều Đại đội 2 lên chiến đấu cùng với Đại đội 6. Trước tinh thần chiến đấu quyết liệt của ta, khoảng 22 giờ ngày 9-3, địch phải rút lui. Qua 2 ngày trực tiếp chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 735 đã đẩy lùi 13 đợt tấn công của địch, tiêu diệt 550 tên, bắt 8 tên thám báo, thu 2 súng AK, 2 súng B41, 2 dàn tên lửa H12, 17 quả mìn định hướng. Ngày 10-3, Tiểu



đoàn 735 tiếp tục truy kích, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị bạn bức hàng 1 đại đội địch.

Tuy là một đơn vị tự vệ mới được thành lập, chiến sĩ vừa hành quân, vừa huấn luyện, cán bộ chỉ huy từ tiểu đội đến tiểu đoàn đều mới, lại đang trên đường hành quân thì gặp địch, nhưng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 735 đã kịp thời triển khai chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Trong trận chiến đấu không cân sức này, Tiểu đoàn 735 có 27 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 40 cán bộ, chiến sĩ khác bị thương. Sự hy sinh của 27 cán bộ, chiến sĩ và một phần máu xương để lại chiến trường của 40 cán bộ, chiến sĩ khác của Tiểu đoàn 735 đã góp phần to lớn vào chiến công chung của các lực lượng vũ trang Bắc Thái tại mặt trận phía trước.

Thực hiện Chỉ thị ngày 3-3-1979 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc "Phát động tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc", Ban Thường vụ Thành ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo huy động được gần 10.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các xã, thị trấn, tiểu khu, cơ quan, các trường trung, đại học đi xây dựng công trình chiến đấu ở phía trước. Đồng thời lãnh đạo huy động được 46.341 công của dân quân, tự vệ xây dựng phòng tuyến chiến đấu tại



chỗ; đào, đắp được 22.000 mét chiến hào, 10.000 hố chiến đấu cá nhân và hàng chục trận địa chiến đấu.

Hưởng ứng phong trào "Cây chuối quốc phòng, sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ vững chắc địa phương" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố phát động trong giới phụ lão, Thành phố đã xây dựng được 9 đơn vị lão dân quân, với 571 cụ tham gia. Các cụ lão dân quân tiểu khu Trưng Vương và xã Gia Sàng đã tự trang bị vũ khí bằng gươm, giáo, mác, gậy gộc, cùng dân quân, tự vệ ngày, đêm luyện tập và tuần tra canh gác.

Hướng về các cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đang chiến đấu bảo vệ từng tấc đất biên cương của Tổ quốc, các chi hội phụ nữ Thành phố đã quyên góp lương thực, thực phẩm trị giá 3.800 đồng ủng hộ bộ đội Biên giới. Bà Lưu Thị Mai (Phân chi trưởng Chi hội phụ nữ tiểu khu Tân Long có 2 con đi bộ đội) đã ủng hộ các chiến sĩ biên giới 1 con lợn 70kg¹, v.v...

Hưởng ứng chiến dịch "Trần Quốc Toản ra quân đánh thắng quân xâm lược" do phòng Giáo dục Thành phố phát động, Liên đội thiếu niên tiên phong Trường phổ thông cấp I - II Đồng Quang quyên góp

1. Báo Bắc Thái ngày 3-4-1979.



được 794kg đậu xanh, 806 quả trứng và 38kg đường ủng hộ bộ đội và thương binh...

Ngay sau khi quân xâm lược rút về nước, Đảng bộ Thành phố lãnh đạo các cơ quan, xí nghiệp, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân quyên góp, ủng hộ đồng bào Cao Bằng nhanh chóng ổn định đời sống và khôi phục sản xuất. Ủy ban nhân dân Thành phố huy động hàng ngàn công nhân các Công ty Xây dựng nhà ở, Xây dựng dân dụng, Xây lắp Luyện kim và xã viên Hợp tác xã Cộng Lực tập trung phương tiện, lao động, gia công và vận chuyển 500 bộ vì kèo thép, cột bê tông, hàng vạn cây tre, nứa lên giúp thị xã Cao Bằng xây dựng 10.000m² nhà ở.

Trường Đại học Y khoa Việt Bắc cử hơn 100 giáo viên bộ môn dịch tễ và sinh viên năm thứ 6 chia làm nhiều đoàn lên các tỉnh Biên giới làm công tác vệ sinh, phòng dịch; đồng thời điều một kíp mổ và hàng trăm sinh viên về các Quân y viện tham gia cứu, chữa thương binh.

Thiếu nhi Thành phố đóng góp ủng hộ thiếu nhi Cao Bằng 26 mặt hàng (trong đó có 6.500 bút chì, 2.300 thép giấy, 7.500 thước kẻ, 5.000 nhãn vở, 3.576 êke, thước đo độ và nhiều quần, áo, khăn mặt, mũ, tất...). Cán bộ, công nhân, viên chức Công ty gang thép Thái Nguyên quyên góp, ủng hộ đồng bào Cao

CÔNG TRÌNH
CHẠM MUNG ĐÁ, NG
CÁNG C

Công nhân Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đang điều khiển máy xeo giấy.



Bằng được 7.000 đồng và nhiều quần áo, xà phòng, thuốc đánh răng. Cán bộ, công nhân viên chức Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ ủng hộ đồng bào Cao Bằng 375 mét phiếu vải và 3.000 đồng, giúp Xí nghiệp giấy Kim Đồng (Cao Bằng) khôi phục mặt bằng, ủng hộ máy xeo giấy con công suất 500KW, lắp đặt toàn bộ hệ thống sản xuất gồm lò hơi, máy chặt nguyên liệu, nồi nấu bột, máy nghiền bột và máy xeo giấy, đưa Xí nghiệp nhanh chóng trở lại sản xuất. Nhà máy điện Thái Nguyên ủng hộ 376 mét phiếu vải và 3.600 đồng, v.v...

Sau hơn 2 tháng hưởng ứng "Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng" do Mặt trận Tổ quốc tỉnh phát động, đến ngày 30-5-1979, cán bộ, nhân dân, các cơ quan, đoàn thể thành phố Thái Nguyên đã ủng hộ đồng bào Cao Bằng được 177.065,23 đồng và 23.552 mét phiếu vải. Thành phố Thái Nguyên là một trong hai đơn vị của tỉnh Thái Nguyên ủng hộ Cao Bằng tích cực nhất và được nhiều nhất, góp phần quan trọng giúp đồng bào Cao Bằng nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, khắc phục hậu quả nặng nề do quân xâm lược gây ra.

Nhờ Đảng bộ lãnh đạo tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nên trong đợt tuyển quân chống quân xâm lược đầu năm 1979, cả thành phố Thái Nguyên



sôi sục ý chí căm thù địch; hàng ngàn người (hầu hết là thanh niên) hăng hái viết đơn xin đi chiến đấu, trong đó có 280 đơn ký tên bằng máu, 123 chi đoàn viết quyết tâm thư gửi lên Thành Đoàn với 100% đoàn viên, thanh niên ký tên sẵn sàng nhận nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Qua 3 đợt tuyển quân năm 1979, Thành phố đã tuyển được 666 người vào bộ đội, vượt 0,9% chỉ tiêu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao. Riêng đợt tuyển quân thứ 3 (tháng 6-1979), Thành phố vượt chỉ tiêu 7,1%.

Trong 6 tháng đầu năm 1979, Đảng bộ Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo thành lập thêm nhiều đơn vị dân quân, tự vệ. Tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số Thành phố đạt 33,6% (trong đó lực lượng chiến đấu chiếm tỷ lệ 40,8% so với tổng số dân quân, tự vệ, vượt chỉ tiêu từ 1% đến 10%). Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng các trung đoàn, sư đoàn tự vệ trong các nhà máy, xí nghiệp; chỉ đạo các cơ sở Đảng cử thêm đảng viên vào các đơn vị bán vũ trang; giao nhiệm vụ cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền ở cơ sở trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị dân quân, tự vệ. Đến giữa năm 1979, Thành phố có 86 đơn vị dân quân, tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện; Ban chỉ huy quân sự Thành phố kiểm tra huấn luyện ở 24 đơn vị, có 14 đơn vị đạt giỏi, 7 đơn vị đạt khá. Để chỉ đạo huấn luyện quân sự sát với thực tế chiến đấu,



Ban chỉ huy quân sự Thành phố cử cán bộ lên các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn học tập kinh nghiệm đánh quân xâm lược trong cuộc chiến tranh bảo vệ Biên giới vừa qua, kịp thời bổ sung vào nội dung huấn luyện; đồng thời mở 25 lớp tập huấn cho 2.656 cán bộ dân quân, tự vệ từ tiểu đội đến đại đội về các khoa mục sử dụng súng bộ binh, súng chống tăng, các loại pháo và kỹ thuật chiến đấu cá nhân; bồi dưỡng cho 500 cán bộ từ cấp tiểu đoàn đến cấp sư đoàn nội dung lý luận về đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, phương thức chỉ huy tác chiến trên địa bàn rộng.

Trên mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhà máy, xí nghiệp phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất công nghiệp.

Đảng bộ Công ty gang thép Thái Nguyên giáo dục cán bộ, công nhân phát huy tinh thần tự lực tự cường, nghiên cứu đúc thành công các loại trục cán thép 530mm, 680mm, 840mm có chất lượng tốt; sử dụng 100% than mỡ Phấn Mễ để luyện than cốc, giữ vững sản xuất, tạo ra nhiều mặt hàng mới phục vụ công nghiệp và tiêu dùng. Toàn Công ty đã hoàn thành toàn diện vượt mức kế hoạch Nhà nước năm



1979 trước 5 ngày, đạt giá trị tổng sản lượng 101,51%.

Đảng bộ Nhà máy điện Thái Nguyên lãnh đạo rút ngắn được thời gian đại tu, tiểu tu lò máy 11 ngày, sản lượng điện phát ra tăng 2.808.000KW giờ, hoàn thành toàn diện vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1979 trước 14 ngày, nâng giá trị tổng sản lượng lên 62,4% so với kế hoạch.

Đảng bộ Xí nghiệp 19-5 lãnh đạo đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, tiết kiệm, tự thiết kế chế tạo thành công máy bào gỗ, tăng năng suất từ 300% đến 400% so với bào bằng tay, về trước kế hoạch 16 ngày, vượt giá trị tổng sản lượng 4%, năng suất lao động tăng 18%, v.v...

Năm 1979 là năm Đảng bộ tập trung lãnh đạo giải quyết những mặt yếu kém của ngành tiểu, thủ công nghiệp từ nhiều năm trước để lại. Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo củng cố tổ chức, kiện toàn bộ máy lãnh đạo Ngành tiểu thủ, công nghiệp từ Thành phố xuống cơ sở; chỉ đạo sản xuất bung ra đúng hướng, khai thác nguồn lao động, cơ sở vật chất, kỹ thuật và thế mạnh về nguồn nguyên liệu, phế liệu sẵn có để sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. 25 cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của Thành phố được tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước công tác quản



lý, đưa năng lực sản xuất tăng 38,5% so với năm 1978.

Trong điều kiện vật tư, nguyên liệu không đáp ứng yêu cầu của sản xuất, các hợp tác xã thủ công nghiệp đã mở rộng quan hệ với các huyện trong tỉnh, các công ty, xí nghiệp của Trung ương, tổ chức lực lượng khai thác thu mua than, sắt thép phế liệu, giữ vững sản xuất cho hơn 4.000 cán bộ, xã viên. Hợp tác xã măng cọt Thống Nhất mua được 17 tấn cuộng cọt, sản xuất được 60.000m² măng cọt xuất khẩu. Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam thu mua được 100 tấn mũi cày, diệp cày cũ, 67 tấn than cốc qua lửa, sản xuất được 10.000 mũi cày, diệp cày, 10.000 cào cỏ lúa và 10.000 cào lồng 4 răng phục vụ sản xuất nông nghiệp... Hợp tác xã Cộng Lực mua được 180 tấn sắt, thép phế liệu, đưa vào sản xuất được 6.000 cột bê tông, phục vụ cho kế hoạch xây dựng 60.000m² nhà ở, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất năm 1979, tiếp tục giữ vững danh hiệu "Đơn vị tiêu biểu xuất sắc toàn diện của ngành tiểu, thủ công nghiệp Thành phố năm 1979", v.v...

Năm 1979, sản xuất nông nghiệp của Thành phố tiếp tục gặp khó khăn do đời sống của xã viên thấp, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn ít, lại phải tập trung sức người, sức của chi viện cho các tỉnh phía trước đánh địch bảo vệ



biên giới. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ, nên sản xuất nông nghiệp của Thành phố năm 1979 đạt được một số thành tích đáng kể.

Vụ chiêm xuân cấy vượt kế hoạch diện tích 11,13%, trong đó diện tích lúa xuân đạt 43%, cao hơn tất cả các năm trước.

Hưởng ứng "Chiến dịch sản xuất 5 vạn tấn phân bón" do Thành Đoàn Thanh niên phát động, từ ngày 19-4 đến ngày 19-5-1979, đoàn viên, thanh niên Thành phố đã làm được 3.000 tấn phân xanh, 1.800 tấn phân bùn. Chi đoàn thanh niên phòng Thiết kế xây dựng (Công ty Xây dựng) làm vượt mức 100% chỉ tiêu phân xanh được giao. Đoàn viên, thanh niên Nhà máy xay Mỏ Bạch thu vét trấu phế phẩm làm phân, mỗi người được 500kg. Ban chấp hành Đoàn các trường đại học, trung học chuyên nghiệp huy động đoàn viên, thanh niên tham gia 2 ngày "Lao động cộng sản" làm gần 2.300 tấn phân giúp các hợp tác xã Tân Long, Quang Vinh, Phú Xá. Đoàn Thanh niên các xã Lương Sơn, Cam Giá nhân giống bèo hoa dâu đảm bảo cung cấp đủ giống cho toàn Thành phố.

Giữa tháng 6 năm 1979, Ủy ban Nông nghiệp Thành phố mở lớp tập huấn kỹ thuật ủ giống và tổ chức "Hội thi cấy" nhằm tuyển lựa các kiện tướng cấy giỏi đi tham gia "Hội thi cấy" của tỉnh.



Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và sâu sát của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp, vụ mùa năm 1979, Thành phố đã cấy được 1.493,6 ha, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 6,6%.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về nguồn thức ăn, giữ vững và phát triển chăn nuôi đàn lợn tập thể và gia đình. Hợp tác xã Quang Vinh dành 15% ruộng, đất cho chăn nuôi lợn tăng sản, cử một ủy viên Ban quản trị có trách nhiệm tốt làm Trại trưởng. Ủy ban Nông nghiệp Thành phố cử một kỹ sư chăn nuôi xuống giúp hợp tác xã phụ trách kỹ thuật. Nhờ đó, chăn nuôi lợn tăng sản ở hợp tác xã Quang Vinh bước đầu cho kết quả tốt: Sau 6 tháng nuôi, lợn xuất chuồng mỗi con nặng trên 1 tạ, tăng trọng bình quân 17kg/tháng. Năm 1979, nhân dân xã Quang Vinh đã bán cho Nhà nước 35.676kg lợn hơi. Từ kinh nghiệm nuôi lợn tăng sản ở hợp tác xã Quang Vinh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển rộng sang các hợp tác xã khác. Vì vậy, đến hết tháng 12-1979, Thành phố đã bán cho Nhà nước 293 tấn lợn hơi (tăng 53 tấn so với năm 1978).



Bên cạnh các thành tựu trên, năm 1979 "sản xuất nông nghiệp của Thành phố cũng còn nhiều mặt yếu: Năng suất lúa chưa cao, chưa dành đủ đất cho chăn nuôi, sản lượng rau còn đạt thấp". Nguyên nhân của những mặt yếu kém này là do "bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp còn chậm được tăng cường; một số chính sách để đẩy mạnh sản xuất rau chưa hợp lý, nhưng chậm được giải quyết; mặt khác thời tiết trong năm cũng không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp"¹.

Từ khi địch gây ra cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc (tháng 2-1979), tình hình trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh nói chung, Thành phố nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp. Lợi dụng nhân dân Cao Bằng chạy giặc, tạm lánh xuống thành phố Thái Nguyên, bọn tình báo, gián điệp của địch trà trộn vào dòng người sơ tán để hoạt động phá hoại, thu thập tin tức. Thành ủy tăng cường lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân nêu cao cảnh giác, phòng gian, giữ bí mật; chỉ đạo các lực lượng công an, bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát. Nhờ đó, an

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1979 của Thành ủy.



ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố được giữ vững.

Trước tình hình địch phát động chiến tranh xâm lược Biên giới (tháng 2-1979), Đảng bộ đã lãnh đạo công tác giáo dục chuyển hướng kịp thời, thực hiện thắng lợi năm học 1978 - 1979. Số học sinh được lên lớp ở các cấp đạt từ 95% đến 98% (vượt kế hoạch từ 1% đến 3%), thi tốt nghiệp cấp II phổ thông đạt từ 89% đến 97% (vượt chỉ tiêu từ 7,8% đến 9%), thi tốt nghiệp cấp III phổ thông đạt từ 76% đến 78% (vượt chỉ tiêu từ 0,3% đến 1,3%).

Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được phát huy. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới được duy trì. Hai khu vực văn hóa của Thành phố được hình thành¹ và từng bước xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân. Công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động được đẩy mạnh, phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Phong trào Thể dục - Thể thao tiếp tục phát triển, ngày càng mang tính chất quần chúng sâu rộng. Các cụ phụ lão ở tiểu khu Hoàng Văn Thụ thành lập được câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe ngoài

1. Khu văn hóa Công nhân gang thép và Khu văn hóa Công viên Sông Cầu.



trời, góp phần cổ vũ phong trào rèn luyện sức khỏe trong các tầng lớp nhân dân Thành phố.

Các đoàn thể quần chúng có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Các phong trào "Tòng quân giết giặc", "Làm phân bón chi viện nông nghiệp" trong thanh niên; "Cấy đúng kỹ thuật" và "Ủng hộ thương binh, bộ đội" trong phụ nữ; "Luống rau, cây chuối quốc phòng" trong các cụ phụ lão; "Trần Quốc Toàn ra quân" trong các cháu thiếu niên, nhi đồng Thành phố đã góp phần tạo ra khí thế thi đua sôi nổi trong sản xuất, giữ gìn trật tự, trị an, xây dựng nếp sống văn hóa và giải quyết được nhiều vấn đề cụ thể về thực hiện chính sách xã hội.

Những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội chính là kết quả công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ theo tinh thần Chỉ thị 72 CT (8-5-1979) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn củng cố tổ chức Đảng".

Ngày 28-7-1979, các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy họp Hội nghị với các đồng chí Trưởng các Ban Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra đánh giá tình hình triển khai và bàn một số nội dung, biện pháp tiếp tục thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trên cơ sở đánh giá ưu, khuyết



điểm trong việc thực hiện Chỉ thị 72, Hội nghị đi đến một số quyết định cụ thể:

1. Tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chỉ thị 72 và Đại hội Đảng bộ các cấp.

2. Chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời rút kinh nghiệm các cơ sở chỉ đạo điểm gồm các xã Cam Giá, Đồng Quang, Lương Sơn, các hợp tác xã thủ công nghiệp Bắc Nam, Hồng Hà, các Xí nghiệp 19-5, Cơ khí 3-2 và các tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Tân Long, Trưng Vương.

3. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các Ban Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra. Các Ban trên cần có hướng dẫn ngắn, gọn, chỉ ra công việc cụ thể của từng giai đoạn, yêu cầu mức độ và thời gian hoàn thành.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Thường trực Thành ủy, công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến vượt bậc. Trong năm 1979, toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng, kết nạp được 409 đảng viên mới; trong đó có: 81,2% trình độ văn hóa từ cấp III trở lên, 67,55% tuổi đời từ 18 đến 30 tuổi. Nhiều đảng viên mới kết nạp đã được các tổ chức cơ sở Đảng tin tưởng, giao trách nhiệm nặng nề hơn, được đề bạt giữ các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan, đoàn



thể¹. Sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phát triển Đảng năm 1979 đã tạo cho Đảng bộ Thành phố có thêm sức mạnh và năng lực lãnh đạo mới.

*
* *

Nhìn lại chặng đường 5 năm (1975 - 1979), Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên đã đoàn kết một lòng, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân Thành phố hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh; kịp thời chi viện sức người, sức của cho các tỉnh biên giới chiến đấu đánh bại quân xâm lược.

Tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm, nhưng những thành tựu đạt được trong 5 năm (1975 - 1979) là tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Thành phố vững vàng bước sang thập kỷ 80 với khí thế và quyết tâm xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành một thành phố công nghiệp giàu, đẹp.

1. Trong số đảng viên mới được kết nạp năm 1979 được giao nhiệm vụ nặng nề hơn, cao hơn trước khi kết nạp ở các Đảng bộ Gang thép 95%. Công ty Xây lắp luyện kim trên 50%. Nhà máy Điện: 54%, Cơ khí 3-2: 80%.

CHƯƠNG II

KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1980 - 1985)

Sau gần 5 năm đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội (1976 - 1979), bên cạnh những thành tựu đạt được, đất nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn ngày càng lớn: "Kết quả thực hiện kế hoạch kinh tế trong 5 năm... chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội, một phần tiêu dùng xã hội phải dựa vào vay và viện trợ, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu..."¹.

Thành phố Thái Nguyên cũng nằm trong tình hình chung của đất nước: thị trường và vật giá không

1. Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật, Hà Nội 1982, Tập I, trang 35.



ổn định; số người lao động chưa có việc làm còn đông, đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn... Trong hoàn cảnh ấy, được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban Thường vụ thành ủy Thái Nguyên quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII. Đại hội diễn ra trong 4 ngày (từ ngày 4 đến ngày 7-2-1980), với sự tham gia của 260 đại biểu thay mặt cho 15.000 đảng viên sinh hoạt ở 180 chi, đảng bộ cơ sở. Với tinh thần nghiêm túc, khách quan, Đại hội phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 2 năm 1978 - 1979; quyết định phương hướng, nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội trong 2 năm 1980 - 1981.

Đồng chí Vũ Ngọc Linh, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Bắc Thái đến dự và phát biểu ý kiến khẳng định: Hai năm 1978 - 1979, Đảng bộ Thành phố đã biết vận dụng những quan điểm đúng đắn của Trung ương, định ra được những hình thức, phương pháp liên kết kinh tế, bước đầu đạt kết quả tốt. Về phương hướng phát triển kinh tế 2 năm 1980 - 1981 và các năm tiếp theo, đồng chí nhấn mạnh: cần làm cho mọi hoạt động kinh tế, văn hóa trên địa bàn Thành phố thành một cơ cấu hài hòa; phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, làm cho mọi người thấy rõ trách nhiệm xây dựng kinh tế địa phương.



Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa VIII gồm 35 ủy viên (31 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết); bầu Đoàn đại biểu 130 đồng chí đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

Sau Đại hội, ngày 8-2-1980, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa VIII họp phiên thứ nhất bầu Bí thư, các Phó Bí thư, 7 ủy viên Ban Thường vụ và phân công nhiệm vụ cho các ủy viên trong Ban chấp hành. Đồng chí Nguyễn Duy An được bầu làm Bí thư Thành ủy.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, Thành phố gặp muôn vàn khó khăn, phức tạp.

Nằm trong hoàn cảnh chung của đất nước, thành phố Thái Nguyên vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chưa được bao lâu, nền kinh tế đang trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng, lại phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế bằng việc từng bước xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp chưa phát huy được tác dụng, lại nảy sinh nhiều vấn đề đòi hỏi phải giải quyết. Mặt khác, Thành phố chưa có quy hoạch ổn định, việc phân cấp quản lý giữa Tỉnh với Thành phố và Thành phố với các cơ sở cũng chưa



được xác định rõ ràng. Các hiện tượng tiêu cực xã hội nảy sinh và phát triển, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống của cán bộ và nhân dân.

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Thành ủy tập trung lãnh đạo quân và dân Thành phố quyết tâm khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội đã được Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII đề ra.

Đứng trước những khó khăn về vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế và nguyên liệu, một số xí nghiệp công nghiệp Trung ương và của tỉnh nằm trên địa bàn đã kịp thời chuyển hướng hoạt động sản xuất và kinh doanh. Các chi, đảng bộ cơ sở tăng cường giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và công nhân viên nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, giữ vững sản xuất; đồng thời vận dụng sáng tạo các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, từng bước xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp, phấn đấu làm ăn có lãi.

Xí nghiệp liên hiệp gang thép, trong điều kiện khó khăn gay gắt, vẫn thực hiện được nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch, đồng thời sản xuất thêm một số mặt hàng tiêu dùng. Công ty Xây lắp I sau khi chuyển hướng hoạt động, ngoài nhiệm vụ xây lắp như trước còn tổ chức một số xí nghiệp sản xuất, tạo



công ăn việc làm, ổn định đời sống, giữ vững đội ngũ công nhân.

Các Nhà máy Điện, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp cơ khí 3-2, Mỏ than Khánh Hòa... tích cực tháo gỡ khó khăn, vừa đảm bảo kế hoạch sản xuất chính, vừa làm thêm kế hoạch sản xuất phụ (B, C), góp phần cải thiện đời sống công nhân. Mỏ than Quang Vinh, tuy mới đi vào hoạt động, nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất và bước đầu có lãi.

Là một trong những thành phần kinh tế chủ yếu của Thành phố, ngành tiểu, thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn lớn về cung ứng vật tư, nguyên liệu. Trong 3 năm 1980 - 1982, giá trị hàng hóa vật tư cấp cho tiểu, thủ công nghiệp chỉ đạt từ 30% đến 40% kế hoạch. Đặc biệt, từ giữa năm 1981, khi thực hiện quy định mới về chế độ cung cấp lương thực trong ngành tiểu, thủ công nghiệp, thì vấn đề cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất tiểu, thủ công nghiệp càng khó khăn hơn.

Trong điều kiện ấy, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp chủ động tìm nguồn khai thác nguyên liệu, sắp xếp lại lực lượng sản xuất cho phù hợp, thu xếp công ăn việc làm cho xã viên. Nhờ đó, hầu hết cơ sở vẫn giữ được nhịp độ sản xuất. Các cơ sở sản xuất mạnh cọ, thêu ren, dệt thảm xuất khẩu... từng bước đi vào thế ổn



định và phát triển, mỗi năm xuất ra thị trường khoảng 100 tấn sản phẩm. Cơ sở sản xuất giấy từ chỗ chỉ sản xuất giấy làm bao bì, đã chủ động đầu tư thêm trang thiết bị mới để sản xuất giấy viết. Các cơ sở sản xuất hàng sắt tráng men của Thành phố ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm và có khả năng sản xuất trên 1 triệu sản phẩm mỗi năm. Một số cơ sở sản xuất mặt hàng mới như mũ cứng, lốp xe đạp... cũng ra đời. Giá trị tổng sản phẩm thủ công nghiệp trong 3 năm (1980 - 1982) là 32.829.403 đồng, đạt 98,65% chỉ tiêu kế hoạch. Với kết quả trên, ngành tiểu, thủ công nghiệp Thành phố đã tự bảo đảm được đời sống cho cán bộ và xã viên, khắc phục được tình trạng Nhà nước phải bù lỗ thông qua chế độ cung cấp lương thực mỗi năm trên 6 triệu đồng như thời gian trước đây.

Sản xuất nông nghiệp Thành phố trong những năm 1980 - 1982, ngoài khó khăn về vật tư đặc biệt là phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ, sức kéo, còn gặp thêm khó khăn về thời tiết thất thường. Các cấp bộ Đảng và chính quyền tăng cường đi sâu xuống cơ sở, lãnh đạo các hợp tác xã tận dụng mọi khả năng, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện, để vừa có khả năng tự cân đối lương thực trong khu vực nông nghiệp, vừa bảo đảm nhu cầu về thực phẩm cho khu công nghiệp và nhân dân Thành phố.



Sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đến nhóm và người lao động, thường gọi là Khoán 100 (1981).

Đảng bộ Thành phố đã kịp thời tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập và triển khai thực hiện trong tất cả các hợp tác xã trên địa bàn. Chỉ thị 100 thực sự đem lại luồng sinh khí mới trong lao động sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp. Từ phương thức làm ăn theo sự điều hành hằng ngày, hằng giờ của cán bộ trong các đội sản xuất, người xã viên từng bước thực hiện được quyền tự chủ trên đồng ruộng, chủ động đầu tư chăm sóc cây trồng, vật nuôi sao cho đạt hiệu quả cao nhất, Chỉ thị 100 đã khai thác được mọi khả năng về vật tư, tiền vốn, sức lao động và sử dụng tốt các loại tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp của Thành phố vào thời gian này phát triển khá toàn diện¹, nhất là về lương thực. Sản xuất lúa tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng². Năm 1983, sản lượng lúa tăng so với năm 1980 là 1.847 tấn (45%).

1. Báo cáo về khoán sản phẩm trong nông nghiệp... của thành ủy Thái Nguyên, 10-9-1984.

2. Diện tích, năng suất và sản lượng lúa qua các năm như sau: 1980: diện tích: 2.282 ha, năng suất: 36,32 tạ/ha, sản lượng: 4.412 tấn; 1981: diện tích: 2.230 ha, năng suất: 38,9 tạ/ha; sản lượng: 4.533 tấn; 1982: diện tích: 2.547 ha, năng suất: 45,55 tạ/ha, sản lượng: 6.197 tấn...



Diện tích trồng màu trong những năm 1980 - 1982 cũng phát triển tương đối khá. Năm 1980, toàn Thành phố có 453 ha màu, năm 1982 đã tăng lên đến 784 ha và gấp 2 lần so với những năm 1978, 1979. Riêng diện tích trồng khoai lang từ 235 ha trong năm 1980, lên 507, năm 1982. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực tăng từ 4.878 tấn năm 1980 lên 6.591 tấn năm 1982. Việc thực hiện Chỉ thị 100 đã làm tăng thêm giá trị ngày công lao động của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1980, giá trị ngày công của một xã viên hợp tác xã nông nghiệp Thành phố đạt bình quân 0,5kg thóc, đến năm 1983, mặc dù bị thiệt hại nặng nề do trận lụt lớn (tháng 8-1978) gây ra, nhưng giá trị ngày công bình quân vẫn đạt 1,1 kg thóc. Một số hợp tác xã có giá trị ngày công lao động khá cao, điển hình là hợp tác xã Ninh Sơn (Lương Sơn) đạt 1,9kg và hợp tác xã Phú Xá đạt 1,7kg (1983). Mức thu nhập bình quân về lương thực theo đầu người của Thành phố tăng từ 8,5kg thóc một tháng (1980) lên 18,86kg thóc một tháng (1983); đời sống xã viên được cải thiện một bước.

Ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn ba năm (1980 - 1982) phát triển khá nhanh và trở thành phong trào rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân: tổng đàn lợn của Thành phố năm 1980 có 13.700 con, năm 1982, đã lên tới 19.500 con. Nguyên nhân dẫn



đến sự tăng trưởng của đàn lợn trước hết là do sản xuất lương thực phát triển và việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, nhất là khâu giống và phòng bệnh dịch cho gia súc ngày một rộng rãi. Bên cạnh đó, giá thu mua lợn thịt được Nhà nước điều chỉnh theo hướng có lợi cho người sản xuất cũng là một động lực khuyến khích việc chăn nuôi lợn phát triển trong các hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học và hộ gia đình.

Đàn trâu, bò trong các hộ gia đình xã viên phát triển mạnh. Đàn trâu trong các hợp tác xã giảm sút vì không được đầu tư chăm sóc tốt, lại phải làm việc quá sức, nên thường bị chết vào mùa rét.

Hoạt động của các ngành Giao thông, Xây dựng, Quản lý nhà đất cũng có bước chuyển biến tích cực. Được giao quản lý bến xe khách Thái Nguyên, các loại phương tiện vận tải thô sơ và đường giao thông nông thôn, phòng Giao thông Thành phố đã đầu tư cải tạo mặt bằng, bến bãi, xây dựng nhà bán vé, nhà chờ của khách khang trang, sạch đẹp hơn. Tuy vậy, công tác quản lý, khai thác còn nhiều yếu, kém. Các hiện tượng tiêu cực; cửa quyền, gây phiền hà cho khách còn xảy ra thường xuyên. Lực lượng vận tải thô sơ có chiều hướng giảm sút do giá cả rẻ và nguồn vận tải ít. Tiềm năng vận tải đường thủy chưa được khai thác. Hệ thống đường giao thông nông thôn hư



hồng nhiều, nhưng chưa được sửa chữa kịp thời. Các công trình công cộng: công viên, vỉa hè đường phố chậm được xây dựng. Tình trạng lấn chiếm vỉa hè làm nơi bán hàng và phá hoại cây xanh trên các trục đường nội thị xảy ra phổ biến, chưa có biện pháp ngăn chặn.

Do đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nguồn kinh phí hạn hẹp, cho nên trong 3 năm (1980 - 1982), Nhà nước không đầu tư xây dựng các công trình kinh tế giao thông, văn hóa, xã hội mới, mà chủ yếu dành cho các công trình đang xây dựng dở, nên tốc độ xây dựng đô thị của Thành phố rất chậm. Trong thời gian này, ngoài bến xe khách, Thành phố mới hoàn thành xây dựng Xí nghiệp gạch ngói, Công ty phục vụ công cộng và một số nhà làm việc của các cơ quan, đơn vị (đều thuộc loại công trình cấp 4). Các xã, phường xây dựng được một số công trình nhỏ và trên 40 phòng học bằng nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân đóng góp.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà đất tuy cố gắng, nhưng gặp nhiều khó khăn, trở ngại, lớn nhất là Thành phố chưa có quy hoạch thống nhất và ổn định. Do đó, trong 2 năm 1980 - 1981, Thành phố chỉ cấp đất được cho 91 hộ làm nhà. Một số xã cấp đất làm nhà sai nguyên tắc, vượt quá thẩm quyền.



Một số hộ gia đình, trong đó có cả hộ gia đình cán bộ và đảng viên làm nhà trái phép, gây khó khăn không nhỏ cho công tác quản lý của ngành Quản lý nhà đất Thành phố.

Trong những năm 1980 - 1982, các ngành Tài chính, Ngân hàng Thành phố tích cực giải quyết tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa thu và chi. Thu ngân sách 2 năm 1980 - 1981 tăng bình quân 13,8%; đến năm 1982, thu ngân sách giảm, chỉ đạt 92,5% kế hoạch. Chi ngân sách trong 2 năm 1981 - 1982 cũng tăng bình quân 15,8%. Được giao khoán tự cân đối ngân sách, ngành Tài chính, Ngân hàng Thành phố đã có biện pháp đảm bảo thăng bằng thu - chi. Tuy nhiên, trên thực tế, trong 3 năm, nguồn thu không đủ chi. Thu ngân sách của Thành phố chủ yếu dựa vào hai nguồn: thuế và lệ phí, chiếm trên 50%. Tuy có nhiều biện pháp tích cực để tận thu, nhưng trong thời gian này, Thành phố vẫn bị thất thu thuế sát sinh và thuế kinh doanh. Năm 1981, Thành phố có 2.178 hộ đăng ký kinh doanh, nhưng chỉ có 1.235 hộ đóng thuế.

Tuy là một thị trường lớn nhất tỉnh, nhưng đời sống của gần 10 vạn dân trong Thành phố và hàng ngàn lượt khách từ các nơi qua lại phần lớn phụ thuộc vào sự cung cấp của Nhà nước, nên, vấn đề lưu



thông, phân phối trở thành một yêu cầu cấp bách, một trách nhiệm rất nặng nề đối với các cấp bộ Đảng và chính quyền Thành phố.

Nhận rõ điều ấy, Đảng bộ Thành phố lãnh đạo các công ty trực tiếp làm công tác lưu thông, phân phối đẩy mạnh giáo dục, động viên cán bộ, công nhân viên trong đơn vị nêu cao ý thức trách nhiệm, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành, đáp ứng cao nhất nhu cầu về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho cán bộ và nhân dân.

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lưu thông, phân phối, Thành phố thành lập Hợp tác xã mua bán Thành phố làm nhiệm vụ vừa kinh doanh, vừa hướng dẫn các hợp tác xã cấp phường, xã hoạt động. Hầu hết các hợp tác xã tự huy động vốn của xã viên để mở rộng hoạt động kinh doanh. Một số hợp tác xã chủ động ký kết hợp đồng với các cơ sở, với xã viên, vừa ổn định được nguồn cung, cầu, vừa giải quyết việc làm cho người lao động.

Vấn đề sắp xếp việc làm cho người lao động luôn luôn được Thành ủy quan tâm, coi đó là một trong những trọng tâm công tác hàng đầu của Đảng bộ. Trong 3 năm 1980 - 1982, Thành phố đã bố trí được việc làm cho trên 4.700 lao động. Bình quân mỗi năm Thành phố sắp xếp cho 1.580 người vào làm việc



trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học, các hợp tác xã thủ công nghiệp, dịch vụ... Mặc dù vậy, số lao động dư thừa hàng năm vẫn rất lớn, bình quân mỗi năm Thành phố có từ 2.500 đến 3.000 lao động chưa có việc làm. Đây chính là một tồn tại lớn, ngày càng trở nên bức xúc, cần được Đảng bộ tập trung lãnh đạo giải quyết mạnh hơn trong những năm sau.

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, 3 năm (1980 - 1982), Thành phố cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngành Văn hóa - Thông tin Thành phố chủ động xây dựng kế hoạch, có nhiều hình thức tổ chức tuyên truyền kịp thời đầy đủ mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới tất cả mọi người dân, góp phần động viên mọi tầng lớp nhân dân ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển khá mạnh, ngày càng mang tính chất quần chúng rộng rãi. Hầu hết các cơ quan, đơn vị bộ đội, xí nghiệp, trường học đều thành lập Đội ca khúc chính trị, vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, vừa góp phần tạo nên cuộc sống tinh thần vui tươi, lành mạnh. Thành phố đầu tư vốn tu sửa Rạp hát ngoài trời, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của hai đội chiếu bóng lưu động. Nhà Văn hóa thiếu

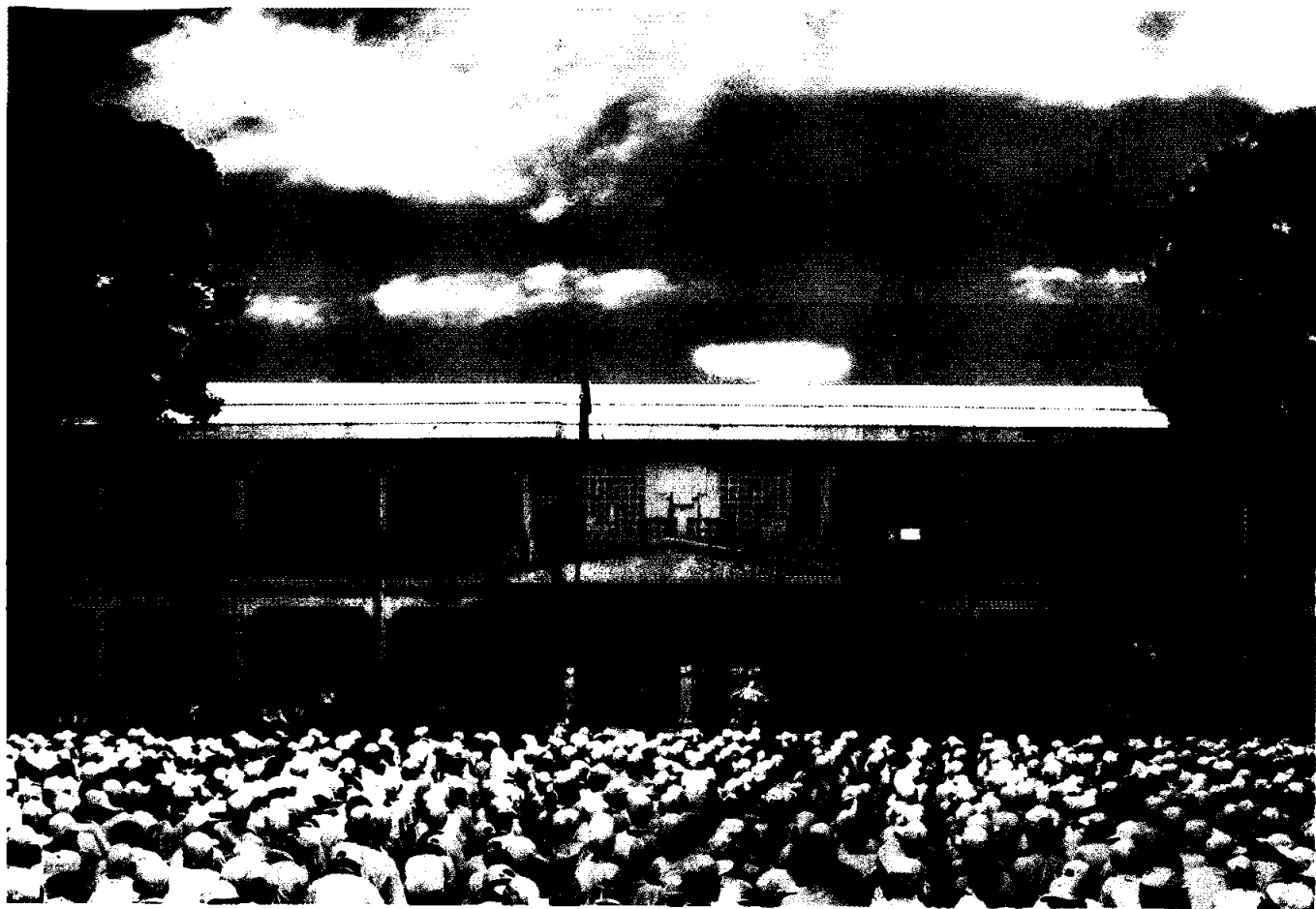


nhi Thành phố được xây dựng và đưa vào hoạt động bước đầu có kết quả.

Quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhân tài cho đất nước, các cấp bộ Đảng và chính quyền Thành phố rất chăm lo việc xây dựng cơ sở vật chất trong nhà trường. Nhiều Đảng bộ phường và các cơ quan, xí nghiệp trích quỹ phúc lợi; vận động nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức đóng góp công, của xây dựng trường, lớp cho con em học tập. Trong số đó, tiêu biểu là các phường Trưng Vương, Trưng Thành, Xí nghiệp liên hiệp gang thép Thái Nguyên và Nhà máy Nước. Trong 3 năm 1980 - 1982, Thành phố xây dựng được 40 phòng học mới, tu sửa hàng trăm phòng học cũ, mua sắm trên 4.000 bộ bàn ghế trang bị cho các trường học.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, Thành phố đã thu hút hầu hết con em cán bộ và nhân dân đến trường. Cả ba ngành học: Mẫu giáo, Phổ thông và Bổ túc văn hóa đều phát triển cân đối và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học 1982 - 1983, toàn Thành phố có trên 38.000 học sinh, trong đó số học sinh mẫu giáo: 2.440, phổ thông: 35.500 và bổ túc văn hóa 845.

Các lớp mẫu giáo ở các cơ quan, xí nghiệp, và các xã Túc Duyên, phường Trưng Vương có nhiều thành



Trường trung học cơ sở Nha Trang,
một trong những trường điểm của thành phố Thái Nguyên.



tích trong việc nuôi dạy các cháu tốt, tạo điều kiện cho các bà mẹ yên tâm công tác và sản xuất. Các trường Bổ túc văn hóa vừa học, vừa làm ở Xí nghiệp đá Núi Voi, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Mỏ than Khánh Hòa được mở rộng thu hút đông đảo thanh, thiếu niên vào học. Tại các trường này, học sinh vừa được học văn hóa, vừa được hướng dẫn kỹ thuật và lao động.

Cùng với việc quan tâm xây dựng cơ sở vật chất trường học, Đảng bộ Thành phố đặc biệt coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Phong trào cải tiến phương pháp giảng dạy thường xuyên được phát động và được đông đảo các thầy, cô giáo hưởng ứng. Cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo" cũng được phát động, có tác dụng rất lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Nhiều điển hình tập thể tiên tiến xuất hiện, nổi bật là các Trường phổ thông cơ sở Độc Lập, Nha Trang, Đội Cấn, Phú Xá, Hương Sơn, Trưng Vương, Nguyễn Huệ.

Bên cạnh những thành tích đạt được, ngành Giáo dục Thành phố còn một số mặt yếu, kém. Ngành Bổ túc văn hóa và Mẫu giáo giảm sút. Việc xây dựng cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất



lượng giáo dục. Đời sống của giáo viên gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, ảnh hưởng xấu đến chất lượng dạy và học của các trường.

Ngành Y tế có nhiều cố gắng trong công tác chăm lo sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, được sự chỉ đạo trực tiếp của các cơ sở y tế, phong trào xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) trong mỗi gia đình tiếp tục được duy trì và mở rộng. Việc tiêm chủng phòng bệnh được tiến hành thường xuyên. Nhờ đó, trong 3 năm (1980 - 1982), trên địa bàn Thành phố không có bệnh dịch xảy ra.

Phong trào trồng và sử dụng thuốc nam được nhiều trạm Y tế phường, xã hưởng ứng, vừa khắc phục được một phần tình trạng thiếu thuốc Tây, vừa góp phần chữa bệnh cho nhân dân đạt kết quả tốt.

Tuy có nhiều cố gắng và thành tích, nhưng ngành Y tế Thành phố còn có tình trạng quản lý và phân phối thuốc không tốt, dễ xảy ra hiện tượng tiêu cực khá nghiêm trọng. Tinh thần, thái độ phục vụ của một số y, bác sĩ chưa cao, còn gây phiền hà cho người bệnh. Công tác vệ sinh ở những nơi công cộng chưa bảo đảm.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đề ra, công



tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức có ý nghĩa quyết định.

Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và tình hình thực tế của Thành phố, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ luôn bám sát vào nhiệm vụ chính trị. Thành ủy xác định quan điểm đúng đắn là lấy việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm cơ sở đánh giá công tác xây dựng Đảng; đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh để thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị.

Mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đều được triển khai kịp thời, không chỉ quán triệt trong Đảng, mà cả trong quần chúng. Vì vậy, hầu hết các chủ trương, chính sách lớn, nhất là chính sách kinh tế được nhận thức đầy đủ và thực hiện có hiệu quả cao.

Công tác giáo dục lý luận chính trị cũng được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Trong 3 năm 1980 - 1982, Đảng bộ tổ chức cho trên 4.000 đảng viên học xong chương trình lý luận chính trị sơ cấp. Trường Đảng Thành phố mở 14 lớp bồi dưỡng lý luận cho 1.672 học viên. Ngoài ra, nhiều cán bộ được cử đi học tại các trường Đảng của Trung ương và của tỉnh.



Nhiệm vụ củng cố và xây dựng các tổ chức Đảng được tiến hành thường xuyên. Vào đầu nhiệm kỳ VIII, Đảng bộ Thành phố còn tới 16,5% chi, đảng bộ yếu kém, trong đó có 5,2% cơ sở yếu kém kéo dài. Đảng viên không đủ tư cách qua phân loại theo Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương vẫn còn 20%. Một số cơ sở Đảng còn có tình trạng mất đoàn kết nội bộ, phong trào chung chưa mạnh, các tổ chức quần chúng chưa được củng cố.

Trước tình hình trên, thực hiện Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương về phát Thẻ Đảng viên và Nghị quyết 25 của Tỉnh ủy "Về việc tăng cường củng cố cơ sở Đảng, làm tốt công tác phát Thẻ Đảng viên", Thành ủy xây dựng quyết tâm và triển khai kế hoạch thực hiện.

Hai năm thực hiện phát Thẻ Đảng viên (1981 - 1982) cũng là hai năm tình hình đất nước gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt. Vật tư, nguyên liệu cho sản xuất thiếu và mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh đình đốn. Tình hình kinh tế, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Các mặt hàng thiết yếu (lương thực, thực phẩm...) cung cấp cho cán bộ và công nhân, viên chức thất thường; giá cả hàng hóa tăng vọt. Lòng tin của quần chúng với Đảng giảm sút.



Song, hai năm đó cũng là hai năm thử thách sự vững vàng, tính kiên định và lòng trung thành của mỗi đảng viên đối với Đảng, đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh khó khăn, phức tạp, việc củng cố cơ sở Đảng và phát Thẻ Đảng viên sẽ có tác dụng quan trọng, giúp cho mỗi đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng nhận thức rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của mình. Qua học tập, vai trò xung phong gương mẫu của đảng viên trên mặt trận sản xuất, công tác và học tập được nâng lên. Đó là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố.

Qua hai năm thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên ở 196 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ, 13.229 đảng viên trong tổng số 14.161 đảng viên được công nhận đủ tư cách nhận Thẻ Đảng (đạt 93,42%). Cũng trong cuộc vận động này, 729 đảng viên (5,14%) do thoái hóa biến chất, vi phạm khuyết điểm, hoặc trình độ giác ngộ chính trị thấp, không hoàn thành nhiệm vụ, không phát huy tác dụng trước quần chúng, đã phải ra khỏi Đảng; (trong đó có 144 trường hợp bị khai trừ, 449 trường hợp được tổ chức Đảng vận động và bản thân đảng viên tự nguyện viết đơn xin ra khỏi Đảng, 136 trường hợp bị xóa tên trong danh sách đảng viên.



Có thể nói, phát Thẻ Đảng viên là một dịp giáo dục sâu sắc về phẩm chất, tư cách người đảng viên. Thông qua đó, cuộc đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng bộ Thành phố được tiến hành một cách nghiêm túc và thẳng thắn. Đó cũng là một dịp phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách sâu rộng. Chính nhờ đó, tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu vươn lên, ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên... trong Đảng bộ được nâng lên rõ rệt. Sức chiến đấu của các tổ chức Đảng được tăng cường. Vai trò lãnh đạo của các chi, đảng bộ các cơ quan, xí nghiệp, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh... được nâng cao. Cuối năm 1982, Đảng bộ Thành phố có 32 cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh (19,3%); 115 cơ sở Đảng đạt loại khá (69,8%); 16 cơ sở Đảng yếu từng mặt và 2 cơ sở Đảng yếu kém (1,2%).

Cùng với việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, công tác phát triển Đảng cũng được chú trọng. Trong 3 năm 1980 - 1982, Đảng bộ đã giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp được 1.174 đảng viên mới (có 873 đồng chí trình độ văn hóa từ cấp 3 trở lên).

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phong trào thi đua trong đội ngũ công nhân, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, trường học được đẩy mạnh, mọi người... đều nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, xác định rõ vai trò, trách nhiệm, vượt qua mọi khó khăn,



hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong lao động sản xuất, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức Thành phố đã có 1.188 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; 36 đề tài khoa học được ứng dụng vào sản xuất, làm lợi cho Nhà nước được trên 2.400 đồng (theo thời giá năm 1981 - 1982).

Hưởng ứng phong trào tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, trong 3 năm 1980 - 1982, đội ngũ công nhân, viên chức trực tiếp sản xuất 133,5 tấn lương thực, 274 tấn thịt lợn, nuôi trên 100 con trâu, bò, hàng chục tấn cá và thu hoạch hàng ngàn tấn rau xanh. Nhờ đó, đời sống công nhân, viên chức được cải thiện. Từ phong trào thi đua lao động sản xuất, 989 đơn vị được công nhận Tổ, Đội lao động xã hội chủ nghĩa; trên 1.000 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

Trong 3 năm 1980 - 1982, Thành Đoàn Thanh niên đã làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đa số đoàn viên, thanh niên hăng hái tham gia phong trào "Thi đua 3 xung kích làm chủ tập thể": Xung kích trên mặt trận sản xuất, Xung kích học tập, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Xung kích thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Từ phong trào, Đoàn đã giới thiệu 2.400 đoàn viên ưu tú theo học các lớp cảm tình Đảng, 891



đoàn viên ưu tú xuất sắc được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng được các cấp bộ Đảng và Đoàn quan tâm. Trong 3 năm, 237 cán bộ Đoàn phụ trách công tác Đội được học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức. Nhà Văn hóa thiếu nhi Thành phố thường xuyên thu hút các cháu theo học, tham gia thi đấu và đoạt giải của tỉnh và toàn quốc.

Hưởng ứng phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" do Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động, Hội liên hiệp phụ nữ Thành phố tổ chức và động viên chị em phát huy vai trò to lớn trong mọi hoạt động. Trong các cơ quan Nhà nước, nhất là trong các ngành Y tế, Giáo dục, Thương nghiệp..., phụ nữ chiếm một tỉ lệ khá lớn. Ngoài nhiệm vụ sản xuất, công tác, chị em còn gánh vác những trọng trách đối với gia đình và xã hội. Được sự giáo dục, động viên của Thành hội, chị em tích cực hưởng ứng các phong trào "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới", "Kế hoạch hóa gia đình", "Nuôi con khỏe, dạy con ngoan"... góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội của Thành phố.



Như vậy, trải qua 3 năm phấn đấu, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn gay gắt, nhìn chung các mục tiêu kinh tế, văn hóa, giáo dục... do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII đề ra đều thu được những kết quả quan trọng. Những thành tựu đạt được trong 3 năm đầu thập kỷ 80 đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên tiếp tục vững bước đi lên.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, từ ngày 4 đến ngày 7-1-1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ IX được tiến hành với sự tham dự của 288 đại biểu thay mặt cho 12.876 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Sau 4 ngày làm việc, Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Thành ủy khóa VIII, bầu Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX, gồm 35 ủy viên (có 2 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Nguyễn Duy An được Thành ủy khóa IX bầu làm Bí thư và các đồng chí Nguyễn Quang Đạo, Vũ Đức Thịnh được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế trong những năm trước mắt, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố khóa IX ra Nghị quyết chỉ rõ: "Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, nông nghiệp theo yêu cầu, nhiệm vụ, kế hoạch Nhà nước giao cho. Đồng thời hướng dẫn kinh tế gia đình phát triển đúng hướng;



cải tiến công tác phân phối lưu thông, tổ chức sắp xếp thị trường trên địa bàn Thành phố. Phấn đấu trong hai năm tới, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân"¹.

Đối với sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, Đại hội chủ trương "củng cố quan hệ sản xuất, sắp xếp lại cơ sở sản xuất. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là hàng tiêu dùng sản xuất từ nguyên liệu địa phương, như vật liệu xây dựng, đồ gia dụng, chế biến lương thực, thực phẩm phục vụ cho bữa ăn hàng ngày của nhân dân"².

Khi bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, Thành phố đứng trước nhiều khó khăn gay gắt: Nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị... thiếu thốn; các cơ sở sản xuất chỉ được cấp không quá 40% nhu cầu về nguyên liệu. Nhiều cơ sở sản xuất chỉ sử dụng được từ 1/3 đến 2/3 công suất máy móc và lực lượng lao động. Các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cung cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức lực lượng vũ trang và nhân dân thường xuyên thiếu và không kịp thời. Đời sống nhân dân nói chung hết sức khó khăn.

1, 2. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX - Cập hồ sơ 139, lưu trữ Văn phòng Thành ủy.



Trước tình hình trên, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX (1-1983), lãnh đạo ngành Công nghiệp và thủ công nghiệp Thành phố đã phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động liên kết với các huyện, các đơn vị trong và ngoài tỉnh, nhờ đó, sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của Thành phố vẫn phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1984 đạt 60,7 triệu đồng (đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch). Ngoài ra, Thành phố còn sản xuất hơn 10 triệu viên gạch, 8.000 tấn vôi, đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của nhân dân.

Từ những kết quả đã đạt được năm 1984, thực hiện chủ trương đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và nâng cao chất lượng sản phẩm, năm 1985, ngành Công nghiệp và thủ công nghiệp Thành phố có những bước tiến mới. Theo hướng liên kết, trao đổi kỹ thuật, Nhà máy Cơ khí 3-2 sản xuất thành công xe lam BTZ, tận dụng thép phế kéo thành thép nhỏ phục vụ sản xuất, xây dựng... Các xí nghiệp công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố ngày càng liên kết, gắn bó, tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp địa phương phát triển. Tỷ suất hàng hóa của các xí nghiệp Trung ương dành cho địa phương ngày càng tăng.



Tháng 6-1985, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 bàn về giá - lương - tiền đã đưa ra quyết định phải dứt khoát xóa bỏ tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân, chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sau Hội nghị, Nhà nước ta tiến hành đợt điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai. Nội dung chủ yếu của đợt điều chỉnh bao gồm: thực hiện kinh doanh một giá, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, đối tượng chính sách để bảo hiểm khi giá lương thực có đợt biến.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, ngành Tiểu, thủ công nghiệp Thành phố thực hiện cơ chế sản xuất hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Được một thời gian, tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn do giá vật tư tăng nhanh, sản phẩm tiêu thụ chậm. Mặc dù vậy, đại bộ phận các hợp tác xã thủ công nghiệp vẫn tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo trong sản xuất, mở rộng hoạt động liên kết và liên doanh theo chiều sâu với các cơ sở sản xuất của Trung ương, nhà máy quốc phòng, tích cực tìm kiếm nguyên, vật liệu, thay đổi mặt hàng sản xuất, cho ra nhiều sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhịp độ sản xuất



trong các hợp tác xã Cộng Lực, thủy tinh Dân Chủ, cơ khí Hồng Hà, cát Thái Hà, gỗ 1-5... vẫn giữ được vững và phát triển. Các sản phẩm giấy da, thủy tinh cao cấp, cốt ép có chất lượng tốt được thị trường tín nhiệm.

Thành phố cũng chú trọng khuyến khích phát triển tiểu, thủ công nghiệp ở địa bàn phường và hộ gia đình, vừa nhằm mở rộng sản xuất, vừa giải quyết việc làm cho người lao động. Từ kinh nghiệm phát triển tiểu, thủ công nghiệp ở phường Tân Long, hầu hết các phường trong Thành phố đều tập trung làm kinh tế, mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy các phường chỉ đạo phát triển thủ công nghiệp với nhiều hình thức phong phú và quy mô khác nhau. Các sản phẩm làm ra: Gạch men, sứ tráng men, lốp xe đạp, xà phòng ngày càng đa dạng và phong phú. Đến năm 1985, Thành phố đã có 10 trên tổng số 13 phường có cơ sở sản xuất quốc doanh và trên 200 tổ hợp lao động, gần 1.000 gia đình sản xuất tại nhà, giao nộp sản phẩm cho phường.

Thực tiễn sản xuất những năm 1984 - 1985 khẳng định: Với tiềm năng lao động sẵn có cùng với nguồn vật tư tận dụng từ phế liệu, phế phẩm của các nhà máy, xí nghiệp tại chỗ, nếu biết tổ chức khai thác tốt, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở phường hoàn toàn có khả năng đem lại những hiệu quả kinh tế cao.



Việc tổ chức khai thác, thu nhặt than, sản xuất bìa các tông, bảng học sinh bằng bột giấy phế phẩm ở phường Quan Triều là một bài học quý về tính chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế.

Cũng bằng hình thức liên kết kinh tế, sau khi được tỉnh phân cấp quản lý, Thành phố đã mạnh dạn đầu tư xây dựng Xí nghiệp dệt 27-7 và Xí nghiệp nhựa và giả da 26-3.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về trang, thiết bị, kỹ thuật, thợ dệt..., nhưng với tinh thần cố gắng, chỉ sau 5 tháng đi vào hoạt động (từ tháng 7 đến tháng 12-1985), Xí nghiệp dệt đã sản xuất được hơn 200.000 mét vải xô, đạt giá trị sản lượng 190.000 đồng. Xí nghiệp nhựa và giả da, sau 3 tháng sản xuất thử thành công, đạt chất lượng tốt đã đi vào sản xuất đại trà.

Giá trị tổng sản lượng toàn ngành Công nghiệp, thủ công nghiệp trong 3 năm (1983 - 1985) tăng nhanh, trong đó sắt tráng men tăng 157%; thủy tinh tăng 107,3%. Các mặt hàng kim khí đúc, tôn sắt, đinh... đều tăng cao, vật liệu xây dựng (gạch, vôi, cát sỏi) tăng vượt mức chỉ tiêu. Đáng chú ý là sản xuất thủ công nghiệp ở phường, xã được đẩy mạnh, đưa tỷ trọng hàng hóa tăng từ 35% lên 50% giá trị công nghiệp Thành phố.



Đến năm 1985, sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp được tổ chức tương đối đồng bộ, liên hoàn giữa các thành phần kinh tế: cá nhân, tập thể và quốc doanh, nếu được giải quyết tốt vật tư và nguyên liệu có khả năng liên kết sản xuất nhiều loại hàng hóa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện đường lối phát triển kinh tế của Đảng, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, các xã, phường tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán theo Chỉ thị 100 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tính đến năm 1985, toàn Thành phố có 7.957 lao động nông nghiệp được tổ chức trong 16 hợp tác xã, với 2.262 ha đất canh tác. Để không ngừng nâng cao năng suất và sản lượng lương thực, chủ yếu là lúa, Thành ủy chú trọng chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp tăng cường phổ biến để nhân dân có điều kiện tiếp thu, đưa những tiến bộ mới của khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, trọng tâm là 4 khâu: thủy lợi, giống, phân bón và thuốc trừ sâu. Được đầu tư khoa học kỹ thuật, lại có sự thông thoáng trong cơ chế quản lý, được tự chủ trên đồng ruộng, bà con xã viên trong các hợp tác xã phấn khởi thi đua sản xuất, đẩy mạnh đầu tư chăm sóc lúa và hoa màu, thâm canh tăng vụ, xen canh, gối vụ... nên mặc dù gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến thất thường, sản xuất nông nghiệp của Thành phố



vẫn đạt kết quả cao. Tổng diện tích lúa tăng từ 2.556 ha năm 1983, lên hơn 4.800 ha trong năm 1985 (tính cả 7 xã của huyện Đồng Hỷ mới nhập về Thành phố). Sản lượng thóc từ 6.259 tấn (năm 1983) lên 10.632 tấn (năm 1985). Các hợp tác xã Tân Long, Quan Triều, Đại Đồng, Quang Vinh đạt năng suất bình quân từ 60 đến 70 tạ/ha.

Sản lượng lương thực Thành phố năm 1985 đạt 13.834 tấn, riêng thóc vượt 150 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Trong năm 1985, bình quân lương thực theo đầu người đạt 341kg (chỉ tiêu là 350kg). Về cơ bản, khu vực nông thôn đã giải quyết đủ nhu cầu lương thực và bước đầu có tích lũy.

Đối với sản xuất rau xanh, tuy diện tích gieo trồng tăng hơn so với trước, tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng đầu tư ứng dụng và đã thành công trong việc tạo giống bắp cải chịu nhiệt đạt hiệu quả kinh tế cao, nhưng năng suất và sản lượng chưa đạt được chỉ tiêu, đặc biệt từ khi thực hiện Nghị quyết VIII của Trung ương Đảng và xóa bỏ bao cấp, việc sản xuất và tiêu thụ rau trong Thành phố bị thả nổi.

Sản xuất màu (ngô, khoai, sắn) không ổn định. Diện tích, năng suất và sản lượng tăng, giảm thất thường. Riêng diện tích trồng lạc tăng bình quân



trong 3 năm (1983 - 1985) là 110% so với chỉ tiêu; sản lượng tăng 3,3 tấn so với năm 1982.

Sau khi sáp nhập thêm 7 xã của huyện Đồng Hỷ¹, diện tích chè của Thành phố tăng lên 115,1 ha. Do tiêu thụ sản phẩm khó khăn vì công tác quản lý và thu mua chè của Nhà nước không hợp lý (Nhà nước chỉ thu mua được từ 10% đến 15% sản lượng, nhưng lại quản lý thị trường tự do gây khó khăn cho nhân dân trong việc tiêu thụ từ 85% đến 90% lượng chè còn lại), nên người sản xuất chè không phấn khởi đầu tư chăm sóc, năng suất thấp, chỉ đạt 4,14 tạ/ha; sản lượng chè búp khô năm 1985 chỉ đạt 47,7 tấn.

Trong những năm 1983 - 1985, Thành phố thực sự coi trọng đầu tư khoa học kỹ thuật cho ngành chăn nuôi. Hai trại dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi và giống ra đời đã nhanh chóng phát huy tác dụng trực tiếp đối với sản xuất ở cơ sở. Đàn lợn của Thành phố liên tục tăng từ 19.900 con (năm 1982) lên 26.245 con (năm 1983) và 31.700 con (năm 1985), trong đó có 2.000 lợn nái và 29.700 lợn thịt. Trên 40% đàn lợn đã được tiêm phòng, nên không có dịch bệnh lớn xảy ra. Điều đáng chú ý là, đến giai đoạn này, 100% số lợn được

1. Gồm: Tân Cương, Phúc Triu, Phúc Xuân, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tích Lương, Phúc Hà.



nuôi trong các hộ gia đình. Các trại chăn nuôi tập thể, sau nhiều năm thua lỗ do quản lý, chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh kém đã được giải thể.

Đàn trâu, bò tăng chậm: từ 2.457 con (năm 1983), lên 2.468 con (năm 1984). Do số trâu, bò ở 7 xã của huyện Đồng Hỷ mới chuyển về, nên năm 1985 đàn trâu, bò của Thành phố lên 7.729 con.

Sản xuất phát triển, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng được bảo đảm. Năm 1983, Thành phố nộp kho Nhà nước được 1.304 tấn thóc, vượt kế hoạch 32%. Riêng vụ mùa năm 1984, Thành phố huy động được 580,5 tấn, bằng 116% kế hoạch; vụ hạ năm 1985 nhập kho 796,5 tấn, đạt 113% kế hoạch và gấp 1,6 lần so với năm 1980. Hai xã Túc Duyên và Quang Vinh hoàn thành tổng mức huy động lương thực cả năm sớm nhất Thành phố.

Nhờ có cơ chế mới, khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, phong trào hợp tác xã được củng cố và tăng cường. Trước ngày thực hiện Chỉ thị 100, một số hợp tác xã quy mô toàn xã, tuy đội ngũ cán bộ hăng hái, nhiệt tình lăn lộn với phong trào, nhưng do trình độ quản lý yếu, không đủ khả năng điều hành, quản lý, nên những hợp tác xã này thường làm ăn thua lỗ. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100, cùng với việc điều chỉnh công tác quản lý sản xuất và phân



phối sản phẩm tới nhóm và người lao động, Đảng bộ chỉ đạo các xã điều chỉnh, sắp xếp lại 3 hợp tác xã toàn xã Quang Vinh, Túc Duyên, Cam Giá, thành 6 hợp tác xã nhỏ, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành sản xuất. Với chính sách khoán 100, đời sống của xã viên được cải thiện rõ rệt. Đó chính là động lực thu hút 129 hộ ở 2 xã Quang Vinh và Lương Sơn trở lại làm ăn tập thể. Đến năm 1984, sau khi bàn giao 2 hợp tác xã của thị trấn Trại Cau về Đồng Hỷ, toàn Thành phố còn 19 hợp tác xã, trong đó có 14 hợp tác xã chuyên canh lúa, 2 hợp tác xã xen canh rau - lúa, 3 hợp tác xã chuyên canh rau, với tổng số 109 đội sản xuất...

Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần đưa sản xuất nông nghiệp phát triển là do Thành phố đã chỉ đạo tốt việc phát triển kinh tế phụ gia đình theo mô hình kinh tế Vườn - Ao - Chuồng (VAC).

Cho đến trước năm 1982, các cấp lãnh đạo và đa số quần chúng đều cho rằng, kinh tế phụ gia đình không phải là yếu tố quyết định đời sống của từng gia đình, mà chính là nguồn bao cấp của Nhà nước. Không ít cán bộ, đảng viên còn coi kinh tế phụ gia đình là một trong những yếu tố cản trở sự phát triển của kinh tế tập thể, nên kinh tế phụ gia đình chỉ



mang tính tự phát trong nhân dân, chưa có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Từ năm 1982, dưới tác động của cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, kinh tế phụ gia đình được coi là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố đã có nhiều nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình, coi đó là nhiệm vụ, là yêu cầu cấp bách, có tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng phường, xã, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiều biện pháp chỉ đạo thiết thực. Quán triệt nghị quyết của Thành ủy, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân các phường, xã đều có nghị quyết về phát triển kinh tế hộ gia đình, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy Đảng và chính quyền ở cơ sở. Các xã, phường đề ra chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho các hộ gia đình trên địa bàn mình quản lý. Đến năm 1984, 1985, phong trào làm kinh tế vườn đã phát triển rộng khắp.

Từ vườn, ao đến phong trào chăn nuôi đã tạo thành mô hình kinh tế khép kín (kinh tế VAC) hỗ trợ, bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nhờ thực hiện mô hình này, tổng đàn lợn của Thành phố tăng gần 3



lần, từ 13.600 con năm 1980, lên 31.700 con năm 1985. Phường Tân Thành là đơn vị dẫn đầu Thành phố về việc thực hiện mô hình kinh tế VAC (riêng kết quả làm kinh tế VAC của 159 hộ gia đình đảng viên trong Đảng bộ, hai năm (1983 - 1984) đã đạt 42,5 tấn lương thực, 4,3 tấn thịt gia cầm, 28,6 tấn thịt lợn, 57 tấn rau xanh). Hàng trăm gia đình trong phường từ chỗ túng thiếu triền miên, đã vươn lên đạt mức đủ ăn; 64% tổng số hộ trong phường đã xây dựng được nhà ở cấp 4 rộng rãi, khang trang, mua sắm được nhiều vật dụng gia đình có giá trị cao.

Trong khi sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, thì công tác phân phối lưu thông vẫn là "mặt trận nóng bỏng", gặp nhiều khó khăn gay gắt do các mặt hàng cung cấp không đủ để phân phối cho người tiêu dùng theo định lượng. Hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm và kém chất lượng. Tình trạng hàng đoàn người xếp hàng dài trước các cửa hàng lương thực, thực phẩm để mua gạo, thịt, mắm, muối... diễn ra thường ngày.

Trước thực trạng đó, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1984, ngành Lưu thông phân phối bắt đầu có sự điều chỉnh công tác tổ chức quản lý. Theo sự phân cấp của tỉnh, ngành Thương nghiệp Thành



phổ thực sự bắt tay vào việc tổ chức kinh doanh, phục vụ. Các công ty đều tích cực chủ động nắm nguồn hàng, thu mua, phân phối kịp thời phục vụ sản xuất và đời sống. Nhờ đó, hầu hết các công ty đã kinh doanh có hiệu quả.

Công ty Nông sản thực phẩm mặc dù có nhiều khó khăn, đối tượng phục vụ lên tới 68.000 người, nhưng cán bộ và công nhân viên đã nêu cao tinh thần chủ động, tích cực khai thác được nhiều nguồn hàng, thanh toán tem phiếu cho nhân dân được kịp thời và đảm bảo chất lượng. Công ty dịch vụ phát triển nhanh chóng xác định lại phương hướng, nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh có lãi. Hệ thống hợp tác xã mua bán từ Thành phố đến các phường, xã không ngừng được củng cố, hoạt động tích cực, thường xuyên vượt kế hoạch, điển hình là các phường Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương, Quan Triều, Tân Long.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể ở các phường, xã đóng vai trò quan trọng trong công tác lãnh đạo, quản lý, bảo đảm phân phối kịp thời những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân. Các hợp tác xã vừa bảo đảm thu mua hết các mặt hàng do nhân dân trong phường làm ra, vừa làm đại lý cho thương nghiệp của Thành phố và tỉnh, mở rộng bán hàng ký



gửi của nhân dân. Một số phường còn mở rộng khai thác hàng hóa từ tỉnh ngoài về phục vụ nhân dân.

Từ kết quả năm 1984, công tác lưu thông phân phối năm 1985 tiếp tục xác định hướng đi đúng, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn và từng bước chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Công tác thu mua nắm nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống đạt kết quả khá hơn các năm trước. Năm 1985, Thành phố đã cung ứng cho sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp trên 3 triệu đồng để mua sắm vật tư, nhiên liệu, phân bón. Tổng giá trị hàng thu mua đạt 235.327.000 đồng (đạt 104% chỉ tiêu kế hoạch); trong đó các ngành Nội thương đạt 122.200.000 đồng; Ngoại thương đạt trên 17.500.000 đồng, Vật tư đạt 5.000.000 đồng và Lương thực đạt 90.500.000 đồng. Hầu hết các công ty đều đạt và vượt kế hoạch doanh số mua bán. Hợp tác xã mua bán Thành phố doanh số mua đạt 188,5%; nhưng một số mặt hàng chủ yếu mua ở khu vực Thành phố đạt ở mức thấp (thịt lợn 68,5%, rau xanh 42%). Nguồn hàng do Công ty cấp I, cấp II điều về theo kế hoạch chỉ đạt 85% tỷ trọng trong tổng quỹ hàng hóa đưa vào bán lẻ. Mặt hàng muối ăn đạt 1.640 tấn/2.550 tấn kế hoạch, xà phòng giặt đạt 285 tấn/300 tấn kế hoạch...



Sau khi đổi tiền, thực hiện giá mới, giá cả các mặt hàng ở các địa phương tương đối ngang bằng, cước vận chuyển tăng lên, việc liên kết khai thác nguồn hàng có nhiều khó khăn, doanh số mua, bán giảm xuống.

Để khắc phục tình trạng trên, các công ty của Thành phố nhận thẳng hàng hóa từ Công ty cấp I, bỏ qua khâu trung gian cấp II. Mặt khác, nhằm bổ sung nguồn hàng, các công ty và hệ thống hợp tác xã mua bán tiếp tục đẩy mạnh liên kết, liên doanh với các tỉnh bạn, khai thác hàng hóa, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương.

Việc tổ chức bán hàng, làm chủ thị trường cũng có nhiều tiến bộ. Tổng giá trị hàng bán ra đạt 187.600.000 đồng (đạt 106% mức kế hoạch).

Sau ngày 15-8-1985, về cơ bản, ngành Thương nghiệp dịch vụ đã thanh toán xong hàng hóa cho các đối tượng hưởng tem phiếu theo quy định. Các công ty chuyển hẳn hoạt động sang phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Để kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất tiêu dùng của nhân dân, các công ty mở thêm hệ thống bán hàng, bằng việc thành lập thêm cửa hàng khu vực, mở thêm 62 điểm bán lẻ, đưa một số quầy bán hàng vào chợ. Hợp tác xã mua bán của các phường, xã tiếp tục được củng cố, vươn



lên làm nhiệm vụ ủy thác bán hàng cho các đại lý. Nhìn chung, từ các công ty, cửa hàng mậu dịch quốc doanh đến các hợp tác xã mua bán đã từng bước vươn lên làm chủ thị trường. Các mặt hàng thịt lợn, nước mắm, đường, đồ dùng gia đình, phụ tùng xe đạp của các cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 60% tỷ trọng hàng hóa lưu thông phân phối.

Công tác quản lý thị trường ngày càng được chú trọng. Cùng với việc tăng cường quản lý thị trường từ cơ sở, mở rộng hệ thống bán lẻ của các cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, công tác kiểm tra, xử lý bằng biện pháp hành chính các trường hợp buôn lậu, đầu cơ, tăng giá kiếm lời... được đẩy mạnh. Năm 1985, Thành phố đã xử lý trên 6.200 vụ kinh doanh trái phép, thu và phạt tiền, nộp cho ngân sách gần 340.000 đồng.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhằm tăng nguồn thu, giảm chi ngân sách, nhưng kết quả vẫn đạt thấp. Trong cả hai năm 1984, 1985, thu không đủ chi; số cơ sở kinh doanh có lãi chưa nhiều; số xã, phường làm kinh tế có nguồn thu lớn còn ít. Nguồn thu từ thuế công thương nghiệp và nông nghiệp chưa đủ chi cho sự nghiệp giáo dục, y tế, xã hội trên địa bàn. Năm 1985, tổng thu của Thành phố 8.206.000



đồng, tổng chi lên tới 9.782.000 đồng, tỉnh phải cấp thêm cho Thành phố 4.400.000 đồng để chi bù giá vào lương và trả lương cho cán bộ, công nhân viên chức.

Năm 1985, Thành phố bắt đầu thực hiện xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh, trong điều kiện đổi mới về cơ chế quản lý, chính sách kinh tế, công tác phân phối lưu thông hàng hóa, tài chính tiền tệ gặp nhiều khó khăn, nhưng lại chưa nhận thức đúng, nên chưa chú ý đúng mức đến thị trường tự do, chưa tạo điều kiện, thậm chí gây khó khăn cho lĩnh vực kinh doanh. Tuy là một thị trường tiêu thụ lớn, nhưng Thành phố Thái Nguyên lại có sự mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu. Tình hình này đặt ra cho Thành phố yêu cầu lớn là phải chuyển đổi mạnh hơn về cơ chế, chính sách để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Trong những năm từ 1983 đến 1985, Thành phố đã xây dựng được quy hoạch tổng thể về công tác quản lý, xây dựng đô thị; hoàn thành việc di chuyển dân, giải phóng mặt bằng đường Đội Cấn, khu chợ Đồng Quang; quy hoạch một số khu dân cư; cấp đất và hướng dẫn làm nhà theo quy hoạch cho trên 1.000 hộ dân. Một số đường phố được cải tạo; các công trình



dịch vụ phúc lợi và các trạm, trại phục vụ sản xuất nông nghiệp... được đầu tư xây dựng.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được các cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển. Mô hình trường vừa học, vừa làm trong các đơn vị sản xuất công nghiệp được mở rộng. Cơ sở vật chất của các trường học được nâng cấp từng bước; tỷ lệ kiên cố hóa, ngói hóa trường học ngày càng tăng lên. Phong trào thi đua "Hai tốt" tiếp tục được duy trì. Số học sinh đến trường mỗi năm một tăng¹. Phong trào bổ túc văn hóa cũng có nhiều tiến bộ. Số học viên bổ túc văn hóa năm 1985 tăng 3 lần so với năm 1983. Năm 1985, Thành phố được công nhận là đơn vị hoàn thành phổ cập cấp I bổ túc văn hóa cho nhân dân trên địa bàn.

Tuy nhiên ngành Giáo dục Thành phố vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Công tác quản lý cơ sở vật chất, chưa tốt; tốc độ xây dựng trường, lớp chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh, nhiều trường còn phải học 3 ca...

Ngành Y tế Thành phố đã triển khai và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao. Ngoài việc khám,

1. Năm	1983	1984	1985
Học sinh phổ thông:	37.400	40.262	41.408
Học sinh mẫu giáo:	2.090	4.245	4.500.



chữa bệnh đạt hiệu quả tốt, ngành Y tế Thành phố còn phục vụ tốt các đợt khám tuyển quân, tuyển sinh, tuyển lao động và các nhiệm vụ đột xuất khác. Công tác vệ sinh, phòng dịch được duy trì, kịp thời phát hiện và dập tắt các ổ dịch bệnh. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình thực hiện có hiệu quả tốt, tốc độ tăng dân số của Thành phố năm 1985 là 1,7%. Tuy nhiên, mạng lưới y tế cơ sở của Thành phố còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật; nguồn thuốc Tây khan hiếm; chữa bệnh theo phương pháp y học cổ truyền chưa phát triển mạnh, việc sản xuất và sử dụng thuốc Nam để chữa bệnh chưa phổ biến rộng rãi.

Ngành Văn hóa - Thông tin có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Nhân các ngày lễ lớn hoặc các sự kiện chính trị quan trọng, Thành phố tổ chức rầm rộ các đợt tuyên truyền, cổ động. Các hình thức nói chuyện thời sự, phát thanh, chiếu bóng... được duy trì thường xuyên, kịp thời phổ biến tình hình, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân.

Mặc dù có những bước tiến mới, chất lượng công tác giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin của Thành phố trong thời gian này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ở một số xã



miền Tây còn thấp; những tập quán lạc hậu, lối sống thiếu văn hóa chậm được khắc phục.

Xuất phát từ đặc điểm Thành phố Thái Nguyên là một trọng điểm về an ninh, quốc phòng của tỉnh Bắc Thái, là cửa ngõ phòng thủ quan trọng của thủ đô Hà Nội, Đảng bộ và nhân dân Thành phố thường xuyên nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, luôn gắn việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng.

Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy, lực lượng công an Thành phố từng bước xây dựng đội ngũ trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò nòng cốt trên mặt trận giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, mặc dù kẻ địch thường xuyên đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên địa bàn, nhưng tình hình an ninh chính trị trong khu vực Thành phố luôn ổn định. Các cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân" và "Làm giàu, đánh thắng" được Thành ủy lãnh đạo triển khai rộng khắp trên địa bàn và trong các tầng lớp nhân dân; việc kết hợp huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương với xây dựng tuyến phòng thủ và các công trình thủy lợi, giao thông dân sinh đạt kết quả tốt.



Với lực lượng chiếm 18,34% dân số (năm 1985), được huấn luyện và trang bị tốt, lực lượng vũ trang Thành phố đủ sức đảm nhận những nhiệm vụ nặng nề trong tình hình mới.

Do làm tốt công tác hậu phương quân đội, thăm hỏi và giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân tại ngũ, giải quyết việc làm kịp thời cho quân nhân phục viên, xuất ngũ nên liên tục trong 6 năm (1980 - 1985), Thành phố luôn luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, động viên được 4.765 thanh niên ưu tú là con em nhân dân các dân tộc Thành phố vào bộ đội, cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, Thành phố chưa xây dựng được phong trào quần chúng bảo vệ trật tự an toàn xã hội một cách sâu rộng. Các tiêu cực xã hội xảy ra thường xuyên: việc chấp hành pháp luật Nhà nước chưa nghiêm; tệ tham ô, móc ngoặc, trộm cắp, cờ bạc, phạm pháp hình sự chưa giảm; việc lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, cải tạo, xử lý các tiêu cực đó của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố chưa kịp thời và kiên quyết. Những tồn tại đó cùng với những mặt yếu kém trên lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa đặt ra cho Đảng bộ, trước hết là Thành ủy và Ủy ban nhân dân



Thành phố, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân. Muốn vậy, điều quan trọng trước tiên là tạo ra được sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của các cấp bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Chăm lo công tác xây dựng Đảng, nắm vững nội dung cuộc vận động xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ Thành phố đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Những chủ trương, chỉ thị, nghị quyết mới của Đảng đều được Thành ủy triển khai kịp thời. Thông qua công tác giáo dục, cán bộ, đảng viên đã nâng cao thêm được một bước nhận thức về chính trị, tư tưởng, củng cố thêm niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trước những khó khăn, thử thách mới.

Thực hiện Nghị quyết XV của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng, nhiều cơ sở yếu kém trong Đảng bộ được củng cố. Năm 1984, Thành ủy mở 3 hội nghị trao đổi kinh nghiệm củng cố cơ sở Đảng yếu kém và hướng dẫn việc tổ chức Đại hội cấp cơ sở. Qua củng cố, các Đảng bộ Xí nghiệp gỗ Tháng Tám, Xí nghiệp may, Xí nghiệp bánh kẹo, Công ty vật tư tổng hợp... có nhiều chuyển biến tích cực.



Công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng thường xuyên được Đảng bộ quan tâm. Liên tục trong hai năm (1984 - 1985), Thành ủy mở 9 lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng cho 723 đối tượng đảng, kết nạp 284 đảng viên mới, phát Thẻ Đảng cho 750 đảng viên.

Thực hiện phương châm lãnh đạo có kiểm tra, Đảng bộ tăng cường kiểm tra kịp thời phát hiện, uốn nắn những lệch lạc, ngăn chặn và xử lý những hành động vi phạm Điều lệ Đảng, giữ nghiêm kỷ luật. Công tác Tổ chức, Kiểm tra của Đảng bộ được triển khai theo tinh thần các Chỉ thị 33, 34 của Ban Bí thư. Trong hai năm (1984 - 1985), Thành ủy tập trung lãnh đạo kiểm tra và hướng dẫn các Đảng bộ, chi bộ cơ sở tự kiểm tra, góp phần củng cố tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng. Nhờ đó, số đảng viên vi phạm kỷ luật giảm dần từ 1,26% năm 1982, xuống còn 0,85% năm 1985; tỷ lệ các Đảng bộ vững mạnh và khá tăng lên 87%. Đảng bộ Thành phố được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị Trung ương Đảng công nhận Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Bộ máy chính quyền các cấp của Thành phố từng bước được củng cố, nâng cao trình độ gắn liền với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp được học tập, bồi dưỡng



chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường lý luận, nghiệp vụ của tỉnh và Trung ương. Việc điều động, đề bạt cán bộ được thực hiện thường xuyên và có chất lượng. Năm 1985, Thành phố đã điều động, tiếp nhận 42 cán bộ, đề bạt 21 cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt trong tổ chức chính quyền.

Các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận...) đều hoạt động tích cực và luôn bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, bước đầu phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế - xã hội, trong tổ chức các hoạt động kiểm tra của quần chúng nhân dân và đẩy lên các phong trào thi đua hành động cách mạng sâu rộng.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong những năm 1984 - 1985 còn chuyển biến chậm. Việc giáo dục, quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng mới dừng lại ở cán bộ chủ chốt và đảng viên. Điều đó đã hạn chế nhiều đến nhận thức và ý thức chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của quần chúng. Công tác củng cố cơ sở Đảng yếu kém cũng còn nhiều hạn chế; số lượng cơ sở Đảng yếu kém năm 1984 và 1985, vẫn dừng lại ở 11 cơ sở. Công tác Tổ chức chưa chuyển biến kịp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể còn cồng kềnh. Công



tác quản lý cán bộ chưa chặt chẽ, chưa sâu, sắp xếp cán bộ có chỗ chưa hợp lý, nhất là cán bộ chủ chốt. Phong trào nhiều nơi chuyển biến chậm và không vững chắc...

Tóm lại, thời kỳ 1980 - 1985, trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn gay go về kinh tế - xã hội, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã tỏ rõ tinh thần trách nhiệm trước nhân dân và năng lực sáng tạo của mình trong lãnh đạo cách mạng. Cùng với quá trình lãnh đạo tháo gỡ khó khăn từng mặt, Đảng bộ Thành phố từng bước đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế và phong cách làm việc mới, lãnh đạo đưa tình hình kinh tế, xã hội trên địa bàn ngày càng chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Tuy còn nhiều khó khăn, yếu kém, nhưng điều quan trọng là Đảng bộ đã nhận thức và đánh giá đúng thực trạng và có quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Đó là nhân tố quan trọng để Đảng bộ vững bước vào chặng đường mới.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TRONG THỜI KỲ ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI (1986 - 1990)

Bước vào năm 1985, đất nước ta đã trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong 10 năm ấy, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Trên phạm vi cả nước đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, nhiều đơn vị chiến đấu giỏi. Một số địa phương và ngành biết cách làm ăn năng động, sáng tạo.

Tuy nhiên, những khó khăn, yếu kém vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có mặt trầm trọng thêm:

Sản xuất tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm, như sản xuất lương thực, than, xi măng, gỗ... không đạt được, gây ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống nhân dân.

Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp nhìn chung chỉ sử dụng một



nửa công suất, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng, môi trường sinh thái bị phá hoại.

Đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức, còn nhiều khó khăn... Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm...

Thực trạng kinh tế, xã hội nói trên đã làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan Nhà nước.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, việc chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI được xúc tiến khẩn trương. Tiểu ban Văn kiện được thành lập và sau đó lần lượt công bố các văn bản dự thảo để tranh thủ ý kiến đóng góp của toàn Đảng.

Nằm trong tình trạng chung của đất nước, tại thành phố Thái Nguyên, bên cạnh những kết quả to lớn đạt được, tình hình kinh tế, xã hội cũng đứng trước nhiều khó khăn gay gắt:

Ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa được đầu tư thỏa đáng. Nhiều cơ sở sản xuất còn bấp bênh, chưa khai thác hết năng lực sẵn



có. Trừ một số sản phẩm tăng nhanh và có chất lượng, còn phần lớn tăng chậm hoặc không tăng. Khối lượng hàng hóa ít. Tỷ trọng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong tổng thu nhập Thành phố còn thấp. Chất lượng nhiều mặt hàng chưa được nâng lên, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng và thị hiếu của nhân dân.

Đối với nông nghiệp, sự đầu tư cũng chưa cao, sản xuất chưa vững chắc, thâm canh chưa đồng đều. Năng suất, sản lượng đều chưa đạt được chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Cây mầu chưa được chú trọng chỉ đạo, nên sản lượng giảm. Cây rau bị thả nổi, giảm dần cả diện tích, năng suất và sản lượng, người sản xuất không phấn khởi. Các điều kiện, nhất là thủy lợi và phân bón, bảo vệ cây trồng và gia súc chưa đủ đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định và vững chắc.

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm được củng cố và hoàn thiện. Nhìn chung, công tác quản lý còn lỏng lẻo.

Công tác quy hoạch, quản lý đô thị, việc phân cấp quản lý nhà đất, quy hoạch bố trí dân cư trên địa bàn Thành phố chậm được thực hiện. Khoảng 6.000 người chưa có việc làm.



Phân phối lưu thông rối ren. Tỷ lệ hàng hóa Thành phố năm được còn thấp (thịt lợn: 40%, lạc: 67%; rau xanh: 23%...). Nguồn hàng trao đổi với các tỉnh bạn năm 1985 (năm cao nhất) cũng chỉ đạt 31% trong tổng quỹ hàng hóa nội thương của Thành phố. Việc tổ chức phân phối, quan điểm phục vụ sản xuất, đời sống chưa đầy đủ và có nhiều chỗ lệch lạc, gây thêm khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Hậu quả của đợt điều chỉnh giá - lương - tiền lần 2 (1985) đã dẫn đến tình trạng lạm phát tăng vọt trong 3 năm (1986 - 1988); giá cả thị trường biến động mạnh và ngày một tăng. Những hiện tượng cửa quyền, gây phiền hà, tùy tiện nâng giá, tiêu cực ở một bộ phận cán bộ, nhân viên trong các ngành nắm hàng, nắm tiền vẫn tiếp diễn.

Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân ở một số xã còn thấp. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm của các xã miền Tây còn trên 2%.

Những khó khăn trên đã làm cho hiện tượng tiêu cực xã hội vẫn xảy ra; nhiều vụ việc diễn biến phức tạp. Tài sản xã hội chủ nghĩa bị xâm phạm nghiêm trọng. Việc chấp hành pháp luật Nhà nước không nghiêm. Những hiện tượng tham ô, móc ngoặc, trộm cắp, cờ bạc, phạm pháp hình sự... chưa được ngăn chặn kịp thời và kiên quyết.



Trong khi đó, các đoàn thể quần chúng chưa được chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp ủy Đảng. Hoạt động của các đoàn thể còn nhiều lúng túng trong việc đổi mới phương thức cho phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới. Đội ngũ cán bộ chậm được kiện toàn, nhất là ở phường, xã. Chất lượng đội ngũ đảng viên chưa cao, còn 40% số đảng viên trong Đảng bộ chưa phát huy tác dụng toàn diện. Nội bộ có nơi mất đoàn kết kéo dài. Một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, coi nhẹ rèn luyện phẩm chất đạo đức, ngại khó khăn, thiếu trách nhiệm, hiệu suất công tác kém...

Giữa lúc tình hình kinh tế, xã hội đang gặp nhiều khó khăn, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X được tổ chức từ ngày 30-9 đến ngày 4-10-1986 với sự có mặt của 325 đại biểu thay mặt trên 8.530 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội lần này có nhiệm vụ:

- Thảo luận góp ý kiến bổ sung các văn kiện dự thảo của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI và văn kiện dự thảo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V.

- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ thứ X.



- Bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa X.
- Bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Đánh giá tình hình chung từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ IX (1983), Đại hội khẳng định: "Ba năm qua, trong hoàn cảnh khó khăn khách quan chưa giảm bớt, Thành phố được tỉnh phân cấp ngày càng rộng. Năm 1985 tiếp nhận thêm 7 xã của huyện Đồng Hỷ về Thành phố, dân số tăng thêm 50.000 người. Cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ cán bộ chưa được bổ sung tương xứng với nhiệm vụ. Nhưng Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã bền bỉ phấn đấu, vượt lên trước những khó khăn có lúc rất gay gắt, đã đưa tình hình kinh tế, xã hội của Thành phố phát triển lên một bước mới; phong trào cơ sở chuyển biến tốt hơn; trên một số mặt và ở một số cơ sở có tiến bộ rõ rệt, đã cho những kinh nghiệm quý về lãnh đạo, chỉ đạo trong những năm tới..."¹.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thành tích đã đạt được và những mặt tồn tại, đồng thời quán triệt quan điểm đổi mới của Trung ương Đảng và của tỉnh ủy Bắc Thái, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành

1, 2. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X - 10-1986, tr. 1, 24.



phố lần thứ X quyết định phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1986 - 1988 là "Ra sức khai thác mọi tiềm năng sẵn có, phát triển mạnh sản xuất công, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Kết hợp chặt chẽ với phát triển xuất khẩu, gắn sản xuất với lưu thông phân phối, kinh tế với văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng. Cân đối thu - chi ngân sách, tích lũy trong nền kinh tế quốc dân, trước hết từ sản xuất. Mau chóng tạo thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp và dịch vụ, nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội...².

Nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn trước mắt, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X đề ra mục tiêu tổng quát trong gần 3 năm (10-1986 - 1988) bao gồm những nội dung sau đây:

1. Tập trung đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, ổn định xã hội, thực hiện tốt cơ chế quản lý mới, bảo đảm quyền chủ động của đơn vị kinh tế cơ sở, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp với tốc độ nhanh, tạo ra khối lượng hàng hóa đáp ứng phần lớn nhu cầu của Thành phố. Củng cố, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế gia đình và của mỗi người dân, giải quyết cho mọi người lao động có việc làm. Tiếp tục cải tạo xây dựng



các công trình phúc lợi, văn hóa, xã hội, trước hết là nhà ở, trường học và công trình hạ tầng của Thành phố.

2. Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới thương nghiệp, chuyển dần tiểu thương sang sản xuất dịch vụ, phát triển thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, tổ chức nắm vững nguồn hàng và tiền; phát triển rộng rãi các hình thức dịch vụ thiết thực phục vụ nhân dân, phục vụ sản xuất; giải quyết cơ bản bọn đầu cơ buôn lậu, giữ vững ổn định giá cả, góp phần ổn định thị trường, ổn định đời sống nhân dân.

3. Lập lại trật tự, khôi phục lại kỷ cương xã hội, thực hiện sống và làm việc theo pháp luật, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

4. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, ưu tiên đầu tư nhằm phát huy hiệu quả rõ rệt đối với sản xuất hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu.

5. Thường xuyên đề cao cảnh giác, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo được phong trào quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đảm bảo an ninh kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc từng cơ sở sản xuất và từng tổ chức nhân dân.



Phương hướng, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế cũng được Đại hội xác định phù hợp với tình hình địa phương.

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, lao động và tính chất của Thành phố, trong những năm trước mắt, Đại hội chủ trương khai thác tốt nhất thế mạnh của tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, các đơn vị của tỉnh, của Trung ương, nhanh chóng hình thành cơ cấu kinh tế Công - Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 51 ủy viên, trong đó có 39 ủy viên chính thức và 12 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Ngọc Yến được bầu làm Bí thư; các đồng chí Bùi Xuân Hùng và Nguyễn Văn Lạc được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy. Ban Thường vụ Thành ủy gồm 11 đồng chí.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ X là Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V (11-1986) và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986). Đó là những sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân Thành phố.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra nhiệm vụ chung cho cả chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là "Toàn Đảng, toàn dân và toàn



quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"¹. Đại hội còn chỉ rõ: "Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn" và "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"². Muốn thực hiện những nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong 5 năm trước mắt (1986 - 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ mục tiêu của ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) là mốc mở đầu thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước.

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố

1, 2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI - NXB Sự Thật - Hà Nội 1987, tr. 41, 42.



lần thứ X, Thành ủy Thái Nguyên kịp thời đề ra những chủ trương và các biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Ngày 6-2-1987, Thường trực Thành ủy họp để đánh giá tình hình và bàn biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết 01 về ba chương trình kinh tế trong nhiệm vụ công tác của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố. Hội nghị quyết định thành lập các Tiểu ban xây dựng đề án của từng chương trình để thông qua Ban Thường vụ Thành ủy và tổ chức thực hiện:

- Tiểu ban xây dựng đề án công tác lưu thông - phân phối, phục vụ đời sống năm 1987 và Tiểu ban xây dựng đề án chương trình hàng xuất khẩu. Hai tiểu ban này đều do đồng chí Nguyễn Văn Lai, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố làm Trưởng tiểu ban.

- Tiểu ban xây dựng đề án về sản xuất lương thực - thực phẩm, do đồng chí Nguyễn Văn Thử, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, làm Trưởng tiểu ban.

- Tiểu ban xây dựng đề án về chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, do đồng chí Doãn Văn Đồng, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Trưởng phòng kế hoạch Thành phố, làm Trưởng tiểu ban.



Thường trực Thành ủy giao trách nhiệm cho Ban Tuyên giáo cùng với Văn phòng Thành ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuẩn bị nội dung giúp Ban Thường vụ Thành ủy mở các hội nghị chuyên đề phục vụ ba chương trình kinh tế, sau khi các đề án được thông qua.

Hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X cũng là thời gian thành phố Thái Nguyên cùng cả nước bước vào công cuộc đổi mới theo đường lối do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, nhằm từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đưa đất nước phát triển đi lên. Đó cũng là quá trình đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung, trong 2 năm thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới, dù còn gặp nhiều khó khăn trên tất cả các mặt, nhưng sản xuất vẫn giữ được nhịp độ không ngừng tăng lên theo mục tiêu của Đại hội và ba chương trình kinh tế.

Sản xuất nông - lâm nghiệp mặc dù gặp khó khăn về cung ứng vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, thời tiết không thuận lợi, nhưng vẫn tiếp tục phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và kinh doanh tổng hợp. Sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi



năm trong thời gian 1986 - 1988 là trên 3%. Tuy nhiên, sản lượng và năng suất lúa tăng không vững chắc, còn phụ thuộc quá nhiều vào thiên nhiên.

Trong năm 1986, sản lượng vụ lúa mùa vượt kế hoạch 674 tấn và tăng hơn năm 1985: 610 tấn (4,8%). Năng suất bình quân đạt trên 50 tạ/ha. Sang năm 1987, năng suất lúa đạt 44,12 tạ/ha (bằng 83,24% kế hoạch); sản lượng thóc cả năm đạt 12.724 tấn. Đến năm 1988, năng suất tụt xuống do bị ngập lụt 153,6 ha, nên sản lượng chỉ đạt 12.518,9 tấn (bằng 87,77% kế hoạch). Một số hợp tác xã thâm canh tốt và đạt năng suất cao, điển hình là các hợp tác xã Đại Đồng (65,37 tạ/ha), Tân Long (56,75 tạ/ha), Quang Vinh (54,61 tạ/ha), Tiến Ninh (52,42 tạ/ha)...

Điều đáng chú ý là vụ mùa được Thành phố chỉ đạo tập trung; công tác dịch vụ kỹ thuật ngày càng tiến bộ. Việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, đưa các giống lúa mới có năng suất cao (CR203, K3, 184, v.v...) vào sản xuất ngày càng rộng rãi.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, trong những năm 1986 - 1988, cây mầu và cây công nghiệp được chú trọng; vụ đông đã trở thành vụ sản xuất chính. Các loại cây mầu, nhất là khoai lang, ngô và lạc đều tăng nhanh cả về diện tích



gieo trồng và sản lượng. Nếu năm 1980, toàn Thành phố chỉ có 235 ha khoai lang với sản lượng 877 tấn, thì đến năm 1986 tăng lên 997 ha với sản lượng 4.749 tấn; lạc năm 1980 mới trồng được 50,10 ha và sản lượng là 59 tấn thì đến năm 1986, diện tích trồng lạc đã tăng lên 727 ha và sản lượng đạt 576 tấn¹. Trong những năm sau, diện tích và sản lượng cây màu vẫn tiếp tục tăng lên. Riêng vụ đông năm 1988, Thành phố đã trồng được 537,5 ha ngô (bằng 216% mức kế hoạch và tăng 106% so với cùng kỳ năm trước), 1.018,6 ha lạc (bằng 120,75% mức kế hoạch và tăng 101% so với cùng kỳ năm trước)².

Đất Thái Nguyên từ lâu đã nổi tiếng cây chè. Chè Tân Cương có hương vị thơm ngon không nơi nào có. Nhận rõ đây là thế mạnh của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nêu rõ: "Cần khai thác hết đất đai, đồi rừng của các xã phía Tây, tạo ra vùng lúa, chè, cây công nghiệp".

Theo phương hướng do Đại hội Đảng bộ đề ra, ngay từ năm 1986, sau khi thành lập Ban phân vùng

1. Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và phương hướng, biện pháp củng cố quan hệ sản xuất, hoàn thiện và mở rộng cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp - Số 14DT-BC-20-10-1987, tr.3.

2. Báo cáo công tác năm 1986 - Tlđd, tr. 2.



Chè xanh, đặc sản của thành phố Thái Nguyên.



kinh tế, ngoài diện tích trồng chè hiện có của gia đình và tập thể là 206 ha, Thành phố còn trồng thêm được 24,35 ha chè mới¹. Tuy nhiên, do chưa xác định được cơ chế mới thích hợp, ngành sản xuất chè không phát triển, ngày càng mai một. Vì vậy, đến cuối năm 1987, diện tích trồng chè mới đạt 26 ha so với chỉ tiêu 40 ha (bằng 65% mức kế hoạch)².

Cùng với cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, ngành chăn nuôi tiếp tục được giữ vững và phát triển. Trong điều kiện khó khăn về nguồn thức ăn cho gia súc, Đảng bộ chủ trương phát triển nuôi lợn gia công ở các phường. Nhờ đó, trong 3 năm (1986 - 1988), tổng số đàn lợn vẫn được duy trì ở mức trên 32.000 con, đảm bảo tự cung cấp nhu cầu về thịt của cán bộ và nhân dân Thành phố. Đàn trâu, bò đều phát triển qua các năm. Tính đến năm 1988, Thành phố có 7.300 con trâu, 1.310 con bò. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc được coi trọng, cho nên năm 1987, tỷ lệ lợn chết giảm 26,3%, trâu chết giảm 68,9% so với cùng kỳ năm trước³.

Ngành Lâm nghiệp Thành phố mới được phân cấp trong năm 1986 đã nhanh chóng triển khai kế hoạch,

1. Báo cáo công tác năm 1986 - Tlđd, tr. 1.

2, 3. Báo cáo công tác năm 1987 - Tlđd, tr. 2.



trồng cây phân tán được 245.400 cây (đạt 81,7% kế hoạch), gieo tạo được 1.200.000 cây giống (vượt kế hoạch 104,34%). Sang năm 1988, Thành phố đã triển khai việc giao đất, giao rừng đến tận hộ gia đình ở các xã phía Tây với diện tích 403 ha, thực hiện trồng cây theo chương trình viện trợ của Liên hợp quốc. Trong năm này, toàn Thành phố đã trồng được 387 ha rừng tập trung và 300.000 cây phân tán. Ngoài ra, Thành phố còn cung cấp cho các địa phương khác hàng trăm ngàn cây giống.

Những kết quả trên đây phản ánh sự chỉ đạo nhạy bén, kịp thời của Đảng bộ Thành phố trong việc vận dụng một cách sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Ngay từ vụ chiêm - xuân 1980 - 1981, Thành ủy đã tổ chức thực hiện thí điểm khoán 50% diện tích theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Mùa hè năm ấy, Thành ủy mở Hội nghị sơ kết thực hiện chính sách khoán và triển khai Chỉ thị 100CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời cho mở rộng thực hiện chính sách khoán trên 100% diện tích vụ mùa. Năm 1984 Thành ủy ra Nghị quyết 129 về hoàn chỉnh và nâng cao khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp.



Việc thực hiện chính sách khoán đã tạo ra bước chuyển biến mới trong sản xuất nông nghiệp, làm cho người lao động gắn trách nhiệm của mình với sản xuất và sản phẩm cuối cùng. Người xã viên thực sự làm chủ ruộng đất. Mọi khả năng lao động được phát huy đến mức tối đa. Thông qua việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm, hệ số quay vòng đất được nâng lên từ 1,51 lần (năm 1980) lên 1,8 lần (năm 1986) và nếu tính cả diện tích đất trồng màu thì hệ số quay vòng đạt 2,1 lần.

Do có sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa về cơ bản được củng cố. Từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến người lao động, nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã tăng lên về số hộ xã viên. Riêng các hợp tác xã Ninh Sơn, Yên Thịnh, Quyết Tiến, Thác Lạc, Quang Vinh đã đưa được 336 hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Tính đến cuối năm 1987, Thành phố có 31 hợp tác xã với 9.879 hộ xã viên, chiếm 96,78% tổng số hộ nông dân¹. Trong số đó, có 16 hợp tác xã quy mô xã, phường; 15 hợp tác xã quy mô thôn hoặc liên thôn. Hằng năm, các hợp tác xã đều xây dựng được kế hoạch sản xuất

1. Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100... Tlđd, tr. 5.



kinh doanh, xác lập được phương án phân phối từng vụ, từng năm. Các đối tượng thuộc diện chính sách được quan tâm giải quyết chế độ. Bộ máy quản lý hợp tác xã được sắp xếp tinh giản, chuyển sang làm dịch vụ khoa học kỹ thuật và thủy lợi.

Cùng thời gian trên, Thành phố có 22 trong tổng số 31 hợp tác xã đã mở rộng ngành, nghề xây sát, vật liệu xây dựng, sửa chữa nông cụ...; thực hiện hạch toán kinh doanh, từng bước đảm bảo tốt 3 lợi ích. Một số hợp tác xã triển khai khoán và quản lý ao, hồ, các loại cây ngô, chè, lạc có kết quả. Cũng nhờ đó, giá trị sản lượng nông nghiệp từ 6.000.000 đồng (năm 1980) đã tăng lên 120.227.000 đồng (năm 1986). Nhiều hợp tác xã giải quyết tốt việc thu hồi sản phẩm, điển hình là các hợp tác xã Yên Thịnh, Ninh Sơn, Tân Long, Gia Sàng, Hòa Tiến, Thống Nhất, Đại Đồng, Tiến Ninh, Hợp Thành, Nam Hồng với số sản phẩm kê đọng hàng năm không quá 5%. Những hợp tác xã này đã xây dựng được kế hoạch giao khoán tương đối sát, có chế độ thưởng phạt rõ ràng và điều quan trọng là biết gắn liền công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Mức thu nhập bằng lương thực của nông dân xã viên năm 1986 tăng gần 3 lần so với năm 1980. Nhiều gia đình xã viên không chỉ giải quyết đủ lương thực, mà còn phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, tăng thêm thu nhập. Các hợp tác xã, xã,



phường: Ninh Sơn, Gia Sàng, Quang Vinh, Tân Long, Túc Duyên, Cam Giá... số hộ có nhà xây đã chiếm từ 70% đến 80%.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, công tác thủy lợi được đẩy mạnh và có nhiều chuyển biến mới so với thời gian trước. Các hợp tác xã tập trung vốn đầu tư cho việc xây dựng hệ thống mương máng, xây dựng các trạm máy bơm nước. Riêng trong 2 năm (1986 - 1987), Thành phố đã xây dựng thêm 7 trạm bơm điện¹. Trong năm 1988, nhiều công trình tưới tiêu được làm mới, sửa chữa lại với tổng số vốn đầu tư trên 206.000.000 đồng. Các xã, hợp tác xã tập trung lao động nạo, vét kênh mương, tận dụng khai thác nguồn nước tưới. Nhờ vậy, vụ đông - xuân 1988 - 1989, diện tích được tưới nước chủ động tăng 114 ha so với năm 1987². Với những thành tích đạt được, Thành phố luôn luôn là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái về phong trào thủy lợi.

Ngoài phần đầu tư cho thủy lợi, hầu hết các hợp tác xã đã xây dựng lại hệ thống nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi, đồng thời xây dựng thêm hơn

1. Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100... Tlđd, tr. 4.

2. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 1988 và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch Nhà nước 1989 - Số 01/BC-UB-9-1-1989, tr. 6.



150 gian nhà ngói dành cho hội họp và làm việc của hợp tác xã.

Bên cạnh những cố gắng và thành tích đạt được, các hợp tác xã nông nghiệp chưa xác định được kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp, hầu hết còn tập trung vào cây lúa; chưa khai thác được tiềm năng sẵn có; chưa có sản phẩm hàng hóa lớn và cũng chưa khai thác được những sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Nhiều hợp tác xã mới dừng ở việc khoán lúa, chưa mở rộng cơ chế khoán vào lĩnh vực chăn nuôi trâu, bò và các ngành, nghề thủ công. Công tác hạch toán và thực hiện phân phối sản phẩm còn nhiều sai sót. Chế độ thưởng, phạt trong khoán không rõ, không hạch toán cụ thể, nên khi mất mùa, hợp tác xã phải gánh chịu.

Nguyên nhân của các mặt yếu kém trên đây là do việc triển khai chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa kịp thời và sâu rộng. Nhiều nơi thực hiện thiếu nghiêm túc, còn tùy tiện, dẫn đến tình trạng làm sai chế độ, chính sách. Trong khi đó, trình độ, năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã còn yếu. Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố chưa tổ chức được các hội nghị chuyên đề về khoán sản phẩm. Công tác xây dựng Đảng ở một số Đảng bộ cơ sở chưa gắn với nhiệm vụ chỉ đạo công tác khoán sản phẩm trong nông nghiệp, thậm chí có nơi khoán



trắng cho Ban quản trị hợp tác xã. Một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, lợi dụng chức quyền, chăm lo vun vén lợi ích cá nhân.

Nhận rõ những mặt hạn chế và nguyên nhân dẫn đến hạn chế, yếu kém, từ cuối năm 1987, Thành ủy kịp thời xác định phương hướng, chủ trương và biện pháp củng cố quan hệ sản xuất, hoàn thiện và mở rộng cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Thành ủy nêu rõ quan điểm khoán sản phẩm phải dựa trên nguyên tắc: Tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, bảo đảm hài hòa ba lợi ích và người lao động phần khởi sản xuất kinh doanh; phải lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn; không máy móc dùng 5 khâu hay 3 khâu mà phải tùy điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã nhưng phải nắm vững nguyên tắc tập thể điều hành theo kế hoạch, người nhận khoán phải chấp hành theo kế hoạch và quy trình sản xuất; khoán sản phẩm phải làm sao cho dân biết, dân bàn và dân kiểm tra được.

Với quan điểm ấy, Thành ủy chỉ ra phương hướng củng cố hợp tác xã phải đi liền với việc giải phóng lực lượng sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, từng bước tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã, nhằm làm cho



quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trên mỗi vùng, mỗi hợp tác xã, mỗi lĩnh vực của mặt trận sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã nhất thiết phải xây dựng được kế hoạch, trong đó có kế hoạch tổng hợp, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài vụ và các kế hoạch khác. Phải xóa bỏ chế độ xây dựng kế hoạch trên cơ sở chỉ tiêu áp đặt từ trên xuống dưới và thay bằng chế độ thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kế hoạch kinh tế đội sản xuất phải là một bộ phận trong kế hoạch của hợp tác xã; kế hoạch phải xuất phát từ khả năng lao động đầu tư vốn hiện có và khả năng liên kết, liên doanh giữa ba khu vực kinh tế: Quốc doanh, tập thể và gia đình. Thành ủy còn nhấn mạnh: Các đội sản xuất, các ngành kinh tế, các khâu dịch vụ phải hợp tác, cùng tác động vào sản phẩm cuối cùng, đồng thời phải xác định rõ ràng trách nhiệm và lợi ích, không được bắt ngành này phải gánh chịu thua lỗ cho ngành kia; thực hiện hạch toán từng cây, từng con, từng ngành nghề, từng khâu dịch vụ, hạch toán từng đội sản xuất đến hợp tác xã; phải đảm bảo mọi ngành nghề sản xuất có lãi từ 30% đến 40%; phải xóa bỏ chế độ phân phối theo công điểm, chuyển sang phân phối theo hiện vật là chủ yếu, dựa trên cơ sở định mức đơn giá và hạch toán theo ngành, theo đội đến hợp tác xã.



Những quan điểm, phương hướng trên chính là tư tưởng chỉ đạo của Thành ủy, giúp cho các đơn vị sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực trong những năm sau.

Từ năm 1988, Thành phố bắt đầu thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được củng cố. Người lao động thực sự yên tâm phấn khởi sản xuất. Cơ cấu cây trồng được bố trí lại một cách hợp lý. Những giống mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất. Diện tích trồng cây vụ đông không ngừng mở rộng. Đời sống nông dân từng bước được cải thiện, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cùng với sản xuất nông - lâm nghiệp, những năm 1986 - 1988 cũng chứng kiến một chặng đường đầy khó khăn mà Ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Thành phố phải vượt qua để từng bước vươn lên.

Từ năm 1986, các xí nghiệp công nghiệp Thành phố mới được thành lập, đang trong quá trình hình thành, kiện toàn từng mặt để đưa sản xuất đi dần vào thế ổn định. Vào thời điểm ấy, các xí nghiệp gặp nhiều khó khăn về vật tư, thiết bị... Tình trạng này



đến năm 1987 càng trở nên nghiêm trọng. Nhiều vật tư quan trọng, như tôn làm chậu men, than cho đúc gang... không được cung ứng kịp thời, mãi tới đầu quý IV năm 1987 mới có. Sợi dây chỉ được cấp 52 tấn so với nhu cầu 72 tấn; cát cọ được cấp 392 tấn so với nhu cầu 600 tấn... Mặc dù vậy, ngay trong năm 1986, các xí nghiệp đã phấn đấu đưa tổng giá trị sản lượng hàng hóa lên 9,6 triệu đồng (đạt 121% so với chỉ tiêu). Một số sản phẩm chủ yếu tuy mới đạt 80% mức kế hoạch, nhưng đều tăng hơn so với năm 1985:

- Vải màn từ 200.000 mét (1985) đã tăng hơn 500.000 mét (năm 1986).

- Sản phẩm nhựa trong năm 1985 mới sản xuất thử, đến năm 1986 đã sản xuất được 60.000 đôi dép các loại 3.000m² vải giả da¹.

Thực hiện Quyết định 217 (14-1-1987) của Hội đồng Bộ trưởng về "Đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh", sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp Thành phố có bước chuyển mạnh. Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, các xí nghiệp công nghiệp của Trung ương và tỉnh trên địa bàn Thành phố vẫn giữ vững nhịp độ sản xuất,

1. Báo cáo công tác năm 1986... Tlđđ, tr. 2, 3.



hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Nhiều xí nghiệp và Nhà máy quốc phòng đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tạo ra nhiều sản phẩm mới, góp phần tăng khối lượng hàng hóa trên lãnh thổ.

Nhiều cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp Thành phố cũng có những nỗ lực chủ quan cao, tự tìm cách tháo gỡ khó khăn để hoàn thành kế hoạch và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm 1986, tổng giá trị sản lượng tiểu, thủ công nghiệp đạt trên 6 triệu đồng (tăng 10% so với kế hoạch); trong đó khối chuyên nghiệp đạt 33,3 triệu đồng (96% kế hoạch)¹... Năm 1987, tính chung cả công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, giá trị tổng sản lượng đạt 65.179.000 đồng (tăng 2% so với kế hoạch và tăng 7,19% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, khối xí nghiệp quốc doanh đạt 7.300.000 đồng, khối hợp tác xã chuyên nghiệp đạt 30.800.000 đồng và khối phường, xã đạt 27.000.000 đồng. Đến năm 1988, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tăng lên 79.414.000 đồng. Trong đó, khối phường, xã đạt 50.000.000 đồng (tăng 54% so với kế hoạch và tăng 23.000.000 đồng so với cùng kỳ năm trước). Cùng thời gian này, Thành phố có 14 hợp tác xã trong tổng số 20 hợp tác xã hoàn

1. Báo cáo công tác năm 1986... Tlđd, tr. 2, 3.



thành kế hoạch năm, tiêu biểu là các hợp tác xã cơ khí Bắc Nam, Cửu Long, Hồng Hà, Cộng Lực, Tân Thành, Bắc Hà, Tiên Phong; có 12 trong tổng số 22 mặt hàng chủ yếu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch: Mảnh cọ 111%, thảm đay 116%, khăn mặt 173%, dép chính phẩm đạt 223%...¹.

Như vậy, dù gặp nhiều khó khăn về vật tư, thiết bị, sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp Thành phố vẫn có sự tăng trưởng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân mỗi năm trong thời gian này (1986 - 1988) là 10,4%. Nhiều mặt hàng mới (các tông, đồ gang đúc, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, thảm bẹ ngô...) được đưa vào lưu thông. Bước chuyển biến quan trọng là các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh do phường, xã quản lý đã phát triển khá mạnh, giải quyết việc làm cho gần 3.000 lao động. Nhiều cơ sở tự bỏ vốn đầu tư ban đầu hàng chục triệu đồng (Tổ hợp cơ khí Phan Đình Phùng, Tổ hợp sản xuất bột mầu, Tổ đúc gang và luyện thiếc Gia Sàng...). Hợp tác xã sản xuất thảm và chiếu xe đan bẹ ngô phường Cam Giá cũng mạnh dạn bỏ vốn mua sắm công cụ sản xuất, thuê kỹ thuật, đi từ không đến có và chỉ trong thời gian ngắn

1. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1988... Tlđd, tr.3.



đã thu được một khối lượng sản phẩm trị giá trên 50.000.000 đồng, tạo việc làm cho trên 100 lao động. Các cơ sở sản xuất ở các phường, xã Gia Sàng, Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Quan Triều, Phúc Hà, Phúc Trìu có nhiều năng động, sáng tạo trong việc vận dụng chủ trương xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, góp phần tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội và tăng thu nhập cho người lao động.

Những kết quả trên chứng minh một hướng đi đúng đắn do Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X vạch ra. Tuy nhiên, đây mới chỉ là kết quả bước đầu và bên cạnh đó còn có một số hạn chế. Trong số hơn 40 loại sản phẩm chủ yếu, mới có trên 10 loại đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tốc độ phát triển hàng năm còn rất chậm và chưa vững chắc.

Nguyên nhân của tình trạng trên, ngoài khó khăn về vật tư, thiết bị, còn do chưa kịp thời đề ra những chính sách hợp lý có tác dụng khuyến khích sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phát triển; giá cả điều chỉnh liên tục, sản phẩm hàng hóa không cân đối kịp giữa đầu vào và đầu ra. Ngoài ra, sự tăng trưởng chậm chạp trong sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp còn do cán bộ lãnh đạo không chuyển kịp với cơ chế quản lý mới.



Sự phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp dù chỉ là bước đầu và còn nhiều mặt yếu kém, nhưng đã tạo điều kiện cho Thành phố chủ động nắm được nguồn hàng phục vụ cho xuất khẩu.

Đối với thành phố Thái Nguyên, mặt hàng chủ lực dành cho xuất khẩu là lạc, chè, thảo đay, mảnh cọ... Riêng trong năm 1987, ngành Ngoại thương đã thu mua xuất khẩu được 731 tấn lạc vỏ (vượt 31 tấn so với chỉ tiêu), tương đương 300 tấn lạc nhân; chè búp được 3,2 tấn (vượt 700 kg so với chỉ tiêu), thảo đay đạt 35.000m² (vượt 10.000 m² so với chỉ tiêu). Sang năm 1988, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.000.000 Rúp Đôla. Một số mặt hàng tăng khá: Thảo đay tăng trên 3 lần so với năm 1985 và có thêm một số mặt hàng mới, như thảo bẹ ngô, quần áo may sẵn.

Nhìn chung, mặt hàng xuất khẩu còn nghèo và giá trị hàng xuất khẩu mới đạt 2/3 so với chỉ tiêu (1 triệu/1,5 triệu Rúp Đôla). Cây chè - một thế mạnh của địa phương - chưa được đầu tư và thâm canh kém, nên năng suất thấp. Nhà nước lại chưa có chính sách thỏa đáng để khuyến khích người sản xuất, nên Thành phố không quản lý được sản phẩm. Hoạt động của ngành Ngoại thương Thành phố trong những năm này đang đứng trước những khó khăn về cơ chế, chính sách, về phương thức mua, đổi hàng... Đó cũng chính là những vấn đề



đặt ra cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ Thành phố sớm có những giải pháp đúng đắn.

Phân phối lưu thông vốn là một mặt trận nóng bỏng, có nhiều rối ren, phức tạp. Giải quyết tốt vấn đề phân phối lưu thông sẽ trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống nhân dân. Nhận rõ điều này, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X đã nêu rõ hướng phấn đấu là vươn lên nắm trọn bán buôn, chi phối bán lẻ; chú trọng khai thác hàng địa phương và chế biến hàng, thay đổi cơ chế kinh doanh từ hành chính, quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đáp ứng những nhu cầu cơ bản của sản xuất và đời sống, quản lí, cải tạo thị trường, ổn định giá cả.

Theo phương hướng ấy, từ khi bước vào thời kì đổi mới, công tác phân phối lưu thông ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực. Riêng trong năm 1987, doanh số mua và bán của các đơn vị kinh doanh đều vượt kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết 02 của Trung ương Đảng về phân phối lưu thông và các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngoài việc ra Nghị quyết 01 về phân phối lưu thông, ngày 15/10/1987, Thành uỷ ra Thông báo số 28-TP về việc chuyển hướng hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán sang hạch toán kinh



doanh xã hội chủ nghĩa, đồng thời mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho 24 cán bộ xã, phường.

Thông báo 28-TP của Thành uỷ xác định hợp tác xã mua bán là một tổ chức thương nghiệp tập thể của nhân dân lao động, một thành phần của ngành Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, hợp tác xã mua bán phải tận lực phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, chủ yếu là ba chương trình kinh tế của Thành phố, phục vụ tốt đời sống của nhân dân; phải mở rộng mạng lưới, cải tiến phương thức phục vụ, tăng thêm quỹ hàng bán lẻ... Các cơ sở phường phải hết sức coi trọng mở các ngành dịch vụ, khôi phục lại các lò rèn, sửa chữa cơ khí và đồ điện, tổ chức kinh doanh ăn uống ở những nơi có nhu cầu.

Thông báo còn xác định các yêu cầu cụ thể đối với việc đổi mới cơ chế quản lý của hệ thống hợp tác xã mua bán, chuyển hoạt động sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ngày 5/8/1988, Ban Thường vụ Thành uỷ ra Nghị quyết số 124/NQ-TP về "Một số vấn đề phát triển kinh tế phường, xã và công tác phân phối lưu thông trong tình hình hiện nay".

Được sự chỉ đạo sát sao của Thành uỷ, hoạt động của các hợp tác xã mua bán dần dần đi vào nền nếp, từng bước chủ động thu mua hàng tận gốc và đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng. Nhiều phường, xã



mở các cơ sở sản xuất, dịch vụ, làm ra được nhiều sản phẩm. Trên địa bàn Thành phố, 46 điểm bán hàng mới được mở thêm.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết 02/TW và các Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng, Thành phố còn gặp nhiều khó khăn và bộc lộ một số hạn chế: Chưa đạt được mục tiêu 4 giảm và cũng chưa thực hiện được chính sách bán một giá; nhiều cơ sở kinh doanh thiếu năng động; giá thành sản phẩm còn cao; chất lượng (ăn, uống, dịch vụ) còn kém; phương thức quản lí thị trường ở phường, xã còn nặng quan liêu, hành chính, mệnh lệnh; chưa chịu mở rộng kinh doanh để chiếm lĩnh thị trường.

Những hạn chế trên đây từng bước được khắc phục. Từ năm 1988, hoạt động phân phối lưu thông Thành phố chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động liên kết, liên doanh. Trong năm này, hàng liên kết chiếm 30% tổng giá trị hàng hóa. Các cơ sở thực hiện khoán doanh số, khoán quỹ lương, mở thêm nhiều quầy hàng lưu động, kinh doanh tổng hợp, từng bước chiếm lĩnh thị trường. Thị trường có tổ chức được giữ vững và có mặt phát triển. Doanh số bán lẻ đều tăng khá, đạt gần 20 tỷ đồng. Cung ứng vật tư cho sản xuất và các hoạt động dịch vụ khác (bảo vệ vật nuôi, cây trồng, sửa chữa...) có nhiều tiến bộ, đạt kết quả cao trên cả hai mặt: Phục



vụ và tích lũy cho ngân sách. Hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán, nhất là ở cấp phường, xã có nhiều tiến bộ đáng kể. Tính riêng doanh số bán lẻ của hợp tác xã mua bán phường, xã trong năm 1988 đã đạt 345 triệu đồng. Các cửa hàng Quan Triều, Đồng Quang, Trưng Vương, Hoàng Văn Thụ có doanh số bán ra lên tới 50 triệu đồng một năm. Các tổ hợp, hợp tác xã dịch vụ cũng phát triển mạnh, có doanh số bán ra gần 280 triệu đồng một năm¹.

Với chủ trương mở cửa thị trường và kinh doanh tổng hợp, thị trường xã hội trên địa bàn Thành phố ngày thêm nhộn nhịp, đa dạng và phong phú về mặt hàng, đáp ứng sức mua của người tiêu dùng. Nguồn hàng từ ngoài đưa vào Thành phố ngày một gia tăng, thu hẹp dần sự mất cân đối gay gắt giữa cung và cầu. Tình trạng trượt giá trên thị trường giảm hơn những năm trước. Giá lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng dần dần đi vào thế ổn định. Nhưng bên cạnh đó, tính năng động, sáng tạo của nhiều cơ sở còn yếu. Việc nắm tiền, nắm hàng - kể cả nguồn hàng liên doanh, liên kết - chưa theo kịp với cơ chế kế hoạch kết hợp với thị trường. Việc cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất có lúc, có nơi còn chậm, thiếu đồng bộ; thị trường có lúc rối ren, giá cả biến động mạnh.

1. Báo cáo công tác năm 1988... tldđ, tr.4.



Việc chăm lo cải thiện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Đảng bộ Thành phố quan tâm. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X đã nêu lên nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục - xã hội: "Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở cả 3 ngành học, kể cả văn hóa, đạo đức, hướng nghiệp, dạy nghề và lao động sản xuất. Riêng bổ túc văn hóa đến năm 1990 phấn đấu hoàn thành phổ cập cấp I toàn Thành phố. Tăng cường chất lượng công tác nuôi dạy trẻ. Phát động quần chúng tham gia xây dựng trường sở, nhằm khắc phục và phấn đấu giảm bớt các lớp phải học ca 3... Tăng cường củng cố rạp hát ngoài trời, tăng cường cơ sở vật chất cho rạp và các đội chiếu bóng. Mở rộng mạng lưới truyền thanh hữu tuyến và vô tuyến ở khu Tây và khu Nam Thành phố... Thường xuyên chăm lo bảo vệ sức khỏe của nhân dân, làm tốt công tác khám và chữa bệnh..."¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, chất lượng 3 ngành học và đội ngũ giáo viên được nâng lên. So với thời gian trước,

1. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, tr.36.



việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường ở phường, xã thu được nhiều kết quả... Ngay trong năm 1986, từ 80 lớp phải học ca ba, đã giảm xuống còn 31 lớp. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, các ngành học, cấp học Thành phố vẫn cố gắng vươn lên, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh Bắc Thái trong năm học 1987-1988. Trong năm học này, ngành Giáo dục Thành phố có đội học sinh giỏi đi thi, đạt được giải của tỉnh và toàn quốc. Nhiều trường phổ thông cơ sở đạt danh hiệu trường tiên tiến.

Thi đua với các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp cố gắng vượt qua mọi khó khăn, giữ vững chất lượng đào tạo. Các trường Công nhân kỹ thuật 3, Công nghiệp cơ điện Việt Bắc, Trung cấp cơ khí luyện kim... biết kết hợp giáo dục với lao động sản xuất, vừa tạo thêm nhiều sản phẩm, vừa tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công nhân viên và học sinh.

Ngành Thông tin - Văn hóa - Thể dục thể thao Thành phố trong những năm 1986-1988 cố gắng bám sát nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đài truyền thanh Thành phố được công nhận là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về mạng lưới thông tin đại chúng.



Ngành Y tế Thành phố, với một mạng lưới trải rộng khắp 24 phường, xã được củng cố. Công tác khám, chữa bệnh có nhiều tiến bộ. Công tác vệ sinh, phòng bệnh được đẩy mạnh, hạn chế được dịch bệnh. Công tác kế hoạch hóa dân số được coi trọng. Tỷ lệ tăng dân số từ 1,4% (năm 1986) đã giảm xuống 1,31% (năm 1988).

Trong những năm 1986-1988, cùng với việc lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ Thành phố và các cấp chính quyền cố gắng tìm mọi biện pháp để giảm bớt khó khăn về đời sống, hướng chủ yếu là ra sức thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, mở mang các ngành nghề dịch vụ để tạo việc làm cho người lao động. Chỉ tính riêng năm 1987, nhờ phát triển sản xuất ở cơ sở phường, xã, Thành phố đã sắp xếp được việc làm cho gần 1.000 lao động. Ngoài ra, Thành phố còn thành lập một trung tâm hướng nghiệp, hai lớp may, một lớp mộc. Công tác tuyển sinh, tuyển lao động (kể cả tuyển lao động nước ngoài) cũng giải quyết được một số lượng lao động đáng kể (669 người). Các đối tượng thuộc diện chính sách (gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng...) được quan tâm giải quyết chế độ ưu đãi. Đảng bộ còn có một số chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ một phần khó khăn về đời sống của giáo viên, cán bộ y tế và những cán bộ có mức lương thấp.



Thành phố Thái Nguyên là một trung tâm kinh tế, chính trị, hành chính, văn hóa của tỉnh. Vấn đề xây dựng cơ bản, quản lý đô thị ngày càng trở thành một yêu cầu bức thiết. Nhận rõ điều đó, trong những năm 1986-1988, được sự quan tâm của Đảng bộ, Thành phố đã đầu tư vốn xây dựng 120.000 m² nhà ở và các công trình phúc lợi, như Nhà Văn hóa Thiếu nhi, khu chợ Bến Tượng; đồng thời từng bước hình thành các đường phố chính ở khu trung tâm với kinh phí trên 2 tỷ đồng được tạo từ 3 nguồn: Nhà nước, tập thể và cá nhân. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, thành phố Thái Nguyên đã cải tạo, nâng cấp và làm mới các tuyến đường Đội Cấn, đường vào Phúc Xuân, Phúc Hà, đường vào Công ty thuốc lá, Công ty thủy sản, Liên hiệp chăn nuôi, Trạm điện Tích Lương, Đán, cầu Phúc Trìu, Quang Vinh... đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Đến năm 1988, Thành phố đã xây dựng quy hoạch tổng thể các phường, xã, hình thành các cụm dân cư. Bộ mặt đô thị của Thành phố từng bước thay da, đổi thịt, nhưng vẫn còn nhiều tồn tại: công tác quản lý, xây dựng đô thị có nhiều mặt yếu kém; hệ thống đường giao thông nội, ngoại thành xuống cấp chậm được sửa chữa, nâng cấp do thiếu kinh phí...

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, thành phố Thái Nguyên là một trong những đơn vị đạt được nhiều thành tích. Trong tình hình diễn biến phức



tập, lại là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, các vụ việc hình sự và tiêu cực có những lúc tăng lên, nhưng nhìn chung tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội vẫn được giữ vững và có chiều hướng tiến bộ, nhất là những tháng cuối năm 1988.

Về công tác quân sự địa phương, trong các năm qua, công tác tuyển quân đều liên tục hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao; các đợt diễn tập đều đạt kết quả tốt; Việc xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên, triển khai công tác sẵn sàng chiến đấu đều được thực hiện có chất lượng tốt.

Tất cả những thành tựu và hạn chế trên mọi lĩnh vực hoạt động của Thành phố trong 3 năm (1986-1988) đều không tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là của Thành ủy.

Từ trong hoạt động thực tiễn phong phú và đầy thử thách theo tinh thần đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, Đảng bộ Thành phố từng bước trưởng thành trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Qua gần 3 năm (1986-1988), được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, bằng những chủ trương và biện pháp đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, Đảng bộ Thành phố có một bước đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế. Đảng bộ các phường Gia Sàng, Quan Triều, Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ... vừa là những điển



hình làm kinh tế giỏi, vừa là những Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Để đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức lí luận và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Trong thời gian này, Trường Đảng Thành phố, bằng nhiều hình thức thiết thực, đã mở 12 lớp học cho các đối tượng được phân cấp quản lí với gần 1.300 học viên; đồng thời duy trì lớp lí luận trung cấp cho trên 60 học viên. Việc đấu tranh tự phê bình và phê bình, làm trong sạch nội bộ Đảng được đẩy mạnh thường xuyên. Việc học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh uỷ được kịp thời triển khai hàng năm. Thông qua học tập, bồi dưỡng, chất lượng toàn diện của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng dần lên. Tính đến cuối năm 1988, Đảng bộ Thành phố có 135 cơ sở trực thuộc, với tổng số 9.813 đảng viên, trong đó có 95% số đảng viên đủ tư cách; số chi, đảng bộ nát kém đã được thanh toán, có 85 đảng bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ Thành phố được tỉnh uỷ Bắc Thái đề nghị Trung ương Đảng công nhận Đảng bộ vững mạnh.

Qua Đại hội Đảng bộ các cấp, không khí dân chủ, thẳng thắn trong bàn bạc, thảo luận và bầu cử được thể hiện rõ, là nét mới trong sinh hoạt Đảng. Gần



49% số cấp uỷ viên trong đảng bộ cơ sở đã được đổi mới, thực sự trẻ hóa. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên rõ rệt.

Hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng từng bước được đổi mới cho phù hợp với cơ chế quản lí mới. Uỷ ban nhân dân ở một số phường, xã hoạt động có hiệu lực. Tình hình kinh tế, xã hội ở những nơi ấy đều phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Hội đồng nhân dân các cấp đi dần vào hoạt động theo quy chế, từng bước phát huy vai trò, chức năng là cơ quan quyền lực cao nhất của từng cấp.

Liên đoàn lao động Thành phố đã hướng hoạt động vào việc động viên, giáo dục người lao động tích cực hưởng ứng 3 chương trình kinh tế.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất và các hoạt động khác, có nhiều đóng góp tích cực đối với phong trào thiếu niên, nhi đồng làm theo 5 điều Bác Hồ dạy. Hệ thống tổ chức Đoàn ở cơ sở được củng cố, góp phần đáng kể trong phong trào thi đua "Hai tốt" ở các trường học, cũng như trong phong trào áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố đã phát huy tốt vai trò của chị em trong việc thực hiện 3 chương



trình kinh tế. Nhiều điển hình tốt xuất hiện trên các lĩnh vực chăn nuôi, làm hàng xuất khẩu, trong phong trào thi đua cấy hết diện tích và đạt năng suất cao, cũng như trong cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và nuôi dạy con ngoan.

Hội Nông dân Thành phố chủ động phối hợp cùng các ngành, các cấp triển khai thực hiện cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp; động viên, giáo dục hội viên đẩy mạnh sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Thành phố làm tốt vai trò đoàn kết, động viên toàn dân tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, động viên nhân dân mua công trái, gửi tiền tiết kiệm, chống tiêu cực, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, nét nổi bật trong hoạt động của các đoàn thể quần chúng là tính công khai, tinh thần dân chủ. Điều đó đã khơi dậy và phát huy tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của quần chúng.

Bên cạnh những bước tiến mới, trong Đảng bộ vẫn còn một bộ phận đảng viên chưa thực sự phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thậm chí còn thoái hóa, biến chất. Chế độ sinh hoạt ở nhiều chi bộ chưa đi vào nền nếp. Nội dung sinh hoạt chi bộ còn nghèo nàn, chưa tập trung vào việc bàn bạc, giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội ở địa phương. Công tác



kiểm tra Đảng ở một số cơ sở bị buông lỏng. Công tác phát triển Đảng ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức. Một số cơ sở có tình trạng mất đoàn kết kéo dài. Hiện tượng vi phạm kỷ luật Đảng đến mức bị xử lý còn nhiều. Trong gần 2 năm (10/1986 - 3/1988), đã có 204 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 60 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng ¹.

Bộ máy chính quyền các cấp chưa làm đầy đủ chức năng quản lý toàn diện, chưa mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động. Vai trò của Hội đồng nhân dân chưa được phát huy theo luật định. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng có nơi, có lúc chưa theo kịp yêu cầu. Một số tổ chức còn lúng túng trong phương thức hoạt động.

Tóm lại, trong gần 3 năm thực hiện đổi mới, dù còn nhiều hạn chế, thiếu sót, nhưng có thể khẳng định: những mục tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ X đề ra "về cơ bản đã được thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Nhiều nhân tố mới với cách làm ăn năng động, sáng tạo đã xuất hiện... Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khá. Trong nông nghiệp đã chấm dứt tình trạng bao cấp tràn lan, chuyển

1. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên lần XI-3/1989, tr.10, 11.



sạch hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa... Thị trường được cởi mở, giao lưu hàng hóa được thông suốt..."². Đảng bộ Thành phố được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Đó chính là những nhân tố mới rất quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân Thành phố tiếp tục phấn đấu đi lên trong chặng đường tiếp theo.

*

* *

Bước vào những năm cuối của thập kỉ 80, tình hình quốc tế có nhiều chuyển biến quan trọng. Quan hệ Xô-Mĩ đã thực sự chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại". Cuối năm 1989, giữa Mĩ và Liên Xô chính thức chấm dứt cuộc "chiến tranh lạnh" kéo dài trên 40 năm. Hai nước Đức và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ, trở thành đối thủ nguy hiểm đối với Mĩ và Liên Xô. Các nước trong "Khối thị trường chung châu Âu" (EEC) trở nên rất mạnh. Trong khi đó, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Ở trong nước, sau hơn 2 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Nền

2. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên lần XI. Tlđđ, tr.12.



kinh tế hàng hóa nhiều thành phần bước đầu hình thành, vận động theo cơ chế thị trường có sự tham gia quản lý của Nhà nước. Lạm phát được kiềm chế, góp phần giảm bớt khó khăn về đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiều vấn đề kinh tế xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết. Đó là, nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động còn thiếu việc làm, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương và đời sống của một bộ phận nông dân bị giảm sút, văn hóa - giáo dục còn có mặt xuống cấp, tiêu cực xã hội vẫn tồn tại...

Tại thành phố Thái Nguyên, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X, công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, theo tinh thần đổi mới đạt được nhiều kết quả quan trọng. Bộ mặt kinh tế - xã hội của Thành phố có nhiều chuyển biến theo chiều hướng phát triển đi lên. Song, bên cạnh đó vẫn còn có những tồn tại gay gắt cần tiếp tục được khắc phục. Đến giữa năm 1988, Thành phố vẫn có 19.429 người (45,56% số nông dân) còn thiếu đói; trong đó, số đói gay gắt là 5.707 người (13,33%).

Tất cả tình hình trên ít, nhiều đều tác động đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.



Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, Thành uỷ Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI (từ ngày 29 đến ngày 30/3/1989).

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, Đại hội khẳng định: "Hơn 2 năm qua, trong thời gian không dài, Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã phấn đấu nỗ lực, vượt qua những thử thách, khó khăn gay gắt, là thời kì đấu tranh quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, giành được những thành tích quan trọng trên nhiều mặt, có thêm nhiều bài học kinh nghiệm, tạo tiền đề cho bước đi những năm tới. Mục tiêu do Đại hội lần thứ X đề ra về cơ bản đã được thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực và đã đạt và vượt nhiều mục tiêu"¹.

Bên cạnh thành tích đạt được, Đại hội cũng vạch rõ những khuyết điểm và những mặt yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ: "Kinh tế chưa phát triển cân đối. Mặt hàng mới có giá trị của công nghiệp, thủ công nghiệp tuy đã có, nhưng còn ít. Một số mục tiêu đề ra chưa thực hiện được... Nhiều người còn chưa có việc làm, đời sống của nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang,

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI - Số 01-NQ-TU-30/3/1989 - Tr. 1,2.



những người về hưu còn nhiều khó khăn, thị trường còn rối ren, phạm pháp hình sự còn nhiều. Công tác quản lý đô thị còn nhiều mặt yếu..."¹.

Nguyên nhân chính của những tồn tại trên là do "công tác điều hành của các cấp, các ngành, sự trì trệ, bảo thủ chưa được khắc phục ở từng nơi, từng lúc. Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ. Việc tổ chức điều hành và thể chế hóa các chủ trương, chính sách của các cấp chính quyền còn hạn chế... Một bộ phận đảng viên chưa thực sự phát huy vai trò tiên phong gương mẫu..."².

Trên cơ sở đánh giá tình hình, vạch ra những nguyên nhân của thành tích và tồn tại, Đại hội Đảng bộ thông qua phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong 2 năm (1989-1990), bao gồm những nội dung sau đây:

- Kiên quyết khắc phục sự bảo thủ, trì trệ cả trong nhận thức, tư duy và hành động...; mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở, mở rộng liên doanh, liên kết, chuyển nền kinh tế trên địa bàn Thành phố thành nền kinh tế hàng hóa phong phú, đa dạng và năng

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI - Số 01-NQ-TU-30/3/1989 - Tr. 1,2.

2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI... Tlđd, tr.2.



động. Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện cho được 3 chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Ổn định từng bước đời sống nhân dân, trước hết đối với công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, các đối tượng chính sách...; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa...

- Thực hiện tốt cuộc vận động "Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội"; đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao hiệu lực hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố và cơ sở, phân rõ chức năng quản lý Nhà nước với sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới hoạt động của các tổ chức quần chúng; tổ chức, động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, tham gia thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội.

Những mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội cũng được đề ra cùng với những biện pháp cụ thể.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 37 ủy viên (có 2 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Nguyễn Ngọc Yến được bầu làm Bí thư, phụ trách chung; đồng chí Bùi Xuân Hùng làm Phó Bí thư Thường trực và đồng



chí Nguyễn Văn Lạc làm Phó Bí thư, phụ trách chính quyền. Ban thường vụ Thành ủy gồm 11 đồng chí.

Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI là một sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển đi lên của thành phố Thái Nguyên. Nghị quyết của Đại hội có tác dụng soi sáng cho toàn Đảng bộ và nhân dân Thành phố phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi mặt công tác, tạo nên sự chuyển biến mới của Thành phố khi bước vào thập kỉ 90.

Sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, Thành ủy chủ trương tập trung sự chỉ đạo vào việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng "Về đổi mới quản lí kinh tế nông nghiệp", hướng dẫn các hợp tác xã đi vào sản xuất, kinh doanh tổng hợp; thương mại hóa các vật tư nông nghiệp chủ yếu, bán rộng rãi trên các quầy hàng phục vụ cho tất cả các thành phần kinh tế.

Được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, sản xuất nông nghiệp, cả trồng trọt và chăn nuôi ở Thành phố trong 2 năm (1989-1990) có nhiều chuyển biến rõ nét. Diện tích, sản lượng và năng suất cây trồng tăng lên đáng kể. Tính đến cuối năm 1989, tổng diện tích cây lúa toàn Thành phố là 5.347,8 ha; riêng diện tích lúa mùa đạt



3.450 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 17.291 tấn. Diện tích trồng màu và cây công nghiệp đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Bước sang năm 1990, dù thời tiết diễn biến phức tạp, diện tích cấy lúa vẫn đạt 5.351 ha (bằng 101% kế hoạch). Một số cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày tăng lên khá nhanh. Diện tích trồng khoai lang lên tới 1.191 ha, đạt 238% kế hoạch và vượt 600 ha so với cùng kì năm trước; rau xanh đạt 119% kế hoạch... Tuy nhiên, do bị ngập lụt và sâu bệnh phá hoại, làm mất trắng 446 ha (chiếm 8,7% tổng diện tích gieo trồng), nên năng suất lúa chỉ đạt 20,23 tạ/ha một vụ (bằng 73,56% kế hoạch), sản lượng đạt 13.175 tấn (hạt 3.825 tấn so với chỉ tiêu Đại hội đề ra)¹. Diện tích trồng ngô đông chỉ đạt 23,5% kế hoạch; đỗ, lạc, đạt từ 60% đến 70% kế hoạch².

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được giữ vững, không có tình trạng tranh chấp ruộng đất, đòi ruộng ông cha. Kinh tế vườn đồi phát triển theo hướng VAC. Việc trồng rừng theo chương trình PAM có nhiều chuyển biến tích cực. Tính đến năm 1990, diện tích trồng rừng đạt 787,85 ha, vượt 12% so với kế hoạch.

1, 2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1990 - Số 04/BC-TP-1/2/1991. Tr.1.



Cùng với trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được giữ vững. Đến năm 1990, tổng đàn trâu, bò của Thành phố là 8.417 con (đạt 107% kế hoạch). Riêng đàn lợn bị giảm sút do giá lương thực và thức ăn gia súc tăng, tỷ giá trao đổi không hợp lý.

Các ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong những năm 1989-1990 vẫn gặp khó khăn do thiếu vốn, hàng ngoại tràn vào chiếm ưu thế trên thị trường Thành phố. Mặt khác, các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp cũng chưa theo kịp yêu cầu khi bước vào thực hiện cơ chế mới. Trong hoàn cảnh ấy, hầu hết các cơ sở sản xuất đều thua lỗ, hoạt động cầm chừng, thậm chí ngừng sản xuất, sáp nhập hoặc giải thể, công nhân thiếu việc làm. Điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XI đề ra. Đến năm 1990, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp là 93.082.000 đồng (đạt 73,5% kế hoạch).

Mặc dù vậy, một số xí nghiệp công nghiệp và hợp tác xã thủ công nghiệp, với tính năng động, biết vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố, từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất, làm ăn có lãi, hoàn thành kế hoạch và nộp ngân sách cao, đời sống người lao động được cải thiện. Trong số đó, điển hình nhất là Nhà máy cơ khí



3/2, Xí nghiệp may Việt-Đức, Công ty Điện lực, Công ty Xây dựng, Hợp tác xã Cộng lực, Hợp tác xã mảnh Tiên Phong, Xí nghiệp gỗ Bắc Hà, Xí nghiệp thủy tinh Dân Chủ.

Hoạt động thương nghiệp của Thành phố tiếp tục mở rộng và phát triển theo hướng chỉ đạo của Đảng bộ. Nhằm khắc phục những tồn tại trên mặt trận phân phối, lưu thông, thúc đẩy sản xuất phát triển, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI (3/1989) nêu rõ "Không bù lỗ cho các công ty kinh doanh (kể cả Công ty Ngoại thương Thành phố, Công ty Lương thực), chuyển toàn bộ hoạt động thương nghiệp sang hạch toán kinh doanh (kể cả lương thực)... Phải vươn lên khai thác tổng hợp các nguồn hàng, mở rộng liên kết, liên doanh với các đơn vị sản xuất và kinh doanh..."¹. Nghị quyết còn nhấn mạnh: "Các thành phần kinh tế bình đẳng trong kinh doanh trên thị trường theo đúng pháp luật và chính sách Nhà nước quy định; khuyến khích cạnh tranh lành mạnh nhằm đáp ứng tốt nhu cầu xã hội, xóa bỏ các hình thức kinh doanh trá hình. Chống làm và tiêu thụ hàng giả, hàng lậu. Tiếp tục mở cửa thị trường, giao lưu hàng hóa, liên kết chặt chẽ với các tỉnh và

1. Báo cáo chính trị của BCHĐB tại Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI. TLdd, tr.18.



các ngành trong cả nước hỗ trợ sản xuất, khai thác nguồn hàng hóa phục vụ nhu cầu Thành phố... Khuyến khích các đơn vị, cá nhân mang vật tư, lương thực về Thành phố nhằm nâng cao số lượng và chất lượng hàng hóa tiêu dùng trên địa bàn..."¹.

Thực hiện phương hướng do Đại hội Đảng bộ đề ra, trong những năm 1989-1990, với việc mở cửa thị trường, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, hàng hóa trên địa bàn Thành phố ngày càng phong phú, đa dạng, giá cả tương đối ổn định, thuận lợi cho việc mua bán. Thị trường trên địa bàn Thành phố được sắp xếp, tổ chức lại. Đến năm 1990, Công ty quản lý và dịch vụ chợ được thành lập và nhanh chóng đi vào hoạt động có hiệu quả; chợ Trung tâm được cải tạo. Một số phường, xã (Quan Triều, Tân Long, Hương Sơn, Phú Xá...) chủ động huy động vốn xây dựng chợ trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán ngày càng tăng của nhân dân. Cùng thời gian này, hệ thống thương nghiệp quốc doanh đã chuyển hẳn sang cơ chế khoán, kinh doanh có lãi, vừa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, vừa hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Một số hợp tác

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên lần thứ XI-3/1992. Tr.17.



xã mua bán do kinh doanh kém hiệu quả, bị thua lỗ, đã bị giải thể hoặc chuyển hình thức kinh doanh.

Năm 1989 là năm đầu tiên thành phố Thái Nguyên được phân cấp tự cân đối ngân sách trên địa bàn. Cũng do đó, trong thời gian đầu, công tác tài chính gặp nhiều khó khăn, thu không đủ chi, trả lương chậm, có lúc phải đi vay để trả lương cho cán bộ, công nhân viên. Nhưng nhờ có sự nỗ lực cao độ, Ngành Tài chính Thành phố nhanh chóng vượt qua khó khăn ban đầu và từ cuối năm 1989, về cơ bản đã tự cân đối được thu, chi ngân sách. Tổng thu ngân sách năm 1990 là 3,5 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch và tăng 51% so với năm 1989¹.

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, văn hóa, công tác quản lý đô thị và xây dựng cơ bản trong những năm 1989-1990 cũng có nhiều chuyển biến mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI. Đây là thời gian Thành phố tiếp tục triển khai thực hiện bước 2 Chỉ thị 06 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập lại trật tự kỷ cương, về xây dựng và quản lý đô thị. Tuy gặp nhiều vướng mắc, cản trở, nhưng nhờ có sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành chức năng,

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên lần thứ XII - 3/1992. Tr.17.



nên đến năm 1990, về cơ bản, Thành phố đã hoàn thành việc giải phóng các lễ đường. Trên cơ sở đó, Thành phố tiến hành quy hoạch các khu dân cư, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, mở rộng các trục đường nội, ngoại thành.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, bằng các nguồn vốn huy động, Thành phố đầu tư khoảng 2,5 tỷ đồng vào việc cải tạo, nâng cấp một số trục đường chính khu nội thành, đường vào Nghĩa trang Dốc Lim; đồng thời căn bản hoàn thành việc san ủi đồi Két nước, đổ đất nâng cấp Vườn hoa Sông Cầu, khảo sát thiết kế chợ Trung tâm. Công trình Nhà Văn hóa thiếu nhi Thành phố sau nhiều năm ách tắc, lúc này được đầu tư xây dựng với số vốn trên 300 triệu đồng. Cùng thời gian này, Thành phố đã hoàn thành xây dựng 7 trạm biến thế và một số tuyến đường dây tải điện phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Bộ mặt Thành phố từng bước khởi sắc.

Bên cạnh đó, công tác quản lý đô thị và xây dựng cơ bản vẫn còn nhiều hạn chế. Một số công trình thi công chậm; việc quản lý lễ đường, cống rãnh thoát nước ở đường phố và các khu dân cư chưa tốt; cảnh quan và vệ sinh môi trường chưa đẹp mắt và chưa đảm bảo. Việc phân cấp quản lý giữa Tỉnh với Thành phố, giữa Thành phố với phường, xã chưa rõ ràng,



nên một số tuyến đường xuống cấp nhanh chưa được đầu tư sửa chữa.

Văn hóa - Giáo dục - Y tế là những mặt công tác luôn luôn được Đảng bộ Thành phố quan tâm. Nhận rõ vị trí hàng đầu của sự nghiệp giáo dục trong chiến lược con người, Đảng bộ đã dành sự đầu tư thích đáng cho ngành Giáo dục Thành phố.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI chỉ rõ: Trong 2 năm tới, công tác giáo dục phải hướng trọng tâm vào việc từng bước ổn định tình hình và nâng cao chất lượng. Phải đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; tiếp tục điều chỉnh cải cách giáo dục theo hướng nâng cao chất lượng kiến thức văn hóa và rèn luyện đạo đức cho học sinh. Phải bảo đảm các nhu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất của các trường; giải quyết đủ bàn ghế cho các trường phổ thông cơ sở, kiên quyết xóa bỏ học ca 3. Các trường chuyên nghiệp tích cực tham gia sản xuất hàng hóa và đào tạo nghề nghiệp cho thanh niên Thành phố... Đổi mới công tác quản lý giáo dục, mở rộng quyền chủ động cho trường học, phân cấp cho các phường, xã trong công tác quản lý, phát triển và tự trang trải kinh phí giáo dục.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, ngành Giáo dục Thành phố có những bước chuyển biến mới so với thời gian trước. Một số



trường học đã biết gắn các hoạt động giáo dục với 3 chương trình kinh tế lớn. Đội ngũ giáo viên được củng cố và nâng cao dần về chất lượng. Tuy vậy, trong thời gian đầu, hệ thống trường, lớp của Thành phố vẫn chưa ổn định, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Một bộ phận giáo viên còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa thực sự yêu ngành, yêu nghề. Tư cách, phẩm chất của người thầy giáo có nơi, có lúc bị lu mờ. Hiện tượng lười học, phạm pháp hình sự, tiêu cực xã hội ở lứa tuổi học sinh có chiều hướng tăng lên. Công tác phổ cập cấp I, xóa mù chữ chưa được đẩy mạnh thường xuyên... (Đến năm 1989, Thành phố vẫn còn gần 100 người mù chữ).

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 4/9/1989, Ban Thường vụ Thành uỷ ra Nghị quyết 01/NQ-TP "Về công tác giáo dục 1989-1990". Nghị quyết xác định mục tiêu chung là "Tiếp tục củng cố, ổn định và phát triển sự nghiệp giáo dục phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội theo hướng đổi mới với trọng tâm là tiếp tục điều chỉnh cải cách giáo dục, kiên quyết xóa mù chữ, thực hiện phổ cập cấp I, quan tâm tốt chất lượng toàn diện... Đổi mới phương pháp dạy và học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trên các mặt chính trị, đạo đức, văn hóa, khoa học và giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo



hướng tiêu chuẩn hóa, đa dạng hóa các loại trường lớp từ mầm non đến phổ thông, mở thêm trường, lớp năng khiếu, thực hiện dân chủ hóa trường học. Phấn đấu giữ vững là đơn vị dẫn đầu về công tác giáo dục của tỉnh".

Ban Thường vụ Thành uỷ cũng vạch ra những nhiệm vụ và một số biện pháp thực hiện chủ yếu, trong đó nhấn mạnh: Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nằm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô loại hình phải phù hợp với yêu cầu và khả năng kinh tế của Thành phố và từng cơ sở phường, xã.... Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo mục tiêu, phù hợp với yêu cầu của cải cách giáo dục, trước hết quan tâm giải quyết chất lượng đạo đức và văn hóa... đầu tư các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác giáo dục...

Quán triệt Nghị quyết 01 của Ban Thường vụ Thành uỷ, vượt qua nhiều khó khăn, các trường chuyên nghiệp và các trường phổ thông giữ vững nền nếp dạy và học. Trong các trường chuyên nghiệp, công tác đào tạo bắt đầu chuyển theo hướng đa dạng. Hầu hết các trường, nhất là các trường kỹ thuật đều mở rộng hệ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các thành phần kinh tế. Một số trường chuyên nghiệp mở thêm ngành, nghề, sản xuất hàng



hóa, hoạt động dịch vụ, thương mại, góp phần cải thiện đời sống của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Để nhanh chóng xóa bỏ tình trạng học ca 3 và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, Thành ủy tập trung giải quyết sự yếu kém về cơ sở vật chất của các trường học. Ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục trong năm 1990 trên 1,5 tỷ đồng, trong đó có 250 triệu đồng dành cho việc mua sắm bàn, ghế và xây dựng phòng học. Nhờ vậy, từ chỗ có 43 lớp phải học ca 3 đầu năm học, cuối năm học chỉ còn 12 lớp. Ngành học phổ thông đã quy hoạch mạng lưới trường, lớp, xây dựng và nâng cao chất lượng mô hình trường chuyên, lớp chọn. Ngành học mầm non chuyển biến rõ rệt theo hướng đa dạng hóa loại hình nhà trẻ, phù hợp với cơ chế quản lý mới. Công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho giáo viên được coi trọng. Đội ngũ thầy, cô giáo giỏi, học sinh giỏi ngày một tăng. Công tác xóa mù chữ và phổ cập cấp I được chú trọng. Tính đến tháng 4/1990, cả 24 phường, xã được Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I.

Ngành Văn hóa - Thông tin Thành phố tiếp tục duy trì nền nếp hoạt động. Phối hợp với các ngành, các đoàn thể, ngành Văn hóa - Thông tin Thành phố tổ chức tốt các ngày lễ kỷ niệm, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông



qua các hình thức tuyên truyền, cổ động, mở rộng mạng lưới truyền thanh đến các phường, xã, ngành Văn hóa - Thông tin đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, mê tín dị đoan, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã chủ nghĩa. Phong trào văn hóa, văn nghệ ở một số cơ sở vẫn được duy trì. Nhiều đội văn nghệ, nhiều nhóm ca khúc hoạt động có hiệu quả. Các Nhà văn hóa, Câu lạc bộ cũng được đổi mới về phương thức hoạt động. Các Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp được củng cố một bước về tổ chức, mạnh dạn đầu tư chiều sâu, nâng cao trình độ dàn dựng và biểu diễn.

Việc chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân Thành phố. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhấn mạnh cần phải chủ động phòng các bệnh xã hội, nhất là các bệnh của trẻ em, nâng cao chất lượng của các cơ sở y tế Nhà nước, đi đôi với mở rộng các hình thức dịch vụ, phục vụ sức khỏe của tập thể và tư nhân, đầu tư xây dựng Trung tâm sinh đẻ có kế hoạch của Thành phố.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, ngành Y tế Thành phố có nhiều cố gắng trong việc tổ chức phòng, chữa bệnh. Mạng lưới y tế từ Thành phố xuống các cơ sở phường, xã được củng cố và kiện toàn. Các trạm xá phường, xã được tăng cường thêm



10 cán bộ y tế. Cơ sở vật chất và các phương tiện khám, chữa bệnh ở nhiều trạm xá được trang bị khá đầy đủ. Việc tiêm chủng phòng dịch bệnh hàng năm được duy trì. Riêng trong năm 1990, Ngành đã tổ chức khám và chữa bệnh cho hơn 85.000 lượt người, tiêm chủng cho 3.107 cháu, đạt 85,13% số các cháu trong độ tuổi tiêm phòng. Ngành Y tế Thành phố còn phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tổ chức tốt chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Công tác quốc phòng toàn dân tiếp tục được đẩy mạnh. Cơ quan quân sự các cấp từ Thành phố xuống các phường, xã đều duy trì tốt chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, thực hiện tốt công tác tổ chức và huấn luyện quân sự hàng năm. Hầu hết các phường, xã đều có sĩ quan tăng cường cơ sở đảm nhận công tác quân sự. Toàn Thành phố có 112 đơn vị, cơ quan, xí nghiệp xây dựng được phương án chiến đấu tại chỗ. Các đợt diễn tập đều đạt kết quả tốt. Các đợt tuyển quân cũng luôn luôn hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu được giao, thực hiện đúng luật định. Riêng năm 1990, Thành phố đã tổ chức 2 đợt, tuyển được 500 thanh niên vào bộ đội, đồng thời mở 3 lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ dân quân, tự vệ và cán bộ xã, phường.

Là một thành phố nằm gần Thủ đô Hà Nội, mật độ dân cư và lưu lượng người qua lại ngày càng lớn, lại tập trung nhiều trường đại học và trung học



chuyên nghiệp, nên tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đối với thành phố Thái Nguyên luôn luôn là một vấn đề được đặt ra rất gay gắt. Trong những năm 1989-1990, các vụ trộm cắp và tệ nạn xã hội tăng nhanh. Các vụ phạm pháp hình sự cũng ngày càng tăng. Riêng năm 1990, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 616 vụ phạm pháp, tăng 9 vụ so với năm 1989. Tai nạn, tệ nạn xã hội trong năm 1990 cũng lên tới 210 vụ, tăng 70 vụ so với năm 1989.

Trước tình trạng trên, được sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, thực hiện Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, lực lượng công an Thành phố tăng cường tấn công truy quét bọn tội phạm. Riêng trong năm 1990, công an Thành phố liên tục mở 6 đợt tấn công truy quét bọn tội phạm hình sự, điều tra, khám phá được 344 vụ/616 vụ, bắt giữ 35 đối tượng có lệnh truy nã, khám phá nhiều ổ nhóm trộm cắp, thu hồi 280 triệu đồng.

Tuy nhiên, do tình hình quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, nên các hiện tượng tiêu cực và tai nạn, tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố vẫn có chiều hướng tăng lên. Cũng do vậy, vấn đề giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trở thành một trong những mục tiêu công tác hàng đầu của Đảng bộ Thành phố trong những năm tiếp theo.



Nhận rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, Thành uỷ đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo công cuộc đổi mới. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI chỉ rõ "Công tác Đảng phải gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, gắn với việc khoán thu ngân sách ở các cơ sở", phải "cải tiến sinh hoạt của các cấp uỷ theo phương thức thực sự dân chủ nhằm tập trung tốt nhất trí tuệ của các cấp uỷ viên. Tập trung sức củng cố cơ sở Đảng theo quan điểm đổi mới về cơ chế quản lí, kiện toàn các Ban tham mưu của Đảng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ chuyên viên, thiết lập và cải tiến hệ thống thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu phục vụ lãnh đạo, thực hiện lãnh đạo có kiểm tra...".

Nhằm nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và quần chúng, Thành uỷ thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho mọi người hiểu sâu sắc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương. Mọi chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ được kịp thời triển khai học tập trong Đảng và quần chúng. Từ đầu năm 1990, Thành uỷ đã duy trì hội nghị báo cáo viên hằng tháng. Nhiều cơ sở làm tốt công tác thông tin thời sự, chính sách cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.



Riêng năm 1990, Đảng bộ Thành phố đã lãnh đạo và tổ chức hơn 1.200 buổi nói chuyện thời sự và học tập các nghị quyết của Đảng cho gần 61.000 lượt người tham gia. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Ngay năm 1989, Thành uỷ đã hoàn thành chương trình giáo dục trung cấp lí luận theo hệ tại chức cho đảng viên; đồng thời tổ chức được 2 lớp bồi dưỡng về quản lí kinh tế và công tác xây dựng Đảng cho 145 học viên là cấp uỷ viên mới ở cơ sở.

Công tác kiểm tra của Đảng bộ trong thời gian này chủ yếu tập trung vào việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 24 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về "Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng", đồng thời với việc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về chống tham nhũng.

Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ và kiên quyết của Ban Thường vụ Thành uỷ, công tác kiểm tra thu được kết quả tốt. Đến năm 1990, Đảng bộ Thành phố đã có 100% cơ sở Đảng được hướng dẫn quy trình tiến hành công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng; 101 cơ sở tiến hành hoàn chỉnh các bước với 7.906 đảng viên được kiểm tra. Trong đó, số đảng viên chấp hành tốt Điều lệ Đảng chiếm 88%, số chấp hành chưa tốt 9% và số vi phạm Điều lệ Đảng là 2%.

Việc giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại được tiến hành khẩn trương, thận trọng, dân chủ và tập



trung đứt điểm, không có sai sót lớn. Năm 1990, Thành uỷ đã giải quyết được 91,67% số đơn, thư khiếu tố và 100% đơn khiếu nại. Kết quả đó góp phần nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng.

Song song với việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị và phẩm chất, tư cách đảng viên, việc xây dựng Đảng về tổ chức cũng được đẩy mạnh thường xuyên. Công tác phát triển Đảng được coi trọng, 2 năm 1989-1990, Đảng bộ kết nạp được 324 đảng viên mới. Việc xem xét kỉ luật đối với đảng viên vi phạm cũng được tiến hành nghiêm túc và kịp thời. Chín tháng đầu năm 1989, Thành uỷ đã xử lí kỉ luật 41 đảng viên; trong đó có 3 trường hợp khai trừ, 16 trường hợp xóa tên trong danh sách đảng viên¹.

Được quan tâm xây dựng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, cho nên dù tình hình thế giới và trong nước có nhiều sự kiện tác động xấu đến mọi mặt đời sống xã hội, nhưng nhìn chung đa số đảng viên trong Đảng bộ Thành phố vẫn kiên định lập trường, có thái độ rõ ràng, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Các tổ chức cơ sở trong Đảng bộ Thành phố vẫn được củng cố và phát triển, phát huy được vai trò lãnh đạo đối với mọi hoạt động ở cơ sở và

1. Thông báo kết luận của BCH Đảng bộ Thành phố tại kì họp lần thứ 4 (khóa XI) - Số 27/TB-TP - 10/10/1989, tr.6.



đơn vị. Đến cuối năm 1990, Đảng bộ Thành phố có 52,6% tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, 37,6% tổ chức cơ sở Đảng khá và 9,8% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém.

Trong sự nghiệp đổi mới, việc nâng cao hiệu lực quản lí của bộ máy chính quyền Nhà nước cũng là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng. Nhận thức rõ điều đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XI nhấn mạnh phải tăng cường củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp. Trước mắt cần tập trung củng cố bộ máy cấp phường, xã có đủ sức lãnh đạo và xây dựng cấp phường, xã thành một cấp quản lí Nhà nước toàn diện. Phải sắp xếp bộ máy các phòng, ban tham mưu của Ủy ban nhân dân Thành phố và các công ty, xí nghiệp theo hướng gọn nhẹ, hiệu lực cao; kiên quyết cắt bỏ những khâu trung gian không thiết thực, đồng thời giảm mạnh biên chế, chuyển sang sản xuất dịch vụ... Phải nâng cao năng lực làm việc các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; cải tiến hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm nâng cao hiệu lực kiểm tra, giám sát các hoạt động của chính quyền các cấp...

Theo phương hướng trên, được sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, bộ máy chính quyền từ Thành phố xuống các phường, xã từng bước được củng cố và kiện toàn. Năm 1989, tuy chưa sắp xếp ổn định được



bộ máy của các phòng Tài chính, Thuế công - thương nghiệp, nhưng Thành phố đã điều chỉnh ổn định được tổ chức của phòng Xây dựng và Công ty Quản lý công trình đô thị.

Để phát huy vai trò và chức năng của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, Thành ủy chỉ đạo các ngành, các cấp vận động cán bộ và nhân dân học tập chính sách, pháp luật của Nhà nước, tìm hiểu tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, luật bầu cử.

Hoạt động của hệ thống chính quyền và Hội đồng nhân dân các cấp từ đó đi vào nền nếp, nhịp nhàng, đúng chức năng. Công tác quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân từ Thành phố xuống cơ sở ngày càng có hiệu lực, biết tập trung giải quyết dứt điểm nhiều nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Ủy ban nhân dân các cấp đã chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, giảm bớt sự can thiệp sâu vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng nhân dân ở một số phường, xã còn bộc lộ sự lúng túng, chưa làm hết chức năng, nhất là chức năng giám sát. Hoạt động của Ủy ban nhân dân ở một số nơi còn nặng về sự vụ, chưa làm tốt chức năng quản lý.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng trong thời gian này có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt



động. Mỗi đoàn thể đều chủ động xác định được phương thức hoạt động thích hợp với đối tượng của mình; đồng thời tập trung chỉ đạo và kiểm tra, khắc phục một phần tình trạng hô hào chung chung như những năm trước. Một số tổ chức quần chúng biết gắn việc phát động thi đua nhân dịp các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm với việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề giáo dục truyền thống, giáo dục lòng tự hào dân tộc.

Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố thường xuyên có các phong trào thi đua thiết thực, nổi bật là phong trào "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi dạy con ngoan", góp phần hạ thấp tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học.

Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng khắc phục sự yếu kém của tổ chức Đoàn cơ sở đã từng kéo dài trong nhiều năm trước đó. Ban Thường vụ Thành Đoàn chủ động tham mưu cho cấp uỷ có định hướng mới về công tác lãnh đạo Đoàn Thanh niên. Hoạt động của các tổ chức Đoàn cơ sở ở nhiều xí nghiệp, trường học đi dần vào nền nếp, phát huy được vai trò xung kích trong lao động sản xuất, học tập và công tác.

*

* *

Trải qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, dưới sự lãnh đạo trực



tiếp của Thành uỷ, Đảng bộ Thành phố tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và thu được nhiều kết quả to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. "Kết quả đạt được có tính chất bao trùm là: Giữ vững ổn định chính trị, làm tốt công tác củng cố và xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảm bảo sự đoàn kết toàn dân, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội"¹.

Dù còn có những mặt hạn chế, yếu kém, nhưng chính từ những hạn chế ấy cùng với những thành tựu đạt được, Đảng bộ Thành phố đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm rất quý báu cho công tác lãnh đạo và chỉ đạo trên chặng đường tiếp theo.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Thành phố Thái Nguyên lần thứ XII - 3/1992. tr.29.



CHƯƠNG IV

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1991-1996)

Sau 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với sự chuyển biến của đất nước, thành phố Thái Nguyên đã có những bước tiến rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Song, những khó khăn, yếu kém vẫn còn nhiều, đòi hỏi phải tiếp tục giải quyết.

Trong bối cảnh lịch sử ấy ngày 8/2/1991, Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ 8 được tổ chức nhằm đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ chính trị của Thành phố trong năm 1991.

Hội nghị nhận định: Bước sang năm 1991, những khó khăn về kinh tế, xã hội vẫn chưa giảm, thậm chí có một số mặt còn gay gắt hơn. Do đó, tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ là giữ vững và ổn định tình hình mọi mặt, chủ động khai thác các yếu tố thuận lợi, tiềm năng sẵn có của địa phương. Các cơ sở phải năng động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, từng bước khôi phục nhịp độ phát triển sản xuất, tích



cực giải quyết việc làm cho người lao động, ổn định đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo ra một số tiền đề vững chắc cho những năm sau. Trên cơ sở đó, Hội nghị nêu lên một số nhiệm vụ lớn của Thành phố trong năm 1991.

Về kinh tế - xã hội, trước hết là sản xuất nông - lâm nghiệp, cần tập trung chỉ đạo sản xuất lương thực, phấn đấu đạt 17.000 tấn. Muốn vậy, ngoài việc làm cho nông dân thiết tha với sản xuất, cần phải cung cấp đầy đủ vật tư (phân bón, thuốc trừ sâu...), hướng dẫn nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất; hoàn chỉnh một bước hệ thống thủy lợi; khuyến khích nông dân các xã trồng các loại cây màu có giá trị kinh tế cao.

Thành uỷ chủ trương sắp xếp và củng cố hệ thống dịch vụ nông nghiệp, hình thành các cụm dịch vụ ở từng khu vực để kịp thời phục vụ sản xuất và chăn nuôi; tăng cường công tác chỉ đạo, từng bước ký kết hợp đồng dịch vụ và bảo hiểm vật nuôi, cây rừng giữa người sản xuất với công ty dịch vụ; cải tạo mạng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh trồng rừng theo chương trình PAM; triển khai trồng cây trên các trục đường nội thị đã có quy hoạch.

Về sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, Thành uỷ chủ trương sắp xếp lại các xí nghiệp quốc



doanh trên địa bàn Thành phố theo hướng vừa bảo đảm ổn định để phát triển, vừa mang tính hiệu quả cao và giải quyết việc làm cho người lao động; rà soát lại các cơ sở sản xuất, tiểu thủ công nghiệp và tổ hợp sản xuất, giải thể những cơ sở không còn khả năng phục hồi¹.

Trên địa bàn Thành phố có nhiều cơ sở công nghiệp của Trung ương và của Tỉnh, bao gồm cả công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, vừa là tiềm năng, vừa là động lực thúc đẩy công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp Thành phố phát triển. Chính vì vậy, Thành uỷ chủ trương tăng cường mối quan hệ giữa các đơn vị này với các cơ sở công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp của Thành phố, tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp Trung ương và của Tỉnh về vật tư, kĩ thuật, tạo điều kiện cho công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Thành phố nhanh chóng ổn định, phát triển sản xuất.

Về tài chính, thương nghiệp, Thành uỷ nhận thấy đây là vấn đề nóng bỏng của Thành phố: Thu không đủ chi, thiếu tiền mặt, mất cân đối nghiêm trọng giữa tiền và hàng v.v... Do đó, Thành uỷ chủ trương trên cơ sở phát triển sản xuất, triệt để khai thác

1. Thời gian này Thành phố có các xí nghiệp: Nhựa, Dệt, May (Việt - Xô), Than, Vật liệu xây dựng và 48 hợp tác xã thủ công nghiệp.



nguồn thu, nhất là thu thuế công - thương nghiệp, cân đối ngân sách trên, dưới 4 tỷ đồng, tiết kiệm chi, tạm dừng các khoản chi chưa thực sự cần thiết để ưu tiên trả lương, trả trợ cấp bảo hiểm xã hội.

Bàn về công tác giáo dục, Hội nghị cho rằng, đây là chiến lược con người, phải đặt trong sự quan tâm sâu sắc, đầy đủ của toàn Đảng, toàn dân. Từ nhận thức này và từ hoàn cảnh thực tế của Thành phố, Thành uỷ nêu rõ: Dù trong điều kiện nào, ngành Giáo dục Thành phố cũng phải giữ vững và nâng cao chất lượng dạy và học; động viên nhân dân đóng góp cùng với Nhà nước xây dựng thêm phòng học, mua sắm thêm bàn ghế, hạn chế thấp nhất các tình trạng học "ca ba" và học sinh bỏ học. Ngành Giáo dục Thành phố cần nghiên cứu sắp xếp lại một số trường phổ thông, mẫu giáo. Các trường chuyên nghiệp, dạy nghề cần đẩy mạnh kết hợp đào tạo với việc tổ chức sản xuất, góp phần tạo ra sản phẩm hàng hóa cho thị trường, đồng thời cải thiện đời sống cho giáo viên, học sinh.

Để đảm bảo việc chăm lo sức khỏe ban đầu cho nhân dân, Thành uỷ chủ trương sắp xếp lại hệ thống y tế từ Thành phố xuống cơ sở theo hướng tăng cường cán bộ và ngân sách cho y tế phường, xã; quan tâm đến các đối tượng chính sách (người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, trước hết là



thương binh nặng); thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỉ lệ tăng dân số xuống 1,24%.

Vấn đề tăng cường an ninh, quốc phòng được coi là một nhiệm vụ trọng tâm do tình hình chính trị trên thế giới và trong nước từ cuối thập kỉ 80 có nhiều diễn biến phức tạp, ít nhiều tác động đến tư tưởng của cán bộ và nhân dân. Thêm vào đó, trong những năm thực hiện đổi mới, Thành phố thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, nên bên cạnh tác dụng tích cực, cơ chế thị trường cũng chứa đựng không ít mặt tiêu cực, để lại những hậu quả xấu về xã hội, như buôn gian bán lận, chạy theo lợi ích trước mắt, cục bộ, gây tổn hại cho người tiêu dùng và cho nền kinh tế quốc dân. Tiêu cực và tệ nạn xã hội cũng theo đó mà phát triển.

Trước hình hình trên, Hội nghị Thành uỷ quyết định: Lấy cơ quan quân sự địa phương làm lực lượng nòng cốt, đẩy mạnh cuộc vận động quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh về mọi mặt; tổ chức tốt lực lượng dự bị động viên, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi cần thiết; tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ trật tự, trị an, giáo dục tinh thần cảnh giác, truy quét tội phạm, xóa bỏ các tụ điểm nghiện hút, mại dâm...



Đối với công tác Đảng, Hội nghị chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới; gắn việc nâng cao chất lượng đảng viên với các đợt sinh hoạt chính trị, nhất là dịp tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp sắp tới.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố lần thứ 8 (khóa XI) đã soi sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Thành phố vững vàng bước vào thập kỉ 90 với khí thế tràn đầy niềm tin thắng lợi.

Tuy nhiên, khi bước vào những năm đầu thập kỉ 90, tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, tác động tiêu cực lớn đến tư tưởng, tình cảm và hành động của đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thành phố. Đó là những năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô - thành trì của cách mạng thế giới - cùng với hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị sụp đổ. Kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản gióng lên các luận điệu vu cáo, bôi nhọ chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và cho rằng, chủ nghĩa xã hội đã lỗi thời. Chúng còn lớn tiếng tuyên bố: Năm 1999 chiến thắng không cần chiến tranh, nghĩa là bằng diễn biến hòa bình, chúng sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên Thế giới sụp đổ vào năm 1999!

Vừa là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục của tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), thành phố Thái Nguyên vừa là trung tâm



khoa học, giáo dục, văn hóa của các tỉnh miền núi phía Bắc, vừa là cửa ngõ giao lưu giữa miền xuôi và miền ngược. Với đặc điểm đó thành phố Thái Nguyên hằng ngày, hằng giờ phải đón nhận mọi luồng thông tin từ các nơi đến. Mặt khác, thành phố Thái Nguyên có nhiều cơ sở công nghiệp do Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu giúp đỡ xây dựng. Khi Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, mọi việc gần như ngừng lại. Các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu manh cọ, thảm day, lạc nhân... có thị trường chủ yếu là Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khó khăn: sản xuất đình đốn, người lao động không có việc làm. Tất cả tình hình này đều tác động mạnh đến mọi tầng lớp nhân dân Thành phố. Tình hình tư tưởng trong Đảng bộ cũng diễn biến phức tạp, một số đảng viên hoài nghi về chủ nghĩa xã hội, dao động, thậm chí có đảng viên lạc hướng, mất ý chí và xin ra Đảng.

Năm 1991 cũng là năm thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; sâu bệnh phát triển làm cho mùa màng bị thất thu trên 80%. Năng suất lúa bình quân từ 55 tạ/ha trong năm 1990, năm 1991 chỉ còn 5,4 tạ/ha. Bình quân lương thực từ 358 kg một người năm 1990, năm 1991 chỉ còn 48 kg.

Trong khi đó, các xí nghiệp công nghiệp do Thành phố quản lý sản xuất vẫn đình đốn, thua lỗ kéo dài,



công nhân không có việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn. Đa số các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp chỉ sản xuất được một mặt hàng, sản phẩm hàng hóa đơn điệu, chất lượng kém không tiêu thụ được; đời sống xã viên ngày một giảm sút.

Hoạt động thương nghiệp, dịch vụ nằm trong tình trạng sa sút. Thị trường thương nghiệp quốc doanh bị thu hẹp nghiêm trọng, từ chỗ chiếm khoảng 15% tổng mức bán lẻ trên thị trường Thành phố, đến giữa năm 1991, chỉ còn chiếm 1,8%. Hệ thống hợp tác xã mua bán đã bộc lộ rõ những mặt yếu kém: bộ máy cồng kềnh, quản lý kinh tế yếu, phân phối ăn chia tùy tiện, thua lỗ triền miên. Hệ thống tín dụng phát triển tràn lan, thiếu kiểm tra chặt chẽ nên dẫn đến vỡ nợ, thâm hụt vốn ở một số nơi, thậm chí có hợp tác xã tín dụng nợ của dân hàng trăm triệu đồng. Trước tình hình ấy, Ban chấp hành Đảng bộ, trước hết là Ban Thường vụ Thành uỷ, kiên quyết động viên cán bộ đảng viên và nhân dân trong Thành phố đặt niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ, nắm vững đường lối đổi mới, dũng cảm, năng động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội.



Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng¹ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, các tổ chức Đảng từ Thành phố xuống đến các phường, xã, xí nghiệp, hợp tác xã đã lãnh đạo, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định sự nghiệp đổi mới trên mọi lĩnh vực, coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân Thành phố.

Sau một năm gian khổ phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thành phố đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, Đảng bộ kiên trì thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến người lao động, chuyển sản xuất nông nghiệp từ độc canh cây lúa sang sản xuất hàng hóa theo tinh thần Nghị quyết số X của Bộ Chính trị và Kết luận số 107 của Ban Thường vụ Thành ủy, kết hợp với giao đất, giao rừng, bảo đảm mọi diện tích đất đều có quản lý và sử dụng.

Tuy vụ chiêm xuân 1991 mất mùa nặng, song nhờ chủ trương đúng của Thành ủy và biện pháp chỉ đạo

1. Đại hội khai mạc ngày 24/6/1991 tại Hà Nội. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh vạch ra những quan điểm và các phương hướng cơ bản về thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta, thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội 1991-2000.



cụ thể của Ủy ban nhân dân Thành phố (cho nông dân vay thóc, ứng vật tư, đưa giống mới ngăn ngừa có năng suất cao vào sản xuất, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính...), việc cải tiến cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp được đẩy mạnh theo hướng gọn nhẹ (cán bộ Ban quản lý hợp tác xã giảm 60% so với các năm 1989, 1990). Quan hệ sản xuất được củng cố, kinh tế VAC được quan tâm đúng mức. Nhờ đó, diện tích gieo trồng cả năm vượt kế hoạch; hệ số sử dụng đất tăng 0,6 lần so với năm 1989. Vụ chiêm xuân thất thu lớn đã được bù đắp, nên đời sống nông dân ổn định. Việc trồng rừng theo chương trình PAM vượt 13% so với kế hoạch.

Thành phố đã chuyển mạnh các hoạt động thương nghiệp dịch vụ sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện mở cửa thị trường, xóa bỏ ngăn sông, cấm chợ... làm cho thị trường Thành phố hòa nhập với thị trường cả nước. Cũng nhờ đó, mặt hàng trên thị trường thêm phong phú, đa dạng, mua bán thuận tiện, giá cả ổn định; kim ngạch xuất khẩu vượt 9% so với năm 1990.

Do tích cực khai thác nguồn thu, động viên các phường, xã thu đúng, thu đủ, phân cấp ngân sách cho từng xã, từng phường, mở rộng thị trường, củng cố công tác quản lý thị trường và thuế công thương nghiệp, đưa thêm 90 đối tượng vào diện quản lý và thu thuế thường xuyên, đưa mức thu thuế các doanh



nghiệp tư nhân lên bình quân 52.000 đồng một hộ một tháng (trong khi Cửa hàng bách hóa Thành phố là 30.000 đồng). Năm 1991 thu ngân sách của Thành phố đạt 5,9 tỷ đồng (vượt 68% so với năm 1990). Thành phố đã tự cân đối được thu, chi.

Cùng với các ngành sản xuất, sự nghiệp giáo dục cũng có bước phát triển về chất. Năm học 1990-1991, số học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt 95,1%; có 16 trường trong tổng số 32 trường đạt 100%; học sinh tốt nghiệp phổ thông trong học đạt 97,5%; có 4 trong số 8 trường đạt 100%. Năm 1991 có 24 phường, xã (trong số 25 phường, xã) được công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Thành phố xuống cơ sở quan tâm chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn. Nhìn chung, tình hình chính trị trong năm 1991 được ổn định. Tình hình trật tự an toàn xã hội do mặt trái của cơ chế thị trường, nên có những diễn biến phức tạp. Một số kẻ xấu lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm trái pháp luật, lôi kéo quần chúng kém hiểu biết làm hậu thuẫn, làm bình phong, gây áp lực với chính quyền cơ sở đòi di chuyển, tu bổ, xây dựng nhà thờ, đền, chùa trái với Luật đất đai, trái với quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức tôn



giáo với Nhà nước như Hiến pháp quy định. Các tệ nạn đồng bóng, bói toán, cờ bạc, mại dâm, nghiện hút có chiều hướng gia tăng.

Trước tình hình trên, Thành uỷ chủ trương lấy lực lượng công an làm nòng cốt, đồng thời phát động quần chúng hưởng ứng phong trào "Vì an ninh Tổ quốc" đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 135 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), tổ chức nhiều đợt truy quét tội phạm hình sự, xóa bỏ các tụ điểm mua bán chất ma túy, gá bạc, gái mại dâm; phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hoạt động của các phần tử xấu; kiên quyết khám phá, bắt giữ nhiều nhóm, nhiều tên tội phạm nguy hiểm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ trong năm 1991 được triển khai tích cực, bảo đảm đủ số lượng và yêu cầu nâng cao chất lượng. Trong năm này, Thành phố tổ chức 3 lớp tập huấn cho 162 cán bộ dân quân, tự vệ. Việc xây dựng khu vực phòng thủ và các phương án kế hoạch sẵn sàng chiến đấu của Thành phố thường xuyên được bổ sung hoàn chỉnh. Thành phố đã có 22 phường, xã trong tổng số 24 phường, xã đã xây dựng được kế hoạch phòng chống bạo loạn. Công tác động viên tuyển quân vượt chỉ tiêu được giao và thực hiện đúng luật. Riêng đợt 1, Thành phố giao 495 tân binh đạt tiêu chuẩn loại A. Năm 1991 Thành phố



được Bộ Tư lệnh Quân khu I đánh giá là một đơn vị khá toàn diện về công tác quân sự địa phương.

Trong tình hình mới, công tác xây dựng Đảng được đặc biệt chú ý. Trước khi triển khai tổ chức Đại hội ở các Đảng bộ cơ sở trực thuộc, Thành uỷ đã mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ nhằm uốn nắn những quan điểm tư tưởng sai lệch, định hướng nhận thức, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên quyết chống tư tưởng đa nguyên, đa đảng. Do đó, nhìn chung từ Đại hội cấp cơ sở đến Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố (vòng 1 lần thứ XII) đều thể hiện tính nghiêm túc, tinh thần dân chủ công khai trong việc tham gia ý kiến vào văn kiện (Dự thảo) của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI để trình Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Cùng với việc chỉ đạo các cơ sở tiến hành Đại hội, Ban Thường vụ Thành uỷ dành thời gian thỏa đáng cho công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Đa số đảng viên trong Đảng bộ tự giác kiểm điểm sâu sắc, mạnh dạn nhận rõ khuyết điểm. Trong năm 1991, Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 68 đảng viên (tăng 11,7% so với năm 1990), trong đó có 59 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng (chiếm 86,7% số đảng viên bị kỉ luật); đồng thời kết nạp vào Đảng 57 quần chúng ưu tú.

Hoạt động của bộ máy chính quyền từ Thành phố xuống cơ sở tương đối tốt, biết tập trung chỉ



đạo thực hiện các chủ trương của cấp uỷ Đảng, nổi bật là tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, cứu đói và các biện pháp hỗ trợ nông dân sản xuất vụ mùa. Nhìn chung, các biện pháp được triển khai nhanh, thiết thực, nhân dân phấn khởi và tin tưởng.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng đã đổi mới phương thức hoạt động, hướng về cơ sở cùng quần chúng bàn bạc, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phong trào, phát triển sản xuất, ổn định xã hội.

Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các đoàn thể, các ngành vận động nhân dân ủng hộ hơn 300 triệu đồng xây Nhà tình nghĩa và Quỹ bảo trợ xã hội. Liên đoàn Lao động cử cán bộ xuống các xí nghiệp bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đề xuất với tổ chức Đảng và chính quyền có chính sách đối với người lao động trong điều kiện sản xuất không ổn định.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố tổ chức nhiều cuộc vận động thiết thực đem lại lợi ích cho đoàn viên, hội viên và quần chúng. Hội Cựu chiến binh tuy mới thành lập, nhưng đã tỏ rõ là một tổ chức chính trị tin cậy của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong Thành phố.

Giữa lúc tình hình có nhiều chuyển biến tích cực, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XII



(vòng 2) được triệu tập từ ngày 20 đến ngày 22/1/1992 với sự tham dự của 270 đại biểu thay mặt cho 10.305 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ nghiên cứu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Thành phố trong những năm 1992-1995. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 35 uỷ viên, do đồng chí Phan Thế Ruệ làm Bí thư và đồng chí Bùi Xuân Hùng làm Phó Bí thư.

Với phương châm "Trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỉ cương, đoàn kết", trên cơ sở quán triệt "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội" và "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000" được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, những mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII đã định ra phương hướng, nhiệm vụ trong 4 năm (1992-1995).

Đại hội nêu rõ mục tiêu tổng quát trong 4 năm là "Ổn định và phát triển kinh tế, xã hội với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế Công nghiệp - Nông nghiệp - Thương mại và Dịch vụ. Xây dựng một số vùng kinh tế, ngành kinh tế



trọng điểm, tạo ra nhiều sản phẩm mũi nhọn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trên địa bàn và vươn ra thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh quy hoạch và xây dựng đô thị, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, đổi mới hoạt động của các đoàn thể nhân dân. Từng bước xây dựng Thành phố có kinh tế phát triển toàn diện, đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh"¹.

Mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế cũng được xác định cụ thể cho từng ngành. Về công nghiệp, phấn đấu đến năm 1995 nâng giá trị tổng sản lượng công nghiệp của các xí nghiệp do Thành phố quản lý đạt 5,5 tỷ đồng², tăng bình quân 10% mỗi năm; chú trọng phát triển hình thức gia công và các ngành cơ khí, kim khí, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc... Phấn đấu đưa tỷ trọng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp từ 53% (1991) lên 65% (1995).

Về sản xuất nông nghiệp, Đại hội chủ trương đầu tư phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh doanh tổng hợp, kết hợp chế biến và phát triển các

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XII.

2. Theo thời giá cố định năm 1991.



ngành nghề thủ công; phấn đấu đến năm 1995 đưa sản lượng lương thực lên 18.000 tấn, tăng bình quân mỗi năm là 2%.

Về tài chính, thương nghiệp, dịch vụ, Đại hội đặt ra chỉ tiêu đến năm 1995, thủ ngân sách đạt 8 tỷ đồng, tăng bình quân 8% mỗi năm, bảo đảm cân đối thu, chi; đồng thời dành từ 30% đến 35% đầu tư cho phát triển kinh tế; tiếp tục mở cửa thị trường để chống đầu cơ, buôn lậu, làm và kinh doanh hàng giả, trốn, lậu thuế.

Trên cơ sở phân tích những thiếu sót và nguyên nhân dẫn đến yếu kém về xây dựng và quản lý đô thị trong nhiều năm trước, Đại hội đề ra mục tiêu: Đến hết năm 1995, phải hoàn thành quy hoạch tổng thể, từng bước xây dựng Thành phố theo hướng hiện đại, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Đại hội chủ trương tập trung vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng (hệ thống điện, đường, nước, cây xanh, công viên, khu văn hóa thể thao...; hình thành các khu dân cư theo hướng quy hoạch ổn định lâu dài.

Quan tâm đến chiến lược con người, Đại hội quyết định trong những năm trước mắt phải tiếp tục đổi mới công tác giáo dục, ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.



Đại hội xác định vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược của Thành phố trong những năm trước mắt. Do đó, cần khuyến khích mở rộng và phát triển sản xuất để tạo việc làm cho người lao động; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công và cán bộ hưu trí...

Ý thức đầy đủ về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Đại hội đặt ra cho toàn Đảng bộ - trước hết là các cấp uỷ Đảng - quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị; kết hợp củng cố quốc phòng toàn dân với việc xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các ngành trong khối Nội chính phải phối hợp chặt chẽ, tổ chức hoạt động có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của Hội đồng nhân dân trong thời kì đổi mới, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII nhấn mạnh phải tăng cường củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Định hướng cho công tác xây dựng Đảng trong những năm trước mắt, Đại hội cho rằng, việc tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội



Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII là dịp nâng cao trình độ nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Thành phố.

Đại hội nhấn mạnh: Trong tình hình hiện nay, các cấp uỷ Đảng phải thường xuyên nắm bắt tình hình quốc tế, những khó khăn nảy sinh trong quá trình đổi mới tác động đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, kịp thời uốn nắn những quan điểm sai lệch, xây dựng bản lĩnh vững vàng, ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động làm trong sạch nội bộ Đảng, đổi mới nội dung sinh hoạt, nâng cao chất lượng đảng viên và năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng, chú trọng bồi dưỡng quần chúng ưu tú, kết nạp đảng viên mới đúng tiêu chuẩn.

Nghị quyết Đại hội là kết tinh trí tuệ của Đảng bộ, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng bộ, quân và dân Thành phố trong những năm 1992-1995.

Với thái độ nghiêm túc và ý thức trách nhiệm cao, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, trước hết là Ban Thường vụ Thành uỷ kịp thời triển khai chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội.



Bước vào năm 1992 - năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII - tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động lớn; kinh tế có nhiều diễn biến khá phức tạp. Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, năng suất, sản lượng không cao. Các xí nghiệp và hầu hết các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp của Thành phố khi chuyển sang cơ chế mới đều gặp khó khăn về vốn và thị trường tiêu thụ. Mặt khác, hàng hóa của nước ngoài bằng nhiều con đường cũng tràn vào thị trường Thành phố. Sản phẩm công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp địa phương không được người tiêu dùng chấp nhận, dẫn đến tình trạng ứ đọng, thua lỗ kéo dài. Đời sống một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn... Thêm vào đó, trình độ cán bộ quản lý còn yếu kém, thiếu những kiến thức cơ bản về quản lý trong cơ chế mới; một số cán bộ quản lý lợi dụng chức quyền thu vén cá nhân; nhiều thợ lành nghề, thợ bậc cao bỏ hợp tác xã ra làm ngoài để có thu nhập cao hơn¹.

Trước thực trạng đó, tập thể Ban Thường vụ Thành ủy đã vững vàng, kiên trì những quan điểm đổi mới của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Thành phố. Nhiều vấn đề bức xúc, phức tạp đã được Ban Thường vụ Thành ủy nhận định,

1. HTX Cộng Lực có 30 thợ giỏi bỏ hợp tác xã ra làm riêng; số còn lại là những xã viên già yếu, phụ nữ; hết vốn lao động, ngân hàng từ chối cho vay, sản phẩm ứ đọng; hợp tác xã đứng bên bờ phá sản.



đánh giá đúng, đề ra được những giải pháp hữu hiệu, giải quyết tốt nhiều vấn đề tồn đọng. Ba xí nghiệp do Thành phố trực tiếp quản lý bị giải thể. Một số cơ sở sản xuất của tỉnh trên địa bàn Thành phố (Xí nghiệp bánh kẹo, nước chấm và sành sứ) do không có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường, cũng được Thành ủy đề nghị cho giải thể. Một số công ty kinh doanh khác được Thành phố chuyển giao cho Sở Thương mại - Dịch vụ quản lý theo tinh thần Nghị định 388 của Hội đồng Bộ trưởng.

Dựa trên tinh thần Chỉ thị 154/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ngày 15/5/1991, Thành phố cho phép các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ lựa chọn mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức kinh doanh. Các hợp tác xã huy động vốn bằng nhiều hình thức khác nhau: Vay vốn, hùn vốn, góp vốn cổ phần... nhằm phát triển sản xuất. Đây là chuyển đổi mạnh mẽ về mô hình hợp tác xã kiểu mới, là cách thức cởi trói cho sản xuất thủ công nghiệp Thành phố khơi dậy và phát triển tiềm năng sẵn có¹.

1. Sau khi được Thành ủy trực tiếp chỉ đạo rút kinh nghiệm chuyển đổi cơ chế quản lý, HTX Cộng Lực đã thu hút được nhiều thợ kỹ thuật về đá xẻ, xây dựng, cơ khí. Ngay trong năm 1991, HTX đã huy động 271.758.000 đ của 37 cổ đông. Đến nay, HTX đã có trên 1 tỷ đồng và 600 triệu đồng vốn cố định.



Sự chỉ đạo đúng đắn và quyết tâm của Thành uỷ đã đem lại những kết quả quan trọng. Cuối năm 1992, trên địa bàn Thành phố đã có trên 200 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, bao gồm các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất, doanh nghiệp tư nhân, tiểu chủ, kinh tế hộ.... Mỗi cơ sở đều biết khai thác thế mạnh để phát triển sản xuất, kinh doanh. Các doanh nghiệp ở Gia Sàng, Trung Thành, Hương Sơn phát triển nghề đúc gang, cán kéo thép, dịch vụ cơ khí. Phường Phan Đình Phùng sản xuất đá ốp lát, cửa sắt xếp, xen hoa. Các phường Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang làm đồ gỗ dân dụng, gia công chế tác vàng, bạc. Phường Trưng Vương kinh doanh hàng may mặc, chế biến lương thực, thực phẩm v.v... Nhờ đó, trong năm 1992, Thành phố giải quyết được việc làm cho hàng ngàn lao động; giá trị hàng hóa tăng 31% so với năm 1991 và vượt 25% so với kế hoạch.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, trong khi chỉ đạo các hợp tác xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, giữ vững mô hình hợp tác xã, Thành uỷ quyết định đầu tư cho thủy lợi, hoàn thiện hệ thống kênh, mương, xây dựng 7 trạm bơm điện ở các xã phía Tây, hỗ trợ các giống lúa mới có năng suất cao cho nông dân (được 100 ha); tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp cho nông dân với chất lượng bảo đảm. Mặt khác, Thành phố



đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là vùng chè. Riêng xã Tân Cương, với 1.170 hộ, đến năm 1995 đã có 1.000 máy sao chè, 800 máy vò chè.

Cùng với những chủ trương và biện pháp trên đây, Thành uỷ tăng cường kiện toàn đội ngũ cán bộ trong các Ban Quản lý hợp tác xã, giúp họ từng bước thích ứng với cơ chế quản lý mới. Đồng thời, Đảng bộ thường xuyên giáo dục, động viên nông dân Thành phố thi đua phát triển sản xuất, làm giàu chính đáng, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Nhờ đó, năm 1992 toàn Thành phố gieo, trồng được 5.597 ha (100% diện tích canh tác). Nhưng do thiên tai làm thất thu 1.718 ha nên tổng sản lượng lương thực chỉ đạt 13.476 tấn (bằng 93% kế hoạch).

Thị trường thương mại và dịch vụ Thành phố tiếp tục được mở rộng. Năm 1992, toàn Thành phố có 2.879 hộ kinh doanh, trong đó có 360 hộ tập thể, tăng 10% so với năm 1991. Đời sống nhân dân Thành phố được cải thiện; nhiều hộ gia đình giàu lên; nhiều nhà kinh doanh có vốn doanh thu hàng chục tỷ đồng. Ngân sách Thành phố năm 1992 cũng thu vượt kế hoạch 14%.

Bên cạnh đó, việc mở rộng thị trường cũng dẫn đến không ít tiêu cực: buôn lậu, trốn thuế, làm và bán hàng giả dẫn đến sự tha hóa về đạo đức, lối sống.



Năm 1992, cơ quan quản lý thị trường Thành phố kiểm tra đăng ký kinh doanh 2.560 lượt, xử lý 51 trường hợp buôn, bán trái quy định, phạt 500 triệu đồng. Kinh tế mở còn kéo theo sự phân hóa giàu nghèo, bất công xã hội và cũng là nguyên nhân làm tăng thêm tệ nạn xã hội. Từ năm 1990 trở về trước, ở thành phố Thái Nguyên có khoảng 350 người nghiện hút ma túy và khoảng 400 gái mại dâm. Nhưng từ sau năm 1990, con số này đã lên tới hàng ngàn người¹. Đó là những vấn đề đặt ra ngày càng bức xúc đối với Đảng bộ Thành phố trong những năm trước mắt.

Công tác xây dựng và quản lý đô thị cũng có nhiều chuyển biến. Đầu năm 1991, quán triệt chủ trương của tỉnh uỷ Bắc Thái, thành uỷ Thái Nguyên tập trung chỉ đạo ban hành các chính sách, quy chế xây dựng và quản lý đô thị; trong đó có những chính sách lớn, như quản lý đất đai, quản lý môi trường, quy chế quản lý lòng, lề đường, xây dựng quỹ tài chính đô thị, kiên trì thực hiện chủ trương "Lấy đô thị nuôi đô thị".

Về mặt tổ chức, Thành uỷ đã kiến nghị và được Tỉnh uỷ chấp nhận phân cấp quản lý đô thị mạnh

1. Theo số liệu năm 1993 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân Thành phố.



hơn cho Thành phố. Trên cơ sở đó, Thành phố cũng từng bước phân cấp quản lý đô thị cho các phường; đồng thời thành lập các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý đô thị (Phòng xây dựng cơ bản, Đội thanh tra xây dựng, Ban quản lý công trình...). Hệ quả của việc phân cấp đã tạo cho chính quyền các cấp có nguồn tài chính đô thị để đầu tư cho đường sá, cấp thoát nước, đèn chiếu sáng... Riêng trong năm 1993, Thành phố đã được đầu tư hơn 200 tỷ đồng, cộng với 8 tỷ đồng từ ngân sách địa phương để xây dựng các công trình công cộng, không kể vốn làm nhà ở của dân khoảng 30 tỷ đồng. Trong năm này, Thành phố đã cấp đất cho 2.600 hộ làm nhà.

Sự ổn định về kinh tế đã tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giáo dục và y tế phát triển. Trong năm học 1991-1992, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cơ sở đạt 94,5%, bậc tiểu học đạt 97%. Thành phố có 21 học sinh đoạt giải trong kì thi học sinh giỏi toàn quốc; 61 thầy, cô giáo được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố, 21 thầy, cô giáo đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Trong năm 1993, các cơ sở y tế Thành phố đã khám và chữa bệnh cho 203.011 lượt người, vượt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ phát triển dân số giảm xuống còn 1,6%; 100% các cháu trong độ tuổi được tiêm chủng phòng 6 bệnh...



Đối với công tác an ninh, quốc phòng, từ năm 1991, Thành phố đã hoàn thành 100% nội dung, chương trình huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch A2¹, thực hành diễn tập chống bạo loạn ở 5 đơn vị. Năm 1992, Thành phố mở 5 đợt tấn công truy quét tội phạm, vận động 50 đối tượng ra tự thú, điều tra, khám phá 712 vụ án hình sự, duy trì tốt phong trào an ninh Tổ quốc. Tất cả các phường, xã đều có quỹ an ninh - quốc phòng do nhân dân đóng góp để hỗ trợ cho tự vệ và dân phòng hoạt động... Tuy nhiên, tình trạng phạm pháp và tệ nạn xã hội vẫn tiếp tục gia tăng.

Năm 1992 là năm Đảng bộ Thành phố tập trung triển khai học tập và thực hiện nhiều nghị quyết của Đảng: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2, 3 (Khóa VII)... Thành uỷ đặt vấn đề nghiêm túc và kiên quyết chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên trong

1. Đây là kế hoạch phòng, chống gây rối, bạo loạn. Năm 1992, Thành phố tổ chức thực hiện diễn tập cho một số cơ sở theo kế hoạch A2 kết hợp với việc thực hiện Nghị định 36/CP về trật tự an toàn giao thông, giải phóng lòng, lề đường.



Đảng bộ lấy việc quán triệt Nghị quyết của Đảng để nâng cao nhận thức tình hình và nhiệm vụ của đảng viên trong thời kì mới, làm sáng lại lí tưởng cộng sản cho mỗi đảng viên vừa trải qua những thử thách nghiệt ngã bởi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế, xã hội nghiêm trọng.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Thành uỷ, trong Đảng bộ đã có 99% tổ chức cơ sở Đảng và 80% số đảng viên tham gia học tập. Qua học tập nhìn chung, cán bộ và đảng viên đều tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những đảng viên thoái hóa, biến chất được đưa ra khỏi Đảng, đồng thời kết nạp thêm nhiều đảng viên mới đã được thử thách qua thực tiễn sản xuất và công tác. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường. Đây là nhân tố hết sức quan trọng để Đảng bộ lãnh đạo quân và dân Thành phố thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong những năm 1993-1996.

Ngày 22/4/1994, Đảng bộ Thành phố tổ chức Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kì nhằm đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII và bầu bổ sung uỷ viên Ban chấp hành Đảng bộ.

Báo cáo chính trị do đồng chí Phan Thế Ruệ, Bí thư Thành uỷ trình bày tại Hội nghị đã khẳng định:



"Đảng bộ và chính quyền các cấp của Thành phố trong hai năm qua đã lãnh đạo phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn đấu đạt được những kết quả bước đầu quan trọng cả về kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh uỷ Bắc Thái"¹.

Nắm vững quan điểm của Trung ương Đảng, trong hai năm, Đảng bộ Thành phố tập trung lãnh đạo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự tham gia quản lý của Nhà nước.

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, các ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố, kể cả công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, cả công nghiệp Trung ương và công nghiệp địa phương đều có những chuyển biến tốt. Tổng sản phẩm tăng bình quân mỗi năm là 12,9%; thu ngân sách năm 1993 đạt 20,6 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 1992; trong đó, công nghiệp Trung ương trên địa bàn tăng 27,3%, công nghiệp địa phương tăng 29,9%, tiểu, thủ công nghiệp tăng 25%.

1. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội và công tác Đảng 1992 - 20/1/1993.



Vận dụng Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa VII), Thành uỷ đề ra chương trình hành động nhằm giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân; tăng cường đầu tư khoa học, kỹ thuật để có hệ thống cây, con phù hợp với cơ chế khoán hộ, với thổ nhưỡng từng vùng. Đảng bộ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã phía Tây, từng bước hình thành các vùng chuyên canh. Nhờ đó, trong năm 1993, sản xuất nông nghiệp của Thành phố giành được kết quả khá toàn diện. Sản lượng lương thực đạt 19.857 tấn (tăng 23,9% so với năm 1991); đàn trâu, bò tăng 3%; đàn lợn đạt 100% kế hoạch. Số hộ làm kinh tế giỏi tăng nhiều so với năm 1991. Đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt, xóa bỏ được hộ đói, giảm được hộ nghèo.

Sự nghiệp giáo dục, y tế cũng phát triển nhanh. Số học sinh năm 1993 tăng 4,3% so với năm 1992. Hệ thống trường, lớp đầy đủ và khang trang hơn trước, 100% số trường đã được ngôi hóa và chấm dứt tình trạng học "ca 3". Bên cạnh đó, Thành phố còn mở được 1 lớp học tình thương cho trẻ tật nguyền, 80 nhóm trẻ gia đình, 40 nhóm trẻ tuổi thơ; thành lập Trung tâm xúc tiến việc làm để vừa dạy nghề, vừa giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên Thành phố.



Chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ được thực hiện tốt; 100% trạm xá các phường, xã đều có y, bác sĩ; cơ sở vật chất được tăng cường. Tỷ lệ tăng dân số giảm 0,2% so với chỉ tiêu.

Kỷ cương, trật tự xây dựng đô thị và tài chính đô thị từng bước đi vào nền nếp; vệ sinh môi trường, hệ thống đèn chiếu sáng có nhiều tiến bộ. Quốc phòng được củng cố, an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

Với những kết quả đạt được, Đảng bộ Thành phố được tỉnh uỷ Bắc Thái đánh giá là một Đảng bộ có nhiều tiến bộ về công tác tổ chức và tư tưởng, đổi mới mạnh mẽ nội dung sinh hoạt, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Hai năm (1992-1993), Đảng bộ Thành phố được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Trải qua 4 năm phấn đấu, đến năm 1995, Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã đạt được những kết quả quan trọng. Các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra về cơ bản đã được thực hiện. Nhiều chỉ tiêu, kế hoạch về kinh tế, xã hội, về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể... đã hoàn thành vượt mức. Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân mỗi năm 12,95%; trong đó, tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân 17,15%, đưa tỷ trọng của Ngành trong nền kinh tế trên địa bàn từ 45% (năm 1991), lên 48,54%



(năm 1994). Điều đáng chú ý là, các đơn vị sản xuất công nghiệp sau khi được sắp xếp, đăng kí lại, phần lớn đã khắc phục được tình trạng làm ăn thua lỗ; số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Nhiều cơ sở đi vào đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ; cho nên sản phẩm công nghiệp không chỉ tăng về số lượng, mà chất lượng cũng được nâng lên.

Công nghiệp ngoài quốc doanh có bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 1994, toàn Thành phố có 64 doanh nghiệp, bao gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hộ cá thể. Hướng phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh phù hợp với chủ trương Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra, tập trung vào các nhóm, ngành hàng mũi nhọn, như cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản với quy mô vừa và nhỏ... Nhờ đó, công nghiệp ngoài quốc doanh đã đứng vững và phát triển, tăng trưởng 25% mỗi năm, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động.

Sản xuất nông nghiệp sau 4 năm cũng có những đổi mới đáng phấn khởi. Từ khi có "Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5" của Ban chấp hành Đảng bộ, vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân được giải quyết đồng bộ và phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Nếu những năm 1990 về trước, trong cơ cấu của ngành



Nông nghiệp, lương thực chiếm tỷ lệ 60%, chăn nuôi 22%, cây công nghiệp và rau khoảng 18%, thì đến năm 1995 đã chuyển dịch cây công nghiệp và cây đặc sản lên 28,6%, chăn nuôi 45,51%, lương thực là 25,49%. Thu nhập trên một ha gieo trồng đạt 10,4 triệu đồng. Mức tăng trưởng kinh tế nông nghiệp mỗi năm đạt 11,34%. Số hộ giàu trong nông dân chiếm 25% (tăng 7% so với năm 1991); 100% số xã được dùng lưới điện quốc gia. Đường liên xóm, liên xã được mở rộng, nâng cấp. Bộ mặt nông thôn ngoại thành có nhiều thay đổi.

Thị trường Thành phố hoạt động nhộn nhịp, sôi động, có đủ các thành phần kinh tế tham gia. Sản phẩm hàng hóa phong phú, giá cả ổn định, thực sự thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Tỷ trọng bán lẻ trên thị trường xã hội năm 1995 chiếm 21,3%. Thương nghiệp tư nhân kinh doanh năng động, có hiệu quả và phát triển khá nhanh. Nếu năm 1991, Thành phố có 2.000 hộ, thì đến năm 1995 đã có 54.000 hộ, giữ vai trò chủ yếu trong khâu bán lẻ (78,7%). Hoạt động tư thương (cả bán và mua) không chỉ ở trung tâm Thành phố, mà còn mở rộng ra địa bàn các xã ngoại thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nông dân.

Sản xuất, kinh doanh phát triển đã tăng khả năng đóng góp cho ngân sách Nhà nước. Trong 4



năm (1992-1995), thu ngân sách của Thành phố tăng bình quân 42,4%; riêng năm 1995 tăng gấp 9,8 lần so với năm 1991. Điều quan trọng là Thành phố có chủ trương đúng trong việc tạo và nuôi dưỡng nguồn thu (đầu tư cho kiến thiết, phát triển sản xuất trên 40% số thu), có chính sách cởi mở, thúc đẩy hoạt động của mọi thành phần kinh tế; đồng thời có biện pháp thích hợp để tăng thêm nguồn thu.

Sự phát triển kinh tế cũng góp phần thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Những nhu cầu cơ bản của nhân dân về ăn, mặc, học tập, chữa bệnh, đi lại, thưởng thức văn hóa được giải quyết ngày một tốt hơn.

Trong 3 năm (1993-1995), thông qua quỹ quốc gia, quỹ xóa đói, giảm nghèo, Thành phố đã thực hiện 80 dự án (cho tập thể và cá nhân), với số vốn 4,5 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho 7.347 người ở cả hai khu vực sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Gần 23.000 cán bộ hưu trí, mất sức và các đối tượng chính sách khác được trả lương đủ và đúng kì hạn. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ được Đảng bộ, chính quyền và toàn bộ xã hội quan tâm. Trong 4 năm, Thành phố đã xây dựng được hàng chục ngôi nhà tình nghĩa, tặng 1.676 sổ tiết kiệm với tổng giá trị hàng trăm triệu đồng cho các



gia đình liệt sĩ, thương binh có hoàn cảnh khó khăn. Những người già yếu, cô đơn, tàn tật, không nơi nương tựa đều được Thành phố chăm sóc, giúp đỡ.

Trên địa bàn Thành phố, ngoài 21 trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, còn có 50 trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, 23 trường mầm non, 31 lớp mẫu giáo và 59 nhà trẻ, nhóm trẻ. Ngoài việc mở rộng các loại hình trường, lớp bán công, bán trú...), quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, Thành ủy còn chủ trương tập trung đầu tư cho trường chuyên, lớp chọn, nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước.

Mặc dù việc tổ chức thực hiện Nghị quyết phát triển giáo dục ở vào thời điểm Thành phố gặp nhiều khó khăn về kinh tế, song các cấp, các ngành, trước hết là ngành Giáo dục đã vượt lên mọi thử thách và đạt được nhiều kết quả.

- Về quy mô phát triển giáo dục, Thành phố đã tập trung mở rộng mạng lưới giáo dục cơ sở, thực hiện đa dạng hóa loại hình trường lớp, xây dựng mô hình giáo dục mới, tạo ra sự ổn định và phát triển vững chắc ở tất cả các ngành học, lớp học. Năm học 1990-1991, khối mẫu giáo có 17 trường, 140 lớp với 3.200 cháu, thì năm học 1994-1995 đã tăng lên 31 trường, 148 lớp và 4.225 cháu. Số học sinh ở ngành học phổ thông năm học 1990-1991 là 36.229 em, thì năm học 1994-1995 đã tăng lên 38.691 em.



- Về đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, đến năm 1995, Thành phố có 1.731 người; trong đó 178 người có trình độ đại học, 862 người có trình độ cao đẳng, số còn lại có trình độ trung cấp sư phạm. 100% giáo viên ở các trường phổ thông cơ sở được tiêu chuẩn hóa (có trình độ đại học và cao đẳng); 100% cán bộ quản lý từ trường đến phòng đều được đào tạo qua các trường, lớp bồi dưỡng của Bộ hoặc của Tỉnh để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Năm học 1990-1991, Thành phố có 49 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; đến năm học 1994-1995, con số đó đã tăng lên 76, ngoài ra còn 390 giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố; nhiều thầy, cô giáo được bầu chiến sĩ thi đua nhiều năm liên tục.

Đi đôi với việc bồi dưỡng kiến thức, nâng cao chất lượng chuyên môn và phẩm chất đạo đức, các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đội ngũ giáo viên. Các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với ngành Giáo dục đều được Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời. Nhờ đó, trong những năm gần đây, Thành phố không có giáo viên bỏ nghề. Nhiều trường xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên đoàn kết nhất trí, quản lý và giảng dạy giỏi, giữ vững danh hiệu Trường tiên tiến cấp tỉnh trong nhiều năm.



- Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho 31 trường mẫu giáo và 98 nhà trẻ, nhóm trẻ ngoài việc thực hiện chương trình giáo dục theo hệ chính quy, Thành phố cũng chỉ đạo các trường tham gia chương trình lồng ghép, chương trình cải cách, chương trình 24 tuần¹, v.v... Nhà trường cùng với ngành Y tế chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ, góp phần giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 54% (năm 1990) xuống còn 40% (năm 1995), giảm 50% số cháu suy dinh dưỡng nặng.

Việc đưa chương trình giáo dục dân số, pháp luật, luật lệ an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường... vào các trường phổ thông cùng với việc đẩy mạnh hoạt động của Nhà Văn hóa thiếu nhi đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh Thành phố.

Tất cả những thành tựu trên đây đều gắn liền với vai trò và trách nhiệm của Đảng bộ. Trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối đổi mới trên địa bàn, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ.

Được rèn luyện qua thực tiễn, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có bước trưởng thành mới về nhận

1. Dành cho các cháu chuẩn bị vào học lớp 1 không có điều kiện theo học mẫu giáo từ đầu.



thức lí luận cũng như về năng lực hoạt động. Từ những năm 90, đặc biệt là năm 1995, Ban Thường vụ Thành uỷ chỉ đạo các Ban Xây dựng Đảng và các cấp uỷ cơ sở mỗi khi tiếp nhận Nghị quyết của Đảng bộ cấp trên, phải tổ chức học tập sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trên cơ sở đó, xây dựng chương trình hành động theo Nghị quyết có sự kiểm tra, giúp đỡ của Ban Thường vụ và các Ban Xây dựng Đảng. Hằng năm, Ban Tuyên giáo Thành uỷ tổ chức đều đặn 12 hội nghị báo cáo viên, cung cấp thông tin cho khoảng từ 1.200 đến 1.300 lượt báo cáo viên ở cơ sở; xuất bản 7 số Thông tin nội bộ với số lượng hơn 1.000 bản.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Thành uỷ kịp thời có chủ trương và biện pháp hướng dẫn các cơ quan chuyên môn đấu tranh chống lại những luận điệu thù địch; phê phán những quan điểm sai lầm, những nhận thức mơ hồ, lệch lạc. Mặt khác, Thành uỷ rất coi trọng công tác giáo dục lí luận chính trị. Nhiều lớp học tập trung và tại chức được mở để nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên về lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin về tư tưởng Hồ Chí Minh, về xây dựng Đảng... Riêng trong năm 1995, Thành uỷ mở hai lớp bồi dưỡng chính trị cho 325 đảng viên mới, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho 130 đồng chí, 100 đồng chí theo học lớp trung cấp chính trị, 525 đồng chí dự lớp bồi dưỡng kiến thức cơ



bản về Hiến pháp và Pháp luật. Nhờ đó, nhìn chung cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều có lập trường quan điểm vững vàng; sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên.

Đến tháng 12/1995, Đảng bộ Thành phố có 10.136 đảng viên sinh hoạt ở 114 chi, đảng bộ cơ sở; số đảng viên là cán bộ, công nhân viên chức nghỉ hưu và nghỉ mất sức chiếm 58,6%; có 1.071 đồng chí được tặng Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng; 58,26% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; số cơ sở Đảng yếu kém còn 4,23% (giảm 13% so với năm 1991). Số đảng viên đủ tư cách loại I chiếm 85,6%, loại II là 13,3%, loại III là 1% và loại IV còn 0,1%. Trong 4 năm (1992-1995), Đảng bộ kết nạp gần 800 đảng viên mới, đồng thời xử lý kỷ luật 141 đảng viên, xóa tên 258 đảng viên không đủ tư cách.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được Thành uỷ chú trọng, thông qua các hình thức: giao nhiệm vụ, mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn tại chỗ, cử đi đào tạo ở các trường của tỉnh và Trung ương. Vì vậy, Thành phố có đội ngũ cán bộ đương chức và cán bộ kế cận làm công tác Đảng, công tác chính quyền và đoàn thể khá dồi dào, có khả năng đáp ứng được yêu cầu của cách mạng.

Quan tâm đến việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ, Thành uỷ thường xuyên chỉ đạo các



đảng bộ, chỉ bộ cơ sở xây dựng quy chế, chương trình, mục tiêu làm việc. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được xác định rõ. Các cấp uỷ Đảng ở cơ sở hoạt động có nền nếp, đúng chức năng, nhiệm vụ, không có hiện tượng chồng chéo.

Hầu hết các Đảng bộ cơ sở đều có quy chế làm việc của cấp uỷ, có chương trình hành động trong từng tháng, duy trì chế độ giao ban, chế độ thông tin hai chiều giữa Đảng uỷ với các chi bộ trực thuộc.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ biết xác định trọng tâm, trọng điểm, giải quyết dứt điểm từng vấn đề cụ thể; biết gắn công tác xây dựng Đảng với việc phát triển kinh tế, xã hội... Trong nhiệm kì 1991-1995, Thành uỷ đã ra 7 nghị quyết chuyên đề về giáo dục, phát triển đô thị, trật tự an toàn giao thông.

Công tác kiểm tra của Đảng bộ được duy trì thường xuyên. Năm 1994, Uỷ ban Kiểm tra các cấp đã kiểm tra 8.296 đảng viên và 98 cơ sở Đảng, phát hiện và xử lý kỉ luật 31 đảng viên (trong đó khai trừ 12 đảng viên ra khỏi Đảng), xóa tên 49 người khỏi danh sách đảng viên. Thông qua công tác kiểm tra, các cơ sở Đảng và đảng viên chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước tốt hơn; sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng được củng cố vững chắc hơn.



Bộ máy chính quyền, Hội đồng nhân dân và các tổ chức đoàn thể các cấp cũng được xây dựng theo hướng gọn nhẹ về cơ cấu tổ chức và biên chế; hoạt động ngày càng có hiệu lực.

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, trong những năm 1991-1995, Thành phố vẫn còn nhiều mặt yếu kém:

Nền kinh tế dù đã khắc phục tình trạng đình đốn trong giai đoạn đầu, bước đầu có sự tăng trưởng, nhưng năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu còn chậm và chưa căn bản. Nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trên địa bàn còn thấp, đầu tư phát triển chưa thỏa đáng. Cơ chế thị trường còn mang nhiều yếu tố tự phát.

Công nghiệp địa phương còn nhỏ bé, nhìn chung đã đi vào thế ổn định, nhưng còn một số đơn vị chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ, thua lỗ.

Thương nghiệp quốc doanh không chỉ phối được thị trường. Sản xuất nông nghiệp chưa tạo ra được nhiều sản phẩm hàng hóa, chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành.

Kinh tế ngoài quốc doanh vừa chậm tháo gỡ khó khăn, vừa buông lỏng quản lý, nên tình trạng trốn, lậu thuế, tìm cách né tránh sự kiểm soát của Nhà nước vẫn còn xảy ra ở một số doanh nghiệp.



Văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết. Đời sống nhân dân tuy có được nâng lên một bước, nhưng chưa vững chắc, chưa bảo đảm sự công bằng xã hội. Một bộ phận gia đình trong diện chính sách còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo còn lớn. Tệ nạn xã hội chưa giảm. Tai nạn giao thông tăng. Sản phẩm văn hóa độc hại lưu hành trên thị trường chậm được khắc phục. "Nạn mê tín dị đoan, xây dựng chùa chiền, nhà thờ trái phép có xu hướng gia tăng"¹.

Việc thực hiện quy hoạch Thành phố, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, vệ sinh môi trường chưa được giải quyết đồng bộ, còn lúng túng, chậm chạp, gây ảnh hưởng không tốt đến việc ổn định đời sống, sinh hoạt của nhân dân.

Công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng ở một số cơ sở chưa được chú trọng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp ủy còn thấp. Công tác tư tưởng chưa sắc bén và kịp thời. Tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức Đảng chưa được giải quyết...

1. Theo Báo cáo chính trị của Thành ủy tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII - 1996, tr.17.



Những mặt tồn tại trên đặt ra cho Đảng bộ, trước hết là Ban chấp hành Đảng bộ khóa mới, tiếp tục nghiên cứu để định ra được những giải pháp sát thực và có hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của Thành phố phát triển đi lên.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XIII được triệu tập (13 - 15/3/1996). Tham dự Đại hội có 246 đại biểu thay mặt cho trên 10.000 đảng viên sinh hoạt trong 114 chi, đảng bộ cơ sở. Đại hội lần này có nhiệm vụ đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XII, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đảng bộ trong những năm 1996-2000. Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 40 uỷ viên, do đồng chí Phan Thế Ruệ làm Bí thư và các đồng chí Lê Thanh Mộc và Nguyễn Huy Thái làm Phó Bí thư.

Căn cứ vào tiềm năng, thế mạnh và những thành tựu đã đạt được, đồng thời quán triệt những định hướng phát triển đất nước trong thời gian trước mắt do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII (5/1996), Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là: đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại



- dịch vụ - nông nghiệp; củng cố và xây dựng hạ tầng cơ sở; phát triển văn hóa, xã hội và văn minh đô thị, giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, công tác quản lý và điều hành của hệ thống chính quyền ngày càng tốt hơn.

Đại hội đề ra một số chỉ tiêu trong 5 năm trước mắt:

- Tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân mỗi năm từ 12% trở lên.

- Đến năm 2000, tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế thành phố 50%, thương mại - dịch vụ 40% và nông - lâm nghiệp 10%; giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 20%, thương mại - dịch vụ tăng 15%, nông nghiệp tăng 5%; tổng sản lượng lương thực (quy thóc) phải đạt 20.000 tấn/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng 28%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 5,4 triệu đồng/năm (tương đương 500 USD).

- Trong công tác xây dựng Đảng phấn đấu 75% số chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh...

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, Đảng bộ và nhân dân Thành phố có nhiều



thuận lợi rất cơ bản: Có đường lối, chính sách và cơ chế đúng đắn của Đảng và Nhà nước; có sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh uỷ và sự giúp đỡ của các ngành, các cơ quan, đơn vị của Trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn. Đặc biệt, thành phố Thái Nguyên có đội ngũ cán bộ, đảng viên khá về chuyên môn, vững về chính trị, được rèn luyện thử thách trong 10 năm thực hiện đổi mới; các cấp uỷ Đảng từ Thành uỷ xuống cơ sở đã được đổi mới, thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo... Mặt khác, những thành tựu về kinh tế, xã hội mà Thành phố đã đạt được trong 10 năm đổi mới, nhất là trong 5 năm (1991-1995) đã và đang tạo thế và lực mới để Đảng bộ và nhân dân Thành phố bước vào thời kì công nghiệp hóa và hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Tuy nhiên, trước mắt Thành phố cũng còn nhiều khó khăn, thử thách, bao trùm là 4 nguy cơ mà Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kì của Đảng (1/1994) đã chỉ ra.

Đối với thành phố Thái Nguyên, nguy cơ tụt hậu là đáng lo ngại hơn cả. Điều đó thể hiện ở sự tăng trưởng kinh tế của Thành phố chưa thật ổn định và chưa vững chắc; chưa tạo lập được một hệ thống thị trường đầy đủ theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Hoạt động dịch vụ tuy sôi nổi, nhưng chỉ tập



trung ở các phường trung tâm: Trưng Vương, Phan Đình Phùng, Quang Trung, Hoàng Văn Thụ và một phần phường Đồng Quang. Công nghiệp Trung ương, công nghiệp địa phương trên địa bàn vẫn phổ biến tình trạng kĩ thuật và công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, chất lượng kém, hiệu quả không cao. Các hợp tác xã tiêu, thủ công nghiệp sau khi tan rã hàng loạt vào những năm cuối thập kỉ 80, đến lúc này vẫn chưa được phục hồi. Sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp còn ít; có nơi vẫn còn mang nặng tính chất kinh tế tự nhiên, lạc hậu. Mức chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo trong các hộ nông dân ngày càng tăng. Vấn đề xây dựng, quản lí đô thị còn nhiều tồn tại. Bộ mặt đô thị ở khu vực trung tâm chưa được đầu tư thỏa đáng. Các cửa ngõ đi vào Thành phố cũng chưa được quan tâm. Vệ sinh môi trường không đảm bảo...

Những mặt tồn tại trên đây được Đảng bộ tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ từng bước trong những năm cuối của thập kỉ 90.



CHƯƠNG V
**TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH
SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, THỰC HIỆN
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
(1997-2002)**

Ngày 20/7/1996, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố họp phiên toàn thể với hai nội dung quan trọng:

- Đồng chí Bí thư Thành uỷ thông báo nhanh kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (28/6 - 1/7/1996), bước đầu tiếp thu nội dung Nghị quyết Đại hội: "Đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...".

- Đánh giá tình hình kinh tế, xã hội trong 6 tháng đầu năm và bàn phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Thành phố.

Cuối tháng 9/1996, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố triệu tập Hội nghị mở rộng nhằm sơ kết công tác 9 tháng đầu năm và kiểm điểm 6 tháng



thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII.

Hội nghị nhận định: Sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp của Thành phố vẫn gặp khó khăn về vốn, vật tư, thị trường tiêu thụ; giá trị tổng sản lượng đạt khoảng 73,3% mức kế hoạch. Sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn về thời tiết, rét đậm kéo dài làm thiệt hại hơn 200 ha vụ đông - xuân; thu ngân sách mới đạt 49,33% kế hoạch. Tình hình này kéo dài đến hết năm 1997.

Ngày 6/11/1996, tại kì họp lần thứ 10, Quốc hội (khóa VI) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (3/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1/1/1997. Tỉnh lỵ Thái Nguyên đặt tại thành phố Thái Nguyên. Như vậy, thành phố Thái Nguyên - sau 31 năm là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Thái - từ nay là thủ phủ của tỉnh Thái Nguyên, là trung tâm quan trọng về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khoa học kĩ thuật, giáo dục và là đầu mối giao thông của các tỉnh Việt Bắc.

Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động Đảng bộ và Tỉnh uỷ Bắc Thái, đồng thời thành lập Đảng bộ



Thái Nguyên và Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 35 đồng chí. Quyết định này có hiệu lực từ 1/1/1997.

Đảng bộ Thái Nguyên lúc mới thành lập có 44.449 đảng viên, trong đó có 10.223 đảng viên thuộc Đảng bộ Thành phố (chiếm hơn 22% tổng số đảng viên toàn tỉnh). Dân số Thành phố có trên 205.000 người.

Việc tái lập lại tỉnh Thái nguyên hoàn toàn không làm thay đổi vị trí, nhiệm vụ chính trị của Thành phố. Tuy nhiên, trong hơn 31 năm là tỉnh lỵ, trung tâm nhiều mặt của tỉnh Bắc Thái, khi chia tách tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Thành phố có trách nhiệm đóng góp một phần lực lượng cán bộ và vật chất để giảm bớt những khó khăn ban đầu cho tỉnh Bắc Kạn.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Tỉnh uỷ Bắc Thái ngày 20/11/1996, Thành uỷ tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân Thành phố phát huy truyền thống đoàn kết trong 31 năm hợp nhất tỉnh, tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi giúp hàng trăm gia đình cán bộ cư trú tại Thành phố chuyển lên Bắc Kạn nhanh chóng ổn định đời sống (Thành phố đã dành sự ưu tiên đối với những gia đình cán bộ được điều động lên Bắc Kạn: chuyển nhượng nhà, đất được



giảm hoặc miễn thuế, không phải đóng góp nghĩa vụ đối với Thành phố trong năm 1997).

Đáp ứng yêu cầu của tỉnh Bắc Kạn, Thành uỷ đã lựa chọn và giới thiệu cho Tỉnh uỷ điều động nhiều cán bộ đang công tác ở Thành phố bổ sung cho tỉnh Bắc Kạn. Đồng chí Phan Thế Ruệ, Bí thư Thành uỷ được cấp trên điều lên giữ chức Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Đồng chí Lê Thanh Mộc, Phó Bí thư, được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phân công làm Quyền Bí thư Thành uỷ (từ ngày 9/1 đến ngày 15/3/1997). Tiếp đến, vào trung tuần tháng 3/1997, tỉnh uỷ Thái Nguyên quyết định phân công đồng chí Lương Đức Tính - Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở Tài chính - về làm Bí thư Thành uỷ.

Theo yêu cầu của Tỉnh uỷ, tháng 9/1997, Thành uỷ tập trung chỉ đạo các cơ sở Đảng trong Đảng bộ tiến hành Đại hội nhằm đánh giá tình hình kinh tế, xã hội từ sau ngày chia tách tỉnh, đồng thời bàn phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1997-2000 và bầu cấp uỷ nhiệm kỳ mới.

Trong 2 ngày (29 - 30/10/1997), Đại hội Đảng bộ Thành phố được triệu tập nhằm đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ; trên cơ sở đó, xác định nhiệm vụ chủ yếu của Thành phố đến năm 2000. Đại hội còn thảo luận đóng góp ý kiến bản Dự thảo văn kiện của Tỉnh uỷ (lâm thời) sẽ



trình tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, bầu bổ sung 3 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Ngày 13/11/1997, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV được khai mạc trọng thể tại trung tâm thành phố Thái Nguyên. Đại hội đánh giá kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ trên tất cả mọi lĩnh vực từ sau khi tách tỉnh; trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 3 năm (1998-2000). Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 47 uỷ viên; đồng chí Lương Đức Tính Bí thư Thành uỷ được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Tháng 1/1998, thành uỷ Thái Nguyên họp và ra Nghị quyết chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian trước mắt. Trên cơ sở quán triệt các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII, Hội nghị xác định phương hướng chung trong năm 1998 là tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng toàn diện công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và hoạt động của các đoàn thể để có thể đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội...



Theo phương hướng ấy, Hội nghị đề ra một số mục tiêu cụ thể cần đạt được trong năm 1998:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 10% đến 12%.
- Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp 71 tỷ đồng.
- Sản lượng lương thực quy thóc 24.000 tấn.
- Diện tích trồng chè mới 50 ha.
- Diện tích trồng cây ăn quả 200 ha.
- Thu ngân sách trên địa bàn 38,280 tỷ đồng.
- Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ trên đây, điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải quan tâm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt.

Nhận thức rõ điều đó, Đảng bộ đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, củng cố và kiện toàn các cấp uỷ Đảng. Trong năm 1997, Thành uỷ đã điều động 22 cán bộ về 13 phường đảm nhận các chức vụ Bí thư, Phó bí thư, Thường trực Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân; đồng thời chỉ đạo bầu bổ sung 36 đồng chí vào cấp uỷ cơ sở thay thế cho số cán bộ đã chuyển chuyên công tác. Công tác phát triển Đảng và xử lý kỉ luật đảng viên, làm trong sạch



nội bộ Đảng cũng được đẩy mạnh. Trong năm 1997, Đảng bộ Thành phố có 73 chi, đảng bộ trực thuộc (68,22%) đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, 31 cơ sở (28,98%) được xếp loại khá, 3 cơ sở (2,8%) yếu kém. Số đảng viên đủ tư cách mức I có 8.744 đồng chí (89,2%), mức II có 968 đồng chí (9,96%), mức III có 78 đồng chí (0,79%) và mức IV có 5 đồng chí (0,05%).

Sức mạnh của Đảng bộ được tăng cường là cơ sở vững chắc để Đảng bộ củng cố vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp cách mạng. Thực tế cho thấy: nơi nào cơ sở Đảng vững mạnh thì nơi đó mọi mặt công tác đều phát triển. Trái lại, nơi nào cơ sở Đảng yếu kém thì nơi ấy không hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Từ thực tiễn của năm 1997 và những năm trước đó, bước sang năm 1998, Ban Thường vụ Thành uỷ quyết định tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khóa III) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tạo ra sự chuyển biến đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ trên, cùng với việc tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên. Năm 1998, Ban Tuyên giáo Thành uỷ đã biên soạn và phát hành trên 3.700 cuốn "Thông tin nội bộ".



bảo đảm cho mỗi chi bộ có một tờ báo "Nhân dân", báo "Thái Nguyên" và một cuốn "Sổ tay Chi bộ" do Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ phát hành hằng tháng.

Để nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo của cán bộ, năm 1998, Thành uỷ mở hai lớp bồi dưỡng cho 185 đảng viên mới, 6 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 450 Bí thư và cán bộ cấp uỷ cơ sở; cử 18 cán bộ phường, xã đi học lớp trung cấp lí luận và nhiều cán bộ học lớp cử nhân chính trị v.v... Ban Thường vụ Thành uỷ còn duyệt quy hoạch cán bộ trong những năm tới và chủ trương từ năm 1998 trở đi, chỉ tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ của Thành phố những người có trình độ đại học hoặc tương đương; việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí từ cấp phó trở lên cũng phải có những tiêu chuẩn ấy và tuổi đời không quá 40.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, Đảng bộ Thành phố luôn luôn được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh uỷ. Ngày 13/2/1998, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 02/NQ-TU ngày 10/10/1992 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Bắc Thái về quản lí, xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên. Tham dự Hội nghị có các đồng chí trong các Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ, lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành của tỉnh và Thành phố.

Thay mặt Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố, đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố



báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 02 của Tỉnh uỷ Bắc Thái. Báo cáo nêu rõ: Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, sự nghiệp xây dựng và phát triển đô thị của Thành phố đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra bộ mặt đô thị ngày càng văn minh, sạch đẹp, góp phần tích cực vào tiến trình đô thị hóa trên địa bàn toàn tỉnh và khu vực. Tuy nhiên, tốc độ phát triển đô thị của Thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu.

Kết luận Hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ khẳng định: Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Bắc Thái là một chủ trương phù hợp với thực tiễn và còn nguyên giá trị. Thành phố cần phát huy hết trách nhiệm quản lý toàn diện, phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh, khai thác có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn trong dân, phát huy nội lực để phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng, quản lý đô thị đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 16/2/1998, Ban Thường vụ Thành uỷ họp đề ra chủ trương: động viên toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân Thành phố khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố trong năm 1998.



Thành uỷ chú trọng chỉ đạo các cơ sở Đảng trong khối doanh nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp tiến hành tổ chức Đại hội, trong đó việc lựa chọn cấp uỷ được xem xét, cân nhắc cụ thể. Đến đầu tháng 1/1999, toàn Đảng bộ đã có 83/86 cơ sở trực thuộc tiến hành Đại hội. Trong đội ngũ cấp uỷ viên nhiệm kì này, số có trình độ lí luận, trình độ chuyên môn từ trung học trở lên chiếm tỷ lệ khá cao, được quần chúng tín nhiệm.

Được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, các tổ chức cơ sở Đảng tích cực đẩy mạnh công tác kiểm tra, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng đảng viên là tăng cường đấu tranh tự phê bình và phê bình, nêu cao vai trò của đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Những kết quả thu được trong công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng đã tác động tích cực đến các lĩnh vực khác. Kinh tế Thành phố trong năm 1998 có sự tăng trưởng khá. Sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp đạt 102% kế hoạch, tăng 13,5% so với năm 1987. Tổng sản lượng lương thực (quy ra thóc) đạt 24.407 tấn (tăng 8,47% so với kế hoạch). Thu ngân sách vượt 16,3%. Chi ngân sách cũng có tiến bộ, đã chú trọng chi cho phát triển kinh tế (đạt 127% kế hoạch).



Mặt trận văn hóa cũng có những bước chuyển tích cực. Các hoạt động văn hóa được mở rộng, tạo ra sự chuyển biến từ cơ sở. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" được tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần ổn định và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đến năm 1999, cuộc vận động đã có 261 khu dân cư trong tổng số 280 khu dân cư hưởng ứng. Trong số đó, có 46 khu dân cư tiên tiến và 81 cá nhân tiêu biểu; gần 10.000 gia đình văn hóa cấp Phường, Xã; 75 gia đình văn hóa cấp Thành phố và 7 gia đình văn hóa cấp Tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh; quy mô giáo dục ở các cấp học được mở rộng; chất lượng dạy và học được nâng lên. Số học sinh tốt nghiệp ở các cấp học đều đạt trên 95%.

Tóm lại, với việc đẩy mạnh cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII), Đảng bộ Thành phố trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng tổ chức, xứng đáng là người lãnh đạo nhân dân và các dân tộc Thành phố thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội trong năm 1998.

Bước sang năm 1999, cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh



công cuộc đổi mới, thi đua lập thành tích hướng tới cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004.

Nhận thức đây là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của nhân dân cả nước nhằm lựa chọn những đại biểu ưu tú đại diện cho nhân dân ở thời điểm đầu thế kỷ XXI, ngày 30/8/1999, Ban Thường vụ Thành uỷ ra chỉ thị "Về lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004".

Bản Chỉ thị nêu rõ yêu cầu đối với các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa cuộc bầu cử, quyền và nghĩa vụ của người công dân đối với cuộc bầu cử; vận động mọi cử tri tự giác, chủ động tham gia bầu cử; chỉ đạo khẩn trương việc tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kết hợp chặt chẽ việc triển khai quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Bản Chỉ thị nhấn mạnh: "Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bầu cử Hội đồng nhân dân đồng thời thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế, xã hội ở địa



Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XIV
ra mắt trước Đại hội đại biểu Thành phố lần thứ XIV.



phương, đơn vị, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đề ra trong năm 1999, chuẩn bị tốt cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế đến năm 2000¹.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể các cấp, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân (14/11/1999) diễn ra thực sự dân chủ, đúng luật và an toàn.

Từ cuối năm 1999 đầu năm 2000, do yêu cầu công tác, đồng chí Lương Đức Tính - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; ngày 1/1/2000 đồng chí Lê Xuân Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công về làm Bí thư Thành ủy Thái Nguyên. Mặc dù có sự thay đổi cán bộ chủ chốt giữa nhiệm kỳ, nhưng mọi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố vẫn ổn định. Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân Thành phố thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội lần thứ XIII đề ra.

Trong không khí phấn khởi cùng với những thành tựu chung của đất nước hơn 10 năm thực hiện đổi

1. Chỉ thị Về lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004 - Số 34/CT-TU - 30/8/1999, tr.2.



mới, được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XIV đã khai mạc trọng thể ngày 14/11/2000. Đại hội có mặt 175 đại biểu (trong số 180 đại biểu được triệu tập) đại diện cho 11.211 đảng viên sinh hoạt ở 111 chi, đảng bộ trực thuộc. Sau 3 ngày làm việc (14 - 16/11/2000) hết sức sôi nổi, Đại hội đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII; quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố từ năm 2001 đến năm 2005; bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ khóa XIV gồm 33 uỷ viên. Đồng chí Lê Xuân Hùng - Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ - được Thành uỷ khóa 14 bầu lại làm Bí thư; các đồng chí Nghiêm Văn Tung và Phạm Xuân Dương được bầu làm Phó Bí thư Thành uỷ.

Với tinh thần "Dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm, kỉ cương, đoàn kết, thống nhất", Đại hội đã đánh giá đầy đủ, khách quan kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội lần thứ XIII đề ra.

Đại hội khẳng định: trong nhiệm kì 5 năm (1996-2000), mặc dù có sự thay đổi 3 đồng chí Bí thư Thành uỷ, 2 đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố, nhưng Đảng bộ vẫn phát huy được sức mạnh đoàn kết, nhất trí, tập trung lãnh đạo và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên mọi mặt công tác.



Trong 5 năm (1996-2000), kinh tế, xã hội trên địa bàn Thành phố đều có bước phát triển: tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 4,75%; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 3,45%; thương mại, dịch vụ tăng bình quân 5,95%; nông - lâm nghiệp tăng bình quân 6,85%. Tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế cũng có sự chuyển đổi: Công nghiệp, xây dựng chiếm 45,9%; thương mại, dịch vụ chiếm 44,2%; nông - lâm nghiệp chiếm 9,9%. Thu nhập bình quân đầu người trong 5 năm (1996-2000) đạt 5,8 triệu đồng (tương đương 413 USD). Đầu tư xây dựng cơ bản tăng bình quân 8,6%/năm. Cũng nhờ đó, kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị Thành phố từng bước được nâng cấp; bộ mặt đô thị Thành phố ngày một sạch, đẹp và sôi động hơn.

Cùng với việc phát triển kinh tế, các chỉ tiêu giáo dục, xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII đề ra cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng: 100% trường học trên địa bàn Thành phố được ngói hóa; trong đó trên 40% trường học có nhà cao tầng; mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đã hoàn thành. Trẻ em suy dinh dưỡng từ 35% trong năm 1996 đã giảm xuống còn 29,7% trong năm 2000. Bình quân hằng năm Thành phố giải quyết được 2.230 lao động có việc làm. Tỷ lệ lao động không có việc làm từ 9,8% trong năm 1996 đã giảm xuống còn 7,5% trong năm



2000. Tỷ lệ hộ nghèo từ 12% giảm xuống còn 5%, góp phần ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao phát triển mạnh, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đổi mới. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội về cơ bản được bảo đảm. Các chỉ tiêu về công tác quốc phòng - quân sự địa phương hàng năm đều hoàn thành. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ Thành phố thường xuyên duy trì chế độ bồi dưỡng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ và đảng viên; làm cho mọi người nhận thức sâu sắc hơn về thời cơ và thách thức, khó khăn và thuận lợi của cả nước cũng như của Thành phố, nâng cao cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, Đảng bộ rất quan tâm gắn việc quán triệt các Nghị quyết của Trung ương Đảng với việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể, tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hệ thống tổ chức của Đảng bộ được kiện toàn, phương thức lãnh đạo được đổi mới; nội dung sinh



hoạt được cải tiến, bám sát yêu cầu thực tiễn đặt ra. Trong 5 năm (1996-2000), tỷ lệ cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đạt bình quân 70,14%; số đảng viên đủ tư cách mức I đạt tỷ lệ bình quân 84,38%. Đảng bộ đã cử gần 300 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ tại các trường của Trung ương và tỉnh; mở 86 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 8.185 lượt cán bộ. Đến năm 2000, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Thành phố có trình độ đại học chiếm 66,1%; số có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên chiếm 89,7%.

Đảng bộ Thành phố cũng đặc biệt chăm lo xây dựng hệ thống chính trị các cấp, từng bước đổi mới thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền tiến hành, quản lý, nhân dân làm chủ. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy vai trò là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Công tác quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục có nhiều đổi mới. Nhiều phong trào thi đua có nội dung thiết thực được phát động và được quần chúng hưởng ứng. Điển hình là các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" của Mặt trận Tổ quốc, "Thi đua lao động giỏi" trong công nhân,



viên chức của Liên đoàn Lao động, "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước" của Đoàn Thanh niên, "Xóa đói, giảm nghèo", "Vay vốn giúp đỡ nhau phát triển kinh tế" của Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...

Trong tất cả mọi hoạt động, Đảng bộ luôn luôn dựa vào dân, sâu sát từng cơ sở để được nghe ý kiến của nhân dân. Có thể nói, quan điểm "lấy dân làm gốc" đã được Đảng bộ quán triệt một cách sâu sắc. Đây chính là một trong những nhân tố có tính chất quyết định giúp cho thành phố Thái Nguyên luôn trở thành một đơn vị có phong trào thi đua khá của tỉnh. Năm 1999, Thành phố được suy tôn là lá cờ đầu trong phong trào thi đua yêu nước của khối các huyện, thành, thị trong tỉnh.

Là một đơn vị hành chính có trên 240.000 dân, gần bằng 20% dân số toàn tỉnh, nhưng đến năm 2000, giá trị tổng sản phẩm quốc dân (GDP) của Thành phố đã chiếm 50,05% giá trị tổng sản phẩm quốc dân của toàn tỉnh (trong đó, giá trị công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 70,03%; thương mại - dịch vụ chiếm 80,5%; thu ngân sách chiếm 71,42%).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, Thành phố vẫn còn một số tồn tại, khuyết điểm: "Kinh tế chậm phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc; quản lí quy hoạch tổng thể Thành



phố chưa tốt, triển khai quy hoạch chi tiết còn chậm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém..."¹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XIV là một sự kiện nổi bật trong đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vào những ngày tháng cuối cùng của thế kỉ XX. Đại hội không chỉ tổng kết, đánh giá nhiệm kì 1996-2000, mà còn đánh giá tổng quát chặng đường gần 40 năm xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thành phố; đồng thời đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm đầu của thế kỉ XXI.

Ngày 10/1/2001, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Xuân Hùng, Bí thư Thành uỷ Ban Thường vụ Thành uỷ họp bàn phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế, xã hội của Thành phố năm 2001. Phân tích đánh giá tình hình, Hội nghị cho rằng, bước vào năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2005), ngoài những bài học kinh nghiệm được đúc kết sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, Thành phố có nhiều thuận lợi rất cơ bản. Đó là, Thành phố có nhiều tiềm năng về đất đai và lao động; đã thu hút được nguồn vốn bên ngoài và trong dân để đầu tư cho công nghệ mới; nhân dân Thành phố có nhiều phẩm chất tốt đẹp, có truyền

1. Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIV.



thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo; tình hình chính trị, xã hội ổn định.

Bên cạnh đó, Thành phố cũng đang đứng trước nhiều thách thức lớn: công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và nông nghiệp phát triển chậm; mức sống của nhân dân ở các xã phía Tây còn thấp; tính cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động kinh tế diễn ra ngày một quyết liệt, nếu không nhanh chóng vươn lên thì sẽ bị tụt hậu xa về kinh tế; một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống; các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn...

Từ sự phân tích đánh giá tình hình như trên, Ban Thường vụ Thành uỷ chủ trương năm 2001 "cần phải tập trung khai thác mọi tiềm năng thế mạnh, phát huy nội lực, tạo ra sức mạnh mới trong phát triển kinh tế, xã hội; tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ mới"¹.

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 2000, phương hướng nhiệm vụ năm 2001 của Thành uỷ Thái Nguyên - số 03 BC/TU - 5/1/2001.



Đối với nhiệm vụ kinh tế xã hội, Thành uỷ quyết định động viên Đảng bộ, quân và dân Thành phố thi đua phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế lên 7%; giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đạt 105 tỷ đồng, tổng sản lượng lương thực (có hạt) đạt 23.000 tấn, trồng mới 150 ha cây ăn quả, 100 ha chè, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 32,78 tỷ đồng...

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, vấn đề quan trọng là phải xây dựng Đảng bộ lớn mạnh ngang tầm với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn hiện tại. Ban Thường vụ Thành uỷ quyết định tổ chức thực hiện nghiêm túc cuộc vận động chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng 6 (lần 2), khóa VIII¹. Các tổ chức Đảng, trước hết là cấp uỷ phải nắm vững và vận dụng một cách sáng tạo đường lối,

1. Hội nghị BCHTWĐ lần thứ 6 (lần 2), khóa VIII họp từ ngày 25/1 đến ngày 2/2/1999 ra Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", quyết định tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình. Cuộc vận động này thực hiện từ ngày 19/5/1999 đến ngày 19/5/2000. Ngày 14/1/2001, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Công văn số 33-CV/TW yêu cầu toàn Đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2), khóa VIII.

Thực hiện Nghị quyết TW 6 (lần 2), khóa VIII, từ tháng 5/1999 thành uỷ Thái Nguyên đã chỉ đạo Đảng bộ bước vào cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng.

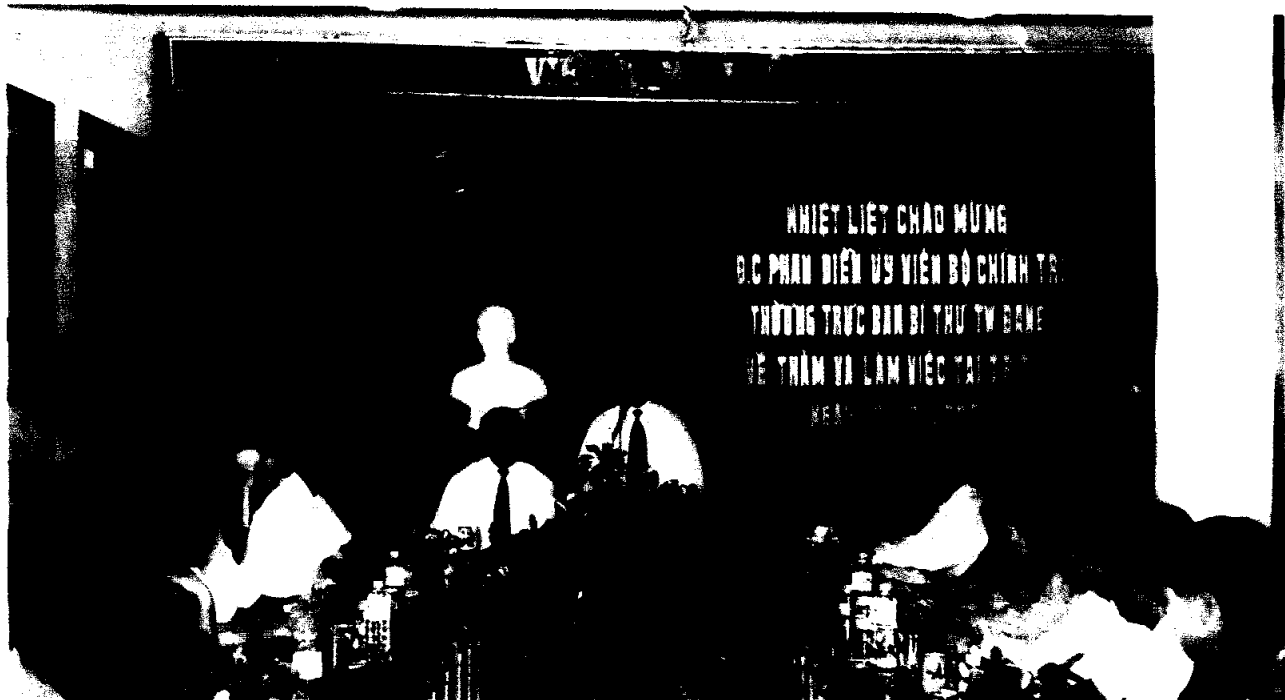


chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của Thành phố, của phường, xã, cơ quan, đơn vị... Đi đôi với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phải chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, không dám hoặc không muốn đổi mới, thậm chí cản trở đổi mới.

Trong những năm qua, nhất là từ năm 1996 trở đi, Thành uỷ luôn luôn đặt công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là một nội dung hoạt động quan trọng hàng đầu. Năm 2001, với 21 cuộc họp của Ban Thường vụ Thành uỷ, trong số 41 chương trình nghị sự được đưa ra thảo luận, có 15 chương trình liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế, quản lý, xây dựng đô thị, 13 chương trình về công tác tổ chức và xây dựng Đảng. Sáu tháng đầu năm 2002, Ban Thường vụ cũng đã có 6 lần thảo luận và quyết định những vấn đề về công tác tổ chức và công tác xây dựng Đảng.

Từ tháng 7/2001, Thành uỷ chỉ đạo các cơ sở Đảng trong Đảng bộ tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh 5 năm (1996-2000).

Trong hai cuộc vận động xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh và xây dựng chính quyền Đảng, Đảng bộ Thành phố được Tỉnh uỷ chọn làm điểm chỉ đạo và được Trung ương ghi nhận. Ngoài



Đồng chí Phan Diễn - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng - về thăm và làm việc tại thành phố Thái Nguyên ngày 27-7-2002.



sự chỉ đạo, kiểm tra, giúp đỡ trực tiếp của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Thành phố còn nhận được sự quan tâm của Trung ương Đảng trực tiếp là Ban Kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Ngày 19/6/2000, đồng chí Phạm Thị Sơn (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng đồng thời là thành viên Ban Kiểm tra thực hiện Nghị quyết TW 6 (lần 2)) về kiểm tra việc thực Nghị quyết TW 6 (lần 2) ở Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã đánh giá cao kết quả cuộc vận động chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ Thành phố.

Trong 5 năm thực hiện cuộc vận động xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên của Đảng bộ được nâng cao, sức chiến đấu của Đảng bộ cũng ngày một tăng. Từ chỗ 68,2% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, 29% loại khá, 2,8% loại yếu kém năm 1997, đến năm 2000, số cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đã tăng lên 73,9%, số cơ sở Đảng loại khá là 26,1% và không còn cơ sở Đảng yếu kém. Năm 1996, số đảng viên đủ tư cách mức I chiếm tỷ lệ 87,07%, mức II: 11,77%, mức III: 1,03% và mức IV: 0,12%. Đến năm 2000, số đảng viên đủ tư cách mức I: 92,31%, mức II: 7,16%, mức III: 0,47% và mức IV chỉ còn 0,03%.



Một yếu tố quan trọng đảm bảo cho cuộc vận động xây dựng chính quyền Đảng của Đảng bộ Thành phố đạt kết quả cao là tập thể và mỗi thành viên Ban Thường vụ Thành uỷ đều đặt mình vào trong cuộc vận động. Tinh thần tự phê bình và phê bình thẳng thắn của mỗi uỷ viên Ban Thường vụ đã thật sự là tấm gương cho cán bộ và đảng viên trong Đảng bộ noi theo.

Ngày 15/1/2002, Ban Thường vụ Thành uỷ triệu tập cuộc họp tự kiểm điểm tập thể và cá nhân các uỷ viên Thường vụ theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2). Hội nghị nhất trí đánh giá: Các đồng chí uỷ viên Ban Thường vụ (khóa XIV) là những đồng chí đã được Đảng giáo dục, rèn luyện, thử thách qua nhiều cương vị, môi trường, lĩnh vực công tác, được đào tạo về lí luận, chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng tiếp thu và vận dụng đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn, có tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp trí tuệ cùng với tập thể Ban Thường vụ và Ban Chấp hành để đề ra những chủ trương sát đúng, thiết thực với cuộc sống, góp phần nâng cao uy tín, vai trò lãnh đạo của tập thể Ban Thường vụ...

Hội nghị cũng vạch ra những hạn chế, thiếu sót của Ban Thường vụ trong lãnh đạo và chỉ đạo: Công tác quản lí quy hoạch xây dựng, chỉnh trang đô thị chưa đi vào nền nếp; công tác quản lí đất đai, giải



phóng mặt bằng, giải quyết các trường hợp xây dựng trái phép... chưa kiên quyết, dứt điểm; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội còn dễ diễn biến phức tạp; cuộc đấu tranh chống tham nhũng đạt kết quả thấp...

Giữa tháng 1/2002, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố (khóa XIV) họp Hội nghị đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ năm 2001 đã khẳng định: Các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của Thành phố năm 2001 đều đạt và vượt kế hoạch, trong đó có nhiều chỉ tiêu vượt ở mức cao:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 10,8% (tỉnh đạt 8,6% và cả nước đạt 6,8%). Tổng thu nhập quốc dân (GDP) trên địa bàn Thành phố chiếm 53% tổng thu nhập quốc dân toàn tỉnh.

- Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đạt 164,6% kế hoạch.

- Tổng sản lượng lương thực (có hạt) tăng 6,6% kế hoạch.

- Diện tích trồng mới cây ăn quả vượt kế hoạch 70%, trồng chè đạt 100% kế hoạch.

- Thu ngân sách vượt 41,5%.

- Mức giảm tỷ suất sinh thô đạt 0,4%, bằng 100% kế hoạch.



Một thành công có ý nghĩa quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới là Thành uỷ đã vạch ra được nhiều chính sách khuyến khích phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2001-2005, tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh chủ động và năng động hơn trong việc tiếp cận thị trường, mạnh dạn đổi mới công nghệ, đổi mới quản lí. Cuối năm 2001, Thành phố có 304 doanh nghiệp, trong đó có 42 doanh nghiệp Nhà nước, 6 công ty liên doanh, 9 công ty cổ phần, 225 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, 22 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp. Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tăng 31,6% so với năm 2000; trong đó doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,2%, khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 51,9%, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 12,2%.

Hoạt động thương mại - dịch vụ - du lịch được mở rộng và phát triển khá mạnh. Năm 2001, Thành phố có 6.668 hộ kinh doanh, tăng 168 hộ so với năm 2000. Công tác quản lí thị trường, chống gian lận thương mại, trốn thuế được đẩy mạnh. Năm 2001, Thành phố tiến hành kiểm tra 3.632 vụ, xử lí 514 vụ vi phạm, thu phạt 908 triệu đồng.

Cùng với các ngành khác, sản xuất nông nghiệp Thành phố chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ



cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Năm 2001, Thành phố có 1.241 ha chè, 1.242 ha cây ăn quả; trong đó có 812 ha chè kinh doanh và 700 ha cây ăn quả cho thu hoạch. Toàn Thành phố có 24/32 hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi theo luật định, bước đầu thực hiện có kết quả. Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư thỏa đáng, bê tông hóa 26 km kênh mương, trải nhựa hoặc đổ bê tông 20 km đường dân sinh...

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Số học sinh các cấp học, bậc học đều tăng. Chất lượng dạy và học cũng được nâng cao từng bước. Trong năm học 2000-2001, số học sinh các cấp lên lớp đạt bình quân 97%, số học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 97,5%. Cơ sở vật chất trong các trường học cũng được trang bị ngày càng khá hơn.

Các chương trình, mục tiêu về y tế được triển khai đạt kết quả tốt. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ (tỷ lệ người sinh con thứ 3 giảm 19% so với năm 2000).

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi, góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương và tạo ra cuộc sống vui tươi, lành mạnh trong toàn dân.



An ninh chính trị ổn định, tiềm lực quốc phòng được củng cố, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo điều kiện cho kinh tế, xã hội của Thành phố phát triển. Năm 2001, Thành phố xảy ra 396 vụ phạm pháp hình sự, giảm 24 vụ so với năm 2000. Tuy nhiên, tệ nạn xã hội diễn biến khá phức tạp; số người nghiện hút ma túy trên địa bàn Thành phố là 1.169 người (giảm 78 người so với năm 2000). Tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng.

Các đoàn thể quần chúng đẩy mạnh hoạt động, tích cực động viên các tầng lớp nhân dân đoàn kết, hăng hái tham gia phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội. Đến năm 2001, Thành phố đã có 100% khu dân cư triển khai thực hiện Quy chế dân chủ, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong sạch, vững mạnh.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới, bám sát các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát... Hầu hết các nghị quyết do Hội đồng nhân dân các cấp đề ra đều đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, sát với tình hình thực tế của địa phương, hợp lòng dân, tạo bước chuyển biến khá toàn diện về kinh tế, xã hội của cơ sở và Thành phố.



Ủy ban nhân dân các cấp từ Thành phố xuống các phường, xã có nhiều đổi mới trong công tác điều hành quản lí, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các cơ quan chuyên môn, giúp việc; thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế, xã hội, chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết 16 của Chính phủ về tinh giản biên chế (giảm số phòng, ban của Thành phố xuống còn 10 đơn vị quản lí Nhà nước).

Từ những kinh nghiệm của những năm trước, năm 2001, Ban Thường vụ Thành uỷ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Ngoài việc tổ chức chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở Đảng học tập các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIV, Thành uỷ tập trung chỉ đạo các cấp uỷ Đảng ở cơ sở tổ chức học tập Quy định 55 QĐ/TW của Bộ Chính trị về 19 điều đảng viên không được làm, 3 Pháp lệnh về chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm và pháp lệnh cán bộ, công chức. Đảng bộ Thành phố mở 38 lớp bồi dưỡng lí luận chính trị phổ thông cho 4.408 đảng viên mới và đối tượng kết nạp Đảng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 02 ngày 29/6/2001 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Thái Nguyên về xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên



giai đoạn 2001-2005, Thành uỷ đã đề ra Chương trình hành động 10 điểm:

1. Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 29/6/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết về xây dựng và phát triển Thành phố giai đoạn 2001-2005.

2. Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa bảo đảm có cơ cấu kinh tế Công nghiệp - Dịch vụ - Nông - Lâm nghiệp phát triển nhanh, bền vững, tiêu biểu cho sự phát triển của tỉnh, làm động lực cho sự phát triển của các địa phương khác trong tỉnh.

3. Thực hiện quy hoạch chi tiết và kế hoạch xây dựng, chỉnh trang, quản lý đô thị.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị để Thành phố xứng đáng là trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục của vùng Việt Bắc.

5. Thực hiện các biện pháp đủ mạnh để chặn đứng, đi đến đẩy lùi tệ nạn ma túy trên địa bàn.

6. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Chủ động cùng các ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, thể chế



hóa Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về xây dựng và phát triển Thành phố để tổ chức thực hiện.

8. Xây dựng nội dung, kế hoạch chuẩn bị kỉ niệm 40 năm ngày thành lập Thành phố (19/10/1962 - 19/10/2002).

9. Thực hiện cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực nhân dân quan tâm và thực hiện sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp, biên chế gián tiếp trong các doanh nghiệp.

10. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Thực hiện chương trình 10 điểm của Thành uỷ, các cơ quan, đơn vị, trường học, các phường, xã trên địa bàn đều bừng lên khí thế thi đua sôi nổi, lập thành tích chào mừng kỉ niệm 40 năm thành lập Thành phố.

Tính đến tháng 12/2001, Đảng bộ Thành phố có 114 chi, đảng bộ trực thuộc (trong đó có 67 đảng bộ, 47 chi bộ), 629 Chi bộ dưới cơ sở được tổ chức phù hợp với các đơn vị sản xuất, công tác và sinh hoạt ở các khu dân cư. Toàn Đảng bộ có 95 tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh (bằng 83,3% tăng 9,4% so với năm 2000); 18 chi, đảng bộ loại khá và 1 tổ chức cơ sở loại yếu kém; 11.284 đảng



viên trong tổng số 11.839 đảng viên đủ tư cách mức I; số đảng viên đủ tư cách mức IV chỉ còn 0,03%. Trong năm 2001, Đảng bộ Thành phố kết nạp được 467 đảng viên mới, tăng 11,2% so với năm 2000; đồng thời đưa 4 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Năm 2002, thành phố Thái Nguyên tròn 40 năm xây dựng và trưởng thành. Hướng tới ngày lễ kỉ niệm 40 năm thành lập Thành phố, Hội nghị Thành uỷ lần thứ 7 họp ngày 15/1/2002 đã đề ra cho Thành phố một số mục tiêu phấn đấu chủ yếu trong năm 2002: Nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế lên trên 10%; giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đạt 150 tỷ đồng; sản lượng lương thực (có hạt) đạt 25.000 tấn; trồng mới 130 ha chè và 280 ha cây ăn quả; thu ngân sách đạt 60 tỷ đồng; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5%; giải quyết việc làm cho 3.200 lao động...

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu trên, Thành uỷ xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế là trọng tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt. Năm 2002, công tác xây dựng Đảng phải tập trung vào 3 nhiệm vụ chính:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả lãnh



đạo của tổ chức Đảng, vai trò quản lí của Nhà nước, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra của cấp uỷ và Ủy ban kiểm tra các cấp, chủ yếu là kiểm tra đảng viên chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ngày 30/7/2002, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố đề ra "Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương (khóa IX)". Trên cơ sở rà soát các chương trình, đề án, kế hoạch đang triển khai thực hiện, đồng thời tiếp thu những quan điểm, chủ trương, nội dung, biện pháp mới của Trung ương và của Tỉnh. Chương trình hành động của Thành uỷ nêu rõ phải tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Thành phố đến năm 2010; đẩy mạnh công tác tư tưởng, lí luận; đổi mới, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở phường, xã.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên đã nỗ lực thi đua, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2002: Sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ



công nghiệp đạt 64,7% chỉ tiêu cả năm (tăng 42,2% so với 6 tháng cùng kì năm trước), trong đó doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 73,11%, hộ tư nhân tăng 4,2%; diện tích gieo trồng vụ đông - xuân vượt 6,3% kế hoạch, tăng hơn vụ đông - xuân năm trước 3,7%; tổng sản lượng lương thực vụ đông - xuân tăng 5,3% so với vụ đông - xuân năm 2001. Hoạt động thương mại, dịch vụ ổn định; thu ngân sách đạt 57,4% kế hoạch...

Sự nghiệp giáo dục không ngừng phát triển. Thành phố đã thành lập Hội khuyến học để đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục. Trong năm học 2001-2002, ở bậc tiểu học, số học sinh lên lớp đạt 99,9% (tăng 0,9% so với năm học trước), trong đó có 85,5% đạt loại khá, giỏi (tăng 1,5%); số học sinh tốt nghiệp đạt 100%, trong đó có 94% khá, giỏi; ở bậc trung học cơ sở, số học sinh lên lớp đạt 99,97% (tăng 0,97%), trong đó số khá, giỏi là 71,5% (tăng 2,05%); số tốt nghiệp đạt 89,22%, trong đó có 37,62% khá, giỏi. Trong năm học này, Thành phố đã đầu tư trên 6 tỷ đồng để xây dựng thêm 92 phòng học kiên cố.

Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi ở khắp các phường, xã. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được triển khai sâu, rộng ở tất cả các phường, xã, các



cơ quan, đơn vị. Sáu tháng đầu năm 2002, Thành phố có 35.000 gia đình, 180 xóm phố, 70 cơ quan đăng kí phần đầu trở thành gia đình, xóm phố, cơ quan văn hóa; xây dựng thêm 10 Nhà văn hóa cơ sở...

Những kết quả trên đây đều gắn liền với công tác xây dựng Đảng bộ. Vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được quan tâm. Sáu tháng đầu năm 2002, Thành phố cử 15 cán bộ đi học lớp cao cấp lí luận chính trị, 23 cán bộ học lớp trung cấp lí luận, 12 cán bộ chủ chốt được cử đi học lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do tỉnh triệu tập. Thành uỷ còn chỉ đạo Trung tâm bồi dưỡng chính trị phối hợp với các Ban xây dựng Đảng, các ngành, các đoàn thể tổ chức 21 lớp bồi dưỡng về lí luận chính trị, quản lí Nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên.

Công tác phát triển đảng viên mới được đẩy mạnh, 6 tháng đầu năm 2002 Đảng bộ đã kết nạp 199 đảng viên mới và chuyển Đảng chính thức cho 212 đồng chí. Việc thực hiện Quy định 76 của Trung ương tiếp tục được triển khai...

Những thành tựu và bước chuyển biến mới trên đây góp phần tạo tiền đề cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thành phố phần đầu xây dựng Thành phố trở thành đô thị loại II theo tiêu chuẩn do Nhà nước quy định.



Căn cứ vào Nghị định 72/NĐ-CP ngày 5/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị, đối chiếu với tiêu chí theo Nghị định 72, trên cơ sở đề nghị của Ban Thường vụ Thành uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân Thành phố, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã hoàn tất mọi thủ tục đề nghị Chính phủ công nhận thành phố Thái Nguyên là đô thị loại II. Đây là niềm tự hào và cũng là nguồn động lực mới giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thành phố tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.



KẾT LUẬN

Kể từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đến nay, thời gian đã trôi qua trên 1/4 thế kỉ. Đó chỉ là một quãng thời gian rất ngắn ngủi so với lịch sử dân tộc, nhưng đã chứng kiến bao sự thăng trầm, đổi thay trong đời sống kinh tế - xã hội của thành phố Thái Nguyên. Trong thời gian ấy, thành phố Thái Nguyên trải qua ba chặng đường lịch sử:

- Từ tháng 5/1975 đến năm 1985 là 10 năm Thành phố cùng cả nước hoạt động theo mô hình kinh tế hành chính bao cấp, sớm xóa bỏ các thành phần kinh tế cá thể, tư hữu. Sự duy trì lâu dài mô hình này đã trở thành sức cản lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trở nên gay gắt. Đời sống của cán bộ và nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Từ năm 1986 đến năm 1996, thành phố Thái Nguyên tiến hành công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) và lần thứ VII (7/1991). Về kinh tế, Thành



phổ thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, áp dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về xã hội, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp với việc mở rộng phúc lợi xã hội, xử lý tốt việc tăng trưởng kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp, từng bước xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực.

- Từ 1/1/1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập. Thành phố Thái Nguyên từ chỗ là trung tâm kinh tế - chính trị - hành chính - văn hóa của tỉnh Bắc Thái, trở thành trung tâm kinh tế - chính trị - hành chính - văn hóa của tỉnh Thái Nguyên, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hơn 15 năm thực hiện đổi mới, bộ mặt kinh tế - xã hội thành phố Thái Nguyên đã có nhiều biến đổi ngày càng sâu sắc. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ từng bước phát triển. Hàng tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân Thành phố được nâng lên rõ rệt.

Từ trong thực tiễn 27 năm qua, Đảng bộ Thành phố đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác lãnh đạo:



Bài học thứ nhất: Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là một nhân tố cơ bản, có tính quyết định nhất dẫn đến mọi thắng lợi.

Đảng bộ Thành phố có số lượng đảng viên đông nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh. Trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Thành phố nhìn chung cao hơn so với nhiều Đảng bộ khác trong tỉnh, nhưng không đồng đều. Số đảng viên là cán bộ trung, cao cấp công tác trong các ngành về hưu, sinh hoạt ở các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Thành phố cũng nhiều hơn. Thành phố Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, lại là đầu mối các trục đường giao thông ở vùng Việt Bắc, rất gần với thủ đô Hà Nội.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình ấy, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được duy trì thường xuyên dưới nhiều hình thức và biện pháp phong phú. Những biểu hiện của tư tưởng ngại khó, dao động trong một số cán bộ, đảng viên kịp thời bị phê phán. Cho nên, trong mọi thời kỳ, kể cả những lúc tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là



khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đất nước ta lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng nhìn chung cán bộ và đảng viên trong Đảng bộ đã tỏ rõ sự vững vàng, không mất niềm tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác phát triển Đảng, kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên. Công tác kiểm tra Đảng được đặc biệt coi trọng và nhìn chung được duy trì thường xuyên. Nhờ đó, những hiện tượng làm trái Điều lệ Đảng, làm sai nguyên tắc tổ chức của Đảng được kịp thời chấn chỉnh. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt hoạt động ngày càng được phát huy.

Bài học thứ hai: Trên cơ sở nắm vững đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, phải biết vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Trong mỗi giai đoạn, mỗi thời điểm lịch sử, xuất phát từ tình hình và yêu cầu cụ thể của cách mạng, Trung ương Đảng và Nhà nước đều đưa ra những chủ trương, chính sách lớn. Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ



cũng có những chỉ thị, nghị quyết quan trọng để lãnh đạo mọi mặt công tác trong phạm vi toàn tỉnh.

Những chủ trương, chính sách ấy chỉ mang lại kết quả khi nó được cụ thể hóa thông qua sự vận dụng của các cấp bộ Đảng địa phương. Vì vậy, hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, ở đây đòi hỏi phải có sự sáng tạo.

Trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, trước hết là Ban Thường vụ Thành uỷ, biết căn cứ vào đặc điểm tình hình của Thành phố, triển khai thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ bằng các chỉ thị, nghị quyết cụ thể. Trong một số mặt công tác lớn và những chủ trương lớn, Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố mở hội nghị toàn thể, bàn bạc dân chủ nhằm phát huy trí tuệ tập thể để định ra những nội dung và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Mặt khác, Thành uỷ chủ động đặt mối quan hệ công tác với các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ trên địa bàn nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Đảng bộ.

Có thể nói, thắng lợi của Đảng bộ Thành phố trong công tác lãnh đạo trước hết là ở chỗ biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Chính sự vận dụng sáng tạo ấy đã giúp cho Đảng bộ tổ chức chỉ đạo



thành công mọi mặt công tác, từng bước đưa Thành phố phát triển đi lên.

Bài học thứ ba: Thường xuyên chăm lo xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ; trên cơ sở đó, không ngừng mở rộng khối đoàn kết toàn dân là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trung ương Đảng, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng và mở rộng khối đoàn kết. Trước khi qua đời, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản "Di chúc lịch sử và căn dặn: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"¹.

Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng, thực hiện lời dạy của Bác Hồ, đồng thời xuất phát từ thực tế của một Đảng bộ có đội ngũ đảng viên đông đảo thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, trình độ nhận thức cũng khác nhau và

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xem: "Vi độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội" - NXB Sự Thật - Hà Nội, 1970. Tr.329.



từ nhiều nơi đến cư trú, Thành uỷ Thái Nguyên thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, trước hết là trong tập thể cấp uỷ; đặc biệt coi trọng sự đoàn kết nhất trí giữa các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Thành phố.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy: Vấn đề đoàn kết nội bộ Đảng bộ, trước hết là sự đoàn kết nhất trí trong cấp uỷ, đều trực tiếp ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Đảng bộ ở tất cả các lĩnh vực trên địa bàn; đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ không những cho Thành phố, mà còn cho tỉnh. Vì vậy, Đảng bộ Thành phố thường xuyên duy trì chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và các chi bộ. Những biểu hiện gây mất đoàn kết, tự tư, tự lợi, vun vén lợi ích cá nhân, cục bộ, hữu khuynh... đã kịp thời bị phê phán và từng bước loại trừ qua các kì Đại hội. Nhờ đó, nhìn chung trong 40 năm qua, Đảng bộ Thành phố vẫn giữ được sự đoàn kết, thống nhất; nhiều năm được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, Thành uỷ luôn chú trọng lãnh đạo xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Các đoàn thể quần chúng không ngừng được củng cố và kiện toàn. Những đồng chí trong cấp uỷ có tinh thần trách



nhiệm được cử sang phụ trách các tổ chức quần chúng. Vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc Thành phố ngày càng được tăng cường. Thông qua các cuộc vận động chính trị, các phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác và học tập, Mặt trận đã động viên được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội. Sự nhất trí về chính trị, tinh thần trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Thành phố ngày càng được phát huy cao độ. Đó chính là nhân tố có tính chất quyết định thắng lợi mọi mặt công tác của Thành phố trong hơn 1/4 thế kỷ vừa qua.

Từ thực tiễn 40 năm xây dựng và trưởng thành (1962-2002) và nhất là 27 năm gần đây (1975-2002), Đảng bộ Thành phố ngày càng nhận thức rõ: Muốn xây dựng và giữ vững khối đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng cũng như trong toàn dân, trước hết cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu, luôn luôn chăm lo đến quyền lợi tập thể, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Mặt khác, phải đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương chủ nghĩa; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung, dân chủ; thường xuyên chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng để không ngừng nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân



dân, làm cho mỗi người ý thức được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng.

Bài học thứ tư: Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, cần phát động phong trào quần chúng rộng rãi, đồng thời phải biết xây dựng điển hình, tổng kết điển hình để rút kinh nghiệm nhân ra diện.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Không có sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân thì cách mạng không thể thành công.

Nhận thức rõ điều đó, đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, Đảng bộ đều biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Trong tất cả các thời kì, mỗi khi triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Thành uỷ đều tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập, khơi dậy và phát huy tính tích cực, tự giác ở mỗi người. Nhờ đó, mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhanh chóng đi vào thực tế cuộc sống, trở thành hành động cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Các phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, thực hành tiết kiệm, xóa đói giảm nghèo, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, v.v... được phát động và duy trì trong nhiều năm



qua, chính là thành công to lớn của Đảng bộ Thành phố trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Trong khi phát động phong trào quần chúng rộng rãi, đồng thời để duy trì phong trào, đối với một số mặt công tác lớn, Đảng bộ Thành phố biết tập trung chỉ đạo điển hình. Trên cơ sở xây dựng điển hình tốt (tập thể và cá nhân), Đảng bộ kịp thời tổ chức rút kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi trong các ngành, các giới, khích lệ động viên mọi người hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

Bài học thứ năm: Thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực lãnh đạo, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp là một trong những yếu tố quyết định đảm bảo thắng lợi mọi mặt công tác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc.



Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng..."¹. Theo Người, "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"².

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Thành phố rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ các ngành, các giới và các cấp, nhất là những cán bộ chủ chốt. Vì vậy, cùng với việc duy trì và đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa, Thành uỷ thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng lí luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ cấp uỷ. Nhiều cán bộ lãnh đạo được cử đi học bồi dưỡng tại các lớp dài hạn do Tỉnh hoặc Trung ương tổ chức. Trong những năm gần đây, Thành uỷ chủ trương bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí cũng như tuyển dụng cán bộ về công tác ở Thành phố phải có trình độ đại học hoặc tương đương.

Nhận rõ thực tiễn là môi trường rèn luyện tốt nhất đối với mỗi cán bộ, đảng viên, cho nên ngoài biện pháp mở các lớp bồi dưỡng về văn hóa, lí luận chính trị và nghiệp vụ, Thành uỷ còn thực hiện chế độ luân chuyển cán bộ. Theo chế độ này, nhiều cán

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập 1945-1947, T.IV - NXB Sự Thật - Hà Nội 1984. Tr.487. 492.



bộ trẻ của Thành phố được điều động xuống các phường, xã đảm nhận các chức vụ Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Sau một thời gian, những cán bộ đó được rút về các cơ quan Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố giữ các chức vụ quan trọng.

Bằng các biện pháp tích cực và chủ động trên đây, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã xây dựng được cho mình một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và bề dày kinh nghiệm. Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy một thực tế là, Đảng bộ chưa đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ từ cơ sở để họ có khả năng vươn lên đảm nhận vai trò Bí thư Thành ủy hoặc ở cương vị lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Những bài học kinh nghiệm được đúc rút cùng với những thành tựu đạt được trong 27 năm qua chính là nguồn động lực mới giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu xây dựng thành phố Thái Nguyên xứng đáng là Thủ phủ, là trung tâm quan trọng nhất về chính trị - hành chính của tỉnh và là trung tâm quan trọng về công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, khoa học, giáo dục của vùng Việt Bắc.



Hội nghị tọa đàm LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN – TẬP II (1975 – 2002)
do Thành ủy tổ chức ngày 15-5-2002.

PHẦN PHỤ LỤC



PHỤ LỤC

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ THÀNH ỦY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐẾN NAY

1. Hoàng Minh Trí:

- Sinh ngày 5/10/1920.
- Trú quán: thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Quyền Bí thư Thành uỷ lâm thời từ tháng 10/1962 đến tháng 5/1963.

2. Trần Tường:

- Sinh tháng 12/1920.
- Quê quán: xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.
- Bí thư Thành uỷ các khóa: I (1963-1965), II (1965-1967), IV (1971-1973), V (1973-1974) và VI (1974-1977).

3. Lê Đình Nhậm:

- Sinh năm 1922.
- Quê quán: xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.
- Bí thư Thành uỷ khóa III (1967-1971).



4. Nguyễn Duy An:

- Sinh ngày 10/10/1928.

- Quê quán: xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

- Bí thư Thành uỷ các khóa: VII (1978-1980), VIII (1980-1982) và IX (1983-1986).

5. Nguyễn Ngọc Yến:

- Sinh ngày 26/10/1947.

- Quê quán: xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bí thư Thành uỷ các khóa: X (1986-1989) và XI (1989-1991).

6. Phan Thế Ruệ:

- Sinh ngày 2/9/1946.

- Quê quán: xã Minh Tâm, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Bí thư Thành uỷ từ năm 1991 và khóa XII (1992-1996).

7. Lương Đức Tính:

- Sinh ngày 15/1/1947.

- Quê quán: xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.



- Bí thư Thành uỷ khóa XIII (3/1997 - 12/1999).

8. Lê Xuân Hùng:

- Sinh ngày 5/10/1944.

- Quê quán: xã Tân Phú, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bí thư Thành uỷ từ tháng 1/2000 và khóa XIV (2001-2005).



CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ THÀNH ỦY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐẾN NAY

1. Dương Quyền:

- Sinh ngày 3/1/1923.
- Quê quán: xã Bảo Lí, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- Phó Bí thư Thành uỷ các khóa: 1967-1971, 1971-1973 và 1973-1974.

2. Nguyễn Đình Hình:

- Sinh ngày 15/8/1923.
- Quê quán: xã Bần Yên Nhân (nay là thị trấn Bần Yên Nhân), huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ từ năm 1973 đến năm 1981.

3. Nguyễn Đức Tân:

- Sinh ngày 15/1/1930.
- Quê quán: xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1974 đến năm 1977.



4. Nguyễn Quang Đạo:

- Sinh ngày 2/12/1931.

- Quê quán: xã Tích Lương, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1977 đến năm 1983.

5. Dương Kim Uyên:

- Sinh tháng 10/1927.

- Quê quán: xã Vì Nhuế, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1978 đến năm 1984.

6. Hoàng Từ:

- Sinh ngày 15/6/1929.

- Quê quán: xã Yên Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1980 đến năm 1982.

7. Vũ Đức Thịnh:

- Sinh ngày 24/1/1940.

- Quê quán: xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Phó Bí thư Thành uỷ từ đầu năm 1983 đến năm 1986.



8. Bùi Xuân Hùng:

- Sinh ngày 6/6/1938.
- Quê quán: xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ từ năm 1986 đến năm 1995.

9. Nguyễn Văn Lạc:

- Sinh tháng 8/1934.
- Quê quán: xã An Ninh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.
- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1986 đến năm 1992.

10. Nguyễn Huy Thái:

- Sinh ngày 24/2/1948.
- Quê quán: xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1995 đến năm 1998.

11. Lê Thanh Mộc:

- Sinh ngày 29/3/1940.
- Quê quán: xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.



- Phó Bí thư Thành uỷ từ năm 1995 đến năm 2000; (quyền Bí thư Thành uỷ từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1997).

12. Nghiêm Văn Tung:

- Sinh ngày 12/3/1955.

- Quê quán: xã Minh Tâm, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

- Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ từ tháng 11/2000.

13. Phạm Xuân Dương:

- Sinh ngày 1/10/1956.

- Quê quán: xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Phó Bí thư Thành uỷ từ tháng 4/1999.



DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY CÁC KHÓA - TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐẾN NAY

Khóa lâm thời (1962-1963):

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| 1. Hoàng Minh trí | Phó Bí thư - quyền Bí thư |
| 2. Huỳnh Hữu | Ủy viên |
| 3. Hà Tam Tuất | Ủy viên |

Khóa I (1963-1965):

- | | |
|-------------------|------------|
| 1. Trần Tường | Bí thư |
| 2. Hoàng Minh Trí | Phó Bí thư |
| 3. Nguyễn Văn Hòa | Ủy viên |
| 4. Trần Văn Bảo | Ủy viên |
| 5. Trần Bằng | Ủy viên |

Khóa II (1965-1967):

- | | |
|---------------------|------------|
| 1. Trần Tường | Bí thư |
| 2. Lê Đình Nhậm | Phó Bí thư |
| 3. Trần Bảo | Ủy viên |
| 4. Nguyễn Đình Hình | Ủy viên |
| 5. Nguyễn Văn Thụ | Ủy viên |



6. Dương Quyền

Ủy viên

7. Trần Bằng

Ủy viên

Khóa III (1967-1971):

1. Lê Đình Nhậm

Bí thư

2. Dương Quyền

Phó Bí thư

3. Nguyễn Đình Hình

Ủy viên

4. Ngô Văn Số

Ủy viên

5. Trần Bằng

Ủy viên

6. Nguyễn Tế Hồng

Ủy viên

7. Mai Kim Thanh

Ủy viên

Khóa IV (1971-1973):

1. Trần Tường

Bí thư

2. Dương Quyền

Phó Bí thư

3. Nguyễn Đình Hình

Ủy viên

4. Ngô Văn Số

Ủy viên

5. Dương Văn Quyền

Ủy viên

6. Nguyễn Tế Hồng

Ủy viên

7. Vũ Kim Tiến

Ủy viên

Khóa V (1973-1974):

1. Trần Tường

Bí thư

2. Nguyễn Đình Hình

Phó Bí thư



3. Dương Quyền	Phó Bí thư
4. Trần Sinh	Ủy viên
5. Dương Văn Quyền	Ủy viên
6. Nguyễn Đức Tân	Ủy viên
7. Vũ Kim Tiến	Ủy viên

Khóa VI (1974-1977):

1. Trần Tường	Bí thư
2. Nguyễn Đình Hình	Phó Bí thư
3. Nguyễn Đức Tân	Phó Bí thư
4. Trần Sinh	Ủy viên
5. Dương Văn Quyền	Ủy viên
6. Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên
7. Vũ Hiến	Ủy viên

Khóa VII (1978-1980):

1. Nguyễn Duy An	Bí thư
2. Nguyễn Đình Hình	Phó Bí thư
3. Dương Kim Uyên	Phó Bí thư
4. Hoàng Từ	Phó Bí thư
5. Dương Văn Quyền	Ủy viên
6. Nguyễn Đôn Tường	Ủy viên
7. Nguyễn Quang Đạo	Ủy viên



8. Trần Sinh	Ủy viên
9. Nguyễn Đình Linh	Ủy viên
10. Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên
11. Vũ Đình Tuy	Ủy viên

Khóa VIII (1980-1982):

1. Nguyễn Duy An	Bí thư
2. Nguyễn Quang Đạo	Phó Bí thư
3. Hoàng Từ	Phó Bí thư
4. Dương Kim Uyên	Phó Bí thư
5. Dương Văn Quyền	Ủy viên
6. Nguyễn Bảo	Ủy viên
7. Trần Bảo Hùng	Ủy viên
8. Nguyễn Văn Lạc	Ủy viên
9. Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên
10. Phùng Đức Nự	Ủy viên
11. Vũ Đình Tuy	Ủy viên

Khóa IX (1983-1986):

1. Nguyễn Duy An	Bí thư
2. Vũ Đức Thịnh	Phó Bí thư
3. Nguyễn Quang Đạo	Phó Bí thư



4. Dương Kim Uyên Ủy viên
5. Nguyễn Văn Lạc Ủy viên
6. Bùi Xuân Hùng Ủy viên
7. Nguyễn Văn Thử Ủy viên
8. Vũ Xuân Lữ Ủy viên
9. Nguyễn Văn Lai Ủy viên
10. Vũ Đình Tuy Ủy viên
11. Hà Trịnh Ủy viên

Khóa X (1986-1989):

- | | |
|---------------------|------------|
| 1. Nguyễn Ngọc Yến | Bí thư |
| 2. Bùi Xuân Hùng | Phó Bí thư |
| 3. Nguyễn Văn Lạc | Phó Bí thư |
| 4. Dương Văn Phúc | Ủy viên |
| 5. Dương Văn Bẩy | Ủy viên |
| 6. Nguyễn Doãn Kinh | Ủy viên |
| 7. Nguyễn Văn Thử | Ủy viên |
| 8. Nguyễn Văn Lai | Ủy viên |
| 9. Trần Bảo Hùng | Ủy viên |
| 10. Lê Quang Khải | Ủy viên |
| 11. Vũ Đình Tuy | Ủy viên |



Khóa XI (1989-1992):

1. Nguyễn Ngọc Yến	Bí thư
2. Bùi Xuân Hùng	Phó Bí thư
3. Nguyễn Văn Lạc	Phó Bí thư
4. Dương Văn Phúc	Ủy viên
5. Đào Xuân An	Ủy viên
6. Nguyễn Văn Thử	Ủy viên
7. Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên
8. Trần Bảo Hùng	Ủy viên
9. Lê Thanh Mộc	Ủy viên
10. Đặng Quang Li	Ủy viên
11. Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên

Khóa XII (1992-1996):

1. Phan Thế Ruệ	Bí thư
2. Bùi Xuân Hùng	Phó Bí thư
3. Nguyễn Huy Thái	Ủy viên
4. Lê Thanh Mộc	Ủy viên
5. Đào Xuân An	Ủy viên
6. Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên
7. Dương Văn Phúc	Ủy viên
8. Phạm Xuân Dương	Ủy viên



9. Nghiêm Văn Tung	Ủy viên
10. Đặng Quang Li	Ủy viên
11. Nông Lăng Mao	Ủy viên

Khóa XIII (1996-2000):

1. Phan Thế Ruệ	Bí thư (đồng chí Lương Đức Tính thay thế từ năm 1997 và đồng chí Lê Xuân Hùng thay thế từ ngày 1/1/2000)
2. Nguyễn Huy Thái	Phó Bí thư
3. Lê Thanh Mộc	Phó Bí thư
4. Đào Xuân An	Ủy viên
5. Phạm Xuân Dương	Ủy viên
6. Nguyễn Doãn Kinh	Ủy viên
7. Dương Văn Phúc	Ủy viên
8. Nghiêm Văn Tung	Ủy viên
9. Đặng Quang Li	Ủy viên
10. Nông Lăng Mao	Ủy viên
11. Đinh Văn Thế	Ủy viên (từ tháng 4/1999)
12. Lê Cát Lượng	Ủy viên (từ tháng 4/1999)



Khóa XIV (2000-2005):

1. Lê Xuân Hùng	Bí thư
2. Nghiêm Văn Tung	Phó Bí thư
3. Phạm Xuân Dương	Phó Bí thư
4. Dương Thị Hải	Ủy viên
5. Mai Đông Kinh	Ủy viên
6. Ngô Quang Sơn	Ủy viên
7. Dương Thắng	Ủy viên
8. Đinh Văn Thế	Ủy viên
9. Nguyễn Đức Hãnh	Ủy viên
10. Nông Lăng Mao	Ủy viên
11. Lê Cát Lượng	Ủy viên



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Chương I: Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, chi viện bảo vệ biên giới (5-1975 - 12-1979).</i>	5
<i>Chương II: Khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm (1980-1985).</i>	91
<i>Chương III: Đảng bộ thành phố trong thời kỳ đầu thực hiện đổi mới (1986-1990).</i>	139
<i>Chương IV: Đẩy mạnh thực hiện đổi mới toàn diện (1991-1996).</i>	206
<i>Chương V: Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1997-2002).</i>	251
<i>Kết luận.</i>	287
<i>Phân phụ lục</i>	299